



**SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU**  
**Trò phô diễn của**  
**tự tánh của năm dakini trí huệ**  
**Thinley Norbu**



# **SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU**

**Trò phô diễn của tự tánh của năm dakini  
trí huệ**

**THINLEY NORBU**



**THIỆN TRI THỨC**

**MAGIC DANCE**  
**THE DISPLAY OF THE SELF-NATURE**  
**OF THE FIVE WISDOM DAKINIS**

Thinley Norbu, 1981

**SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU**  
**TRÒ PHÔ DIỄN CỦA TỰ TÁNH**  
**CỦA NĂM DAKINI TRÍ HUỆ**

Người dịch : Nguyễn Nhân Cát Đăng

NXB. THIÊN TRI THỨC, 2005

## NỘI DUNG

Đề Tặng .....	7
Vào Đề .....	18
Những Hiện Tượng Cá Nhân và Chung .....	31
Hai Cực Đoan và Vượt Khỏi Hai Cực Đoan .....	43
Dòng .....	55
Thói Quen, Giác Mộng và Thời Gian .....	64
Tâm Chơi Đùa .....	77
Huyền Thuật và cái Huyền Bí .....	86
Chữa Lành .....	100
Năng Lượng và Thần Lực .....	115
Kính Trọng .....	122
Truyền Thống .....	131
Nghệ Thuật .....	142
Biệt Lập .....	153
Thực Hành Thiền Định .....	163
Lời Cuối .....	184

**Tôi lẽ lạy Tâm Trí Huệ của mình  
nó là vị thầy trí huệ tốt nhất của tôi,  
nguồn của mọi phẩm tính thấy được và không thấy  
được.**

**Chúng sanh thì luôn luôn ở trong thời gian và nơi chốn.**

**Nếu chúng sanh ở trong thời gian,**

**Vị thầy trí huệ của tôi nhảy múa ảo diệu trong thời gian.**

**Nếu chúng sanh ở trong nơi chốn,**

**vị thầy trí huệ của tôi nhảy múa ảo diệu trong nơi chốn,**

**Nếu thực sự khảo sát, ngài không hao giờ trụ lại nơi  
đâu.**

**Ngài chỉ phô bày.**

**Với cái không bao giờ trụ lại, với ngài,**

**Vị thầy trí huệ tốt nhất của tôi, tôi lẽ lạy.**

## ĐỀ TẶNG

Cuốn sách này không được viết theo một truyền thống nào. Vô số truyền thống cách viết đã dựa trên những quan niệm nhị nguyên bình thường bất tận, trên lòng bi thông tỏ cao cả, và trên trí huệ bất nhị tỏa khắp mọi nơi, thế nên độc giả có thể chọn bất kỳ truyền thống nào họ thích.

Một số người muốn cắt hoa và đặt chúng lên một bàn thờ trong một cái bình đẹp để cúng dường thần linh. Những người khác thích cắt hoa và đặt chúng trong một cái bình đẹp để trang hoàng nhà họ. Số người khác thích kết hoa thành một tràng để đeo quanh cổ, và những người khác muốn kết thành một vương miện đội trên đầu. Lại có một số người không thích hái hoa, mà để chúng phát triển tự nhiên trong đồng cỏ ngập nắng.

Bất kể chúng ta chọn truyền thống nào, nó cũng luôn luôn đến từ năm nguyên tố (năm đại: đất, nước, lửa, gió, không) trở về lại với năm nguyên tố, và ở trong năm nguyên tố. Tôi viết cuốn sách này để thiết lập, xác định nền tảng, con đường và kết quả của truyền thống năm nguyên tố ấy theo một cách tự nhiên giản dị.

Tôi bắt đầu cuốn sách này trong phòng thiền định của những người bạn tôi ở New York, thành phố điên cuồng dữ dội nhất trong thế giới, xuất hiện như một ngọn núi rực rỡ làm chóng mặt. Tôi chấm dứt cuốn sách này trong phòng thiền định của những người bạn tôi ở Paris, thành phố thiên đường thanh lịch nhất trong thế giới, xuất hiện như một mạn đà la đẹp đẽ

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

huyền hoặc. Trong cả hai thành phố này, những người bạn chân thật bày tỏ sự rộng lượng, lòng tốt, trung thực và cao quý của họ với tôi.

Đức Phật Thích Ca nói, “Mọi hiện tượng sanh khởi từ những nhân duyên. Bởi vì những nhân duyên tốt có thể sanh khởi bằng ý định tốt, cái gì chúng ta cầu nguyện đều sẽ xuất hiện.” Thế nên nguyện tất cả chúng sanh, đặc biệt những người đã giúp tôi trong cuốn sách này, học được cách sử dụng năng lực của tinh túy thuần khiết bí mật của năm nguyên tố để đạt đến giác ngộ.

*Hồi năm Sư Tử Trí Huệ,*

*Nếu chúng tôi không kết hợp được các chị,*

*Các chị trở thành năm bà phù thủy,*

*Làm cho chúng tôi bệnh tật và đem đến khổ đau,*

*Bởi vì chúng tôi không thể xua đuổi các chị,*

*Số phận của chúng tôi luôn dựa vào các chị.*

*Hồi năm Sư Tử Trí Huệ,*

*Nếu chúng tôi kết hợp được các chị,*

*Các chị trở thành năm thiên thần,*

*Làm cho chúng tôi khỏe mạnh và đem đến hạnh phúc,*

*Bởi vì chúng tôi không thể xua đuổi các chị,*



*Số phận của chúng tôi luôn dựa vào các chị.*

*Hồi năm Sư Tử Trí Huệ,*

*Không có gì có thể thành nếu không dựa vào tính cách của các chị.*

*Những nhà nông không thể trồng lúa,*

*Những nhà chính trị không thể điều hành đất nước họ,*

*Những kỹ sư không thể vận hành những cái máy của họ,*

*Những y sĩ không thể chữa lành bệnh nhân,*

*Những nhà khoa học không thể nghiên cứu,*

*Những triết gia không thể lý luận,*

*Những nghệ sĩ không thể sáng tạo nghệ thuật,*

*Nếu không dựa vào tính cách của các chị.*

*Hồi năm Sư Tử Trí Huệ,*

*Không có cái gì có thể được biết mà không dựa vào ân sủng của các chị.*

*Những lama Tây Tạng không thể hát tụng với tập quán cao nguyên lạnh lẽo,*

*Những guru Ấn Độ không thể hát ca với tập quán đồng bằng âm áp,*

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

*Những lão sư Nhật Bản không thể ngồi với tập quán tọa cụ sấm màu,*

*Những lãnh tụ Hồi giáo không thể nhảy múa với tập quán áo choàng màu sáng,*

*Những tính mục Thiên Chúa giáo không thể cầu kinh với tập quán giọng trầm,*

*Những giáo sĩ Do Thái giáo không thể nguyện cầu với tập quán giọng cao nhẹ,*

*Nếu không dựa vào ân sủng của các chị.*

*Hồi năm Sư Tử Trí Huệ,*

*Thậm chí những phép lạ huyền bí nhất không thể xảy ra nếu không bẻ sung cho sự thanh tịnh của các chị.*

*Phật Thích Ca Mâu Ni không thể khép hờ đôi mắt hoa sen lặng yên dưới gốc Bồ đề,*

*Guru Padmasambhava không thể phô diễn thần lực với vô số dakini đi trên không trung,*

*Chúa Jesus không thể đi trên mặt nước,*

*Tiên tri Moses không thể thấy bụi cây cháy sáng,*

*Bà la môn Saraha không thể dương thẳng tên, hát những bài ca trí huệ với cô gái làm tên,*

*Thánh Tilopa điên không thể ăn cá và hành hạ Naropa,*

*Thiền giả vĩ đại nhất Milarepa không thể ở trong hang*

*động, hát ca và chấp nhận những gian khổ,  
Nếu không bẻ sung cho sự thanh tịnh của các chị.*

*Chị thật là kiên nhẫn.*

*Ai muốn ở lại,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể ở lại.*

*Ai muốn đi,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể đi.*

*Ai muốn ném hay sờ chạm,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể ném hay sờ chạm.*

*Bất cứ hành động nào của chúng tôi,*

*Chị luôn luôn đang nâng đỡ*

*Một cách kiên nhẫn mà không than van.*

*Nhưng chúng tôi, những chúng sanh vô minh*

*Luôn luôn bội bạc,*

*Giẫm đạp lên chị*

*Gọi chị là Đất.*

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

*Chị thật là liên tục.*

*Ai muốn được tịnh hóa,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể được tịnh hóa.*

*Ai muốn đỡ cơn khát,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể hết khát.*

*Ai muốn nghe,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể nghe.*

*Bất cứ hành động nào của chúng tôi,*

*Chị luôn luôn đang chảy qua*

*Một cách không ngừng mà không than van.*

*Nhưng chúng tôi, những chúng sanh tham lam*

*Luôn luôn bội bạc,*

*Hắt chị tung tóe,*

*Gọi chị là Nước.*

*Chị thật là trong sáng.*

*Ai muốn chiến đấu,*

Nếu chị không hiện hữu,  
Thì không thể chiến đấu.

Ai muốn yêu thương,  
Nếu chị không hiện hữu,  
Thì không thể yêu thương,

Ai muốn thấy,  
Nếu chị không hiện hữu,  
Thì không thể thấy.

Bất cứ hành động nào của chúng tôi,  
Chị luôn luôn đang soi chiếu  
Một cách không ngăn ngại mà không than van.  
Nhưng chúng tôi, những chúng sanh kiêu mạn  
Luôn luôn bội bạc,  
Đập tắt chị,  
Gọi chị là Lửa,

Chị thật là thanh nhẹ.  
Ai muốn đứng lên,  
Nếu chị không hiện hữu,  
Thì không thể đứng lên.

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

*Ai muốn chuyển động,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể chuyển động.*

*Ai muốn ngủi,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể ngủi.*

*Bất cứ hành động nào của chúng tôi,*

*Chị luôn luôn đang chuyển động*

*Không có trọng lượng mà không than van.*

*Nhúng chúng tôi, những chúng sanh đố kỵ*

*Luôn luôn bội bạc,*

*Quạt thổi chị,*

*Gọi chị là Không Khí.*

*Chị thật là rỗng rang.*

*Ai muốn hiện hữu,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể hiện hữu.*

*Ai không muốn hiện hữu,*

*Nếu chị không hiện hữu,*

*Thì không thể ngừng hiện hữu.  
Ai muốn biết những hiện tượng,  
Nếu chị không hiện hữu,  
Thì không thể biết những hiện tượng.  
Bất cứ hành động nào của chúng tôi,  
Chị luôn luôn đang chào đón  
Một cách rộng rang mà không than van.  
Nhưng chúng tôi, những chúng sanh vô minh  
Luôn luôn bội bạc,  
Làm trống không chị,  
Gọi chị là Không Gian.*

*Các chị là nô lệ không đòi hỏi của chúng tôi,  
Không mệt mỏi phục vụ chúng tôi,  
Từ người thường đến bậc cao cả,  
Để đáp ứng những ý muốn thế gian của chúng tôi.  
Các chị là nữ hoàng đầy quyền uy,  
Thu phục và hấp dẫn chúng tôi,  
Từ người thường đến bậc cao cả,  
Vào những phẩm tính đáng tróc ao.*

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

*Các chị là Dakini Trí Huệ của chúng tôi,*

*Hướng dẫn chúng tôi với sự nhảy múa ảo diệu không nỗ lực,*

*Từ người thường đến bậc cao cả,*

*Vào những phẩm tính đáng ước ao.*

*Và như vậy, tôi muốn giới thiệu các chị.*



**“Dù chỉ một giọt cam lồ của danh hiệu ngài  
rơi vào tai chúng tôi, nó sẽ làm tràn đầy chúng  
Tôi âm thanh của pháp trong nhiều đời.  
Tam Bảo vi diệu, vinh quang tỏa khắp,  
mong ngài luôn luôn ban những điều lành.”**

**PATRUL RINPOCHE**

## VÀO ĐỀ

Mọi lãnh vực giới hạn hay không giới hạn của hiện hữu, dù thô đại hay vi tế, bất hạnh hay hạnh phúc, tầm thường hay cao cả, đều nương dựa vào năm nguyên tố, chúng là căn cứ của mọi hiện tượng thanh tịnh và không thanh tịnh. Trọn khắp sanh tử và niết bàn, từ nguyên tử đến những côn trùng, con người và đồ vật và máy móc, mọi sự được làm bằng năm nguyên tố.

Mọi nguyên tố của những hiện tượng có thể thấy được là sự phô diễn của Tâm Trí Huệ bí mật không phân chia không ngăn ngại. Bản chất của Tâm Trí Huệ như tấm gương (Đại Viên Cảnh Trí) là: mọi sự sanh khởi với tiềm năng, tiềm năng có ngăn ngại và không ngăn ngại.

Khi nào chúng ta không nhận biết bản tánh thanh tịnh của sự biểu lộ của phô diễn trí huệ, chúng ta bám vào sự phán chiếu tự-sanh khởi không thể nắm bắt của tâm vô ngại, làm che ám tánh không và quang minh bất khả phân của nó, và như vậy phân chia những nguyên tố hiện tượng vốn không có phân chia thành chủ thể và đối tượng. Ngay khi có phân chia, bên không có thanh tịnh và chướng ngại.

Với sự phân chia này, “tôi” trở thành chủ thể và cái mà “tôi” tri giác trở thành đối tượng, dù một hay nhiều, sống động hay vô tri, hữu tình hay vô tình. Với sự phân chia này, có sự chuyển động giữa chủ thể và đối tượng, sự chuyển động ấy là sự bắt đầu của chiều hướng và thời gian, giữa nhân duyên căn bản và nhân duyên góp thêm, giữa khước từ và chấp nhận những hiện tượng thích và không thích, giữa những ý

định xấu và tốt, và giữa nghi ngờ và hy vọng. Chúng ta gọi tầm phân chia này là tâm nhị nguyên, nó là nguyên nhân của mọi nghiệp xấu và tốt.

Khi nào chúng ta nhận biết bản tánh thanh tịnh của sự biểu lộ của phô diễn trí huệ bí mật vô tướng, chúng ta rõ biết tinh túy bí mật thanh tịnh của những nguyên tố. Với sự nhận biết này, không có chủ thể và không có đối tượng, không có bắt đầu và không có chấm dứt, không có chiều hướng và không có thời gian, không có nhân duyên căn bản và nhân duyên góp thêm, thế nên không có nghiệp. Với sự nhận biết này, chân lý tối hậu và chân lý tương đối trở thành tánh giác-hư không trong sáng, bất nhị; không thể phân chia. Trong cái không này, những hiện tượng sanh khởi tự do và sự phô diễn của Tâm Trí Huệ này không phải là không có gì. Tâm giác ngộ nhảy múa vô ngại với những hiện tượng tuy nhiên có tiềm năng ngăn cản những hiện tượng theo ý muốn như chọn việc ăn hay không ăn.

Tâm giác ngộ phản chiếu bình đẳng tất cả năm trí huệ. Nhưng do vô minh, qua vô số đời chúng ta đã tạo ra những quan niệm và những thói quen nghiệp chúng che ám phẩm tính sống động, vô ngại, giống như tấm gương của Tâm Trí Huệ. Do tâm bị che ám bình thường của chúng ta, cái ta của chúng ta tạo ra những phạm trù từ sự bình đẳng. Với cái ta và những phạm trù, bèn có chất thể, với sự sinh ra của chất thể có cái chết của nó, và với cái chết có khổ đau. Thân thể thuộc nghiệp trì trệ và mòn cũ của chúng ta và mọi chất thể khác là kết quả của nguyên tố thô do sự bất lực của chúng ta trong những đời trước không nhận biết được tinh túy vô hình

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

bí mật của mọi chất thể. Chúng ta lạc lõng và khổ đau vì sự mòn cũ bên ngoài và vô minh bên trong. Nhưng dù chúng ta chưa có thể nhận biết ngay tinh túy vô hình bí mật, chớ nên nghĩ nó thì ở rất xa. Tinh túy bí mật luôn luôn ở trong những nguyên tố thô và tế.

Thông thường chúng ta luôn tin rằng mê lầm thì được Tâm Trí Huệ không mê lầm hiểu biết, nhưng thực ra mê lầm được hiểu bởi tâm mê lầm bình thường. Tâm Trí Huệ không mê lầm không có bất kỳ quan niệm mê lầm nào bởi vì nó không có một chủ thể hay đối tượng mê lầm. Từ quan điểm tương đối của tâm bình thường, Tâm Trí Huệ không phân chia và bí mật có vẻ được phân chia thành những nguyên tố bên ngoài và bên trong, chúng biểu lộ từ cảm nhận vị tế và phân biệt tăng dần đến hình tướng thô đại và rõ nét, xuất hiện bên trong như thịt, máu, hơi nóng, hơi thở và thức, và bên ngoài như đất, nước, lửa, gió và không gian.

Những biểu lộ bên trong và bên ngoài của những nguyên tố bên trong và bên ngoài được nối kết với nhau bằng những hoạt động của chúng ta. Hình tướng chất thể bên ngoài của đất và hình tướng chất thể bên trong của thịt được nối kết bằng ăn. Nước bên ngoài và máu bên trong được nối kết bằng uống. Lửa bên ngoài của mặt trời và sự nóng ấm bên trong của thân được nối kết bằng hấp thụ. Không khí bên ngoài và hơi thở bên trong của thân được nối kết bằng thở. Không gian bên ngoài của bầu trời và không gian bên trong của tâm được nối kết bằng rỗng rang. Tất cả năm nguyên tố nương dựa tùy thuộc lẫn nhau và ở trong mỗi nguyên tố, cho phép chúng nối kết và sáng tạo trò phô diễn vô cùng của hiện tượng.

Những hiện tượng xuất hiện thấy được cho tâm bình thường do từ nguyên tố không khí vi tế có từ nguyên tố không gian vi tế hơn. Bởi vì chúng đều thanh nhẹ và không thấy được, chúng bổ túc lẫn nhau, và khi nhiều nguyên tố không khí vi tế thấy được bị nghiệp hấp dẫn đến quan niệm nguyên tố không gian vi tế hơn của tâm bình thường, chúng hòa hợp và chuyển động với nhau không tách rời. Hoạt động này tự động phát sanh sự ấm nóng vi tế là tinh chất của nguyên tố lửa vi tế. Khi nhiều nguyên tố lửa có chất thể và thấy được bị nghiệp hấp dẫn đến nguyên tố không khí vi tế, chúng hòa hợp và chuyển động với nhau không tách rời. Hoạt động này làm phát sanh nguyên tố nước kém vi tế hơn. Khi nhiều nguyên tố nước vi tế có chất thể và thấy được bị nghiệp hấp dẫn đến nguyên tố lửa vi tế, chúng hòa hợp và chuyển động với nhau không tách rời. Hoạt động này làm phát sanh nguyên tố đất có chất thể nhất và thấy được nhất.

Khi người ta chết, tiến trình này đi ngược lại. Khi hình tướng chất thể của nguyên tố đất tan vào nguyên tố nước, thân tái xanh và bất động. Khi tính chất trớt của nguyên tố nước tan vào nguyên tố lửa, thân trở nên khô. Khi hơi ẩm của nguyên tố lửa tan vào nguyên tố không khí, thân trở nên mát lạnh. Khi hơi thở của nguyên tố không khí tan vào nguyên tố không gian, tâm trở nên vô ý thức và điều này gọi là chết.

Nếu chúng ta có quan điểm hư vô và tin rằng chúng ta sanh ra như một kết quả của dịp may hay ngẫu nhiên, chúng ta nghĩ rằng những hiện tượng chấm dứt vào lúc chết hay khi những hoàn cảnh (duyên) thay đổi, thế nên không còn gì để có thể nói về những hiện tượng mới. Nếu chúng ta có quan

điểm vĩnh cửu và tin vào một đấng sáng tạo không thể thấy, chúng ta nghĩ rằng chúng ta nối kết với đấng sáng tạo ra chúng ta vào lúc chết, thế nên chúng ta nói một cách lạc quan về việc đến thiên đường. Nhưng từ quan điểm Phật giáo, là một sai lầm nếu nghĩ như những người hư vô rằng vào lúc chết những nguyên tố vi tế đã tan biến mất cùng với cái thô đại. Theo Phật giáo, khi những nguyên tố thô hết sạch và năng lực của nó giảm, chúng tan vào nhau, trở nên càng lúc càng vi tế, và sẽ lại trở nên thấy được và tái xuất hiện như những nguyên tố bên ngoài và bên trong trong những lãnh vực khác nhau của sự tái sinh theo nghiệp. Chúng ta tiếp tục quay trong vòng sanh và tử không dứt này cho đến khi nào, như đức Phật, chúng ta nhận thức được tinh túy (hay bản thể) bí mật thanh tịnh nhất, tinh tế nhất của giác ngộ.

Bất cứ nơi nào có những nguyên tố không thanh tịnh và ngăn ngại ở bên ngoài và bên trong nơi ấy tinh túy bí mật thanh tịnh có sẵn và tràn ngập khắp. Trong tất cả những nguyên tố thô và tế, chúng ta có thể tìm thấy cả những phẩm tính thanh tịnh và không thanh tịnh. Cái không thanh tịnh thì gần gũi hơn với hình tướng chất thể của những nguyên tố. Cái thanh tịnh thì gần gũi hơn với nguồn gốc không chất thể của chúng. Màu vàng sáng chói thuần khiết là màu tinh túy của đất. Màu trắng sáng chói thuần khiết là màu tinh túy của nước. Màu đỏ sáng chói thuần khiết là màu tinh túy của lửa. Màu lục sáng chói thuần khiết là màu tinh túy của không khí. Màu xanh sáng chói thuần khiết là màu tinh túy của không gian.

Nguồn gốc không có chất thể của năm màu sáng chói biểu lộ là năng lực trí huệ bí mật không có chất thể của năm Phối

Ngẫu Trí Huệ của năm vị Phật Trí Huệ. Buddha Locana là Phối Ngẫu Trí Huệ tượng trưng cho đất. Mamaki là Phối Ngẫu Trí Huệ tượng trưng cho nước. Damdara-Vasini là Phối Ngẫu Trí Huệ tượng trưng cho lửa. Samayatara là Phối Ngẫu Trí Huệ tượng trưng không khí. Dhatvisvari là Phối Ngẫu Trí Huệ tượng trưng không gian.

Dù tất cả mọi chúng sanh phát sanh từ tiềm năng trí huệ của những nguyên tố, những tính chất che ám khác nhau là do những hậu quả nghiệp gây ra. Chẳng hạn, bằng cảm giác cảm nhận, những con sâu đất bị hấp dẫn đến đất bởi vì trong những đời trước thói quen của chúng là những hiện tượng của đất chiếm tru thế. Bằng xúc giác của chúng, cá bị hấp dẫn đến nước bởi vì trong những đời trước thói quen của chúng là những hiện tượng của nước chiếm tru thế. Bằng cái nhìn sắc sảo, những con kên kên bị hấp dẫn đến ánh sáng, bởi vì trong những đời trước của chúng là những hiện tượng lửa chiếm tru thế. Bằng cảm giác ngửi, những con chó bị hấp dẫn đến không khí bởi vì trong những đời trước thói quen của chúng là những hiện tượng không khí chiếm tru thế. Bằng thức của mình, một số hành giả bị hấp dẫn đến cái không có chất thể bởi vì trong những đời trước thói quen của họ là những hiện tượng không gian chiếm tru thế để nhận biết tất cả những hiện tượng là sự phô diễn ảo diệu không có chất thể.

Nếu chúng ta bám nắm chất thể với tất cả năm sự bám luyến, ấy là chúng ta đã tạo ra năm giác quan bình thường và những đối tượng của giác quan với tâm mê lầm có bản chất là nguyên tố thô. Bởi vì chúng ta không bao giờ nhận biết rằng những giác quan của chúng ta và những đối tượng là những biểu lộ

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

như huyền của những nguyên tố thô nặng ngại của chúng ta, chúng ta khước từ những đối tượng khó chịu và chấp nhận những đối tượng thích thú. Nhưng tốt trở thành xấu và vẫn còn khổ đau.

Bởi bám luyến vào sự thấy, con bướm đêm bị hấp dẫn đến ánh sáng đẹp đẽ của ngọn lửa và chết trong lửa. Bởi bám luyến vào sự nghe, con nai dừng lại nghe tiếng huýt sáo đẹp đẽ của người thợ săn và chết vì mũi tên. Bởi bám luyến vào sự ngửi, con bọ ngựa đực bị quyến rũ bởi con cái và chết vì bản năng ăn đồng loại của nó. Bởi bám luyến vào vị, con cá bị hấp dẫn đến mồi ngon và chết vì lưỡi câu. Bởi bám luyến vào xúc chạm, con voi bị hấp dẫn đến sự âm áp của đầm lầy và chết vì bùn của nó.

Sự vượt trội của những tiềm năng nghiệp đối với những nguyên tố khác nhau gây ra sự vượt trội của những phiền não tương ứng. Ví dụ những người có khuynh hướng vượt trội đối với nguyên tố đất trong những đời trước thì có một tính khí như đất liên hệ với phiền não vô minh mà đặc tính là nặng nề, cứng chắc và bất động. Những người có khuynh hướng vượt trội đối với nguyên tố nước thì có một tính khí lưu động liên hệ với phiền não tham mà đặc tính là chạy theo và luôn luôn thay đổi. Những người có khuynh hướng vượt trội đối với nguyên tố lửa thì có một tính khí nóng nảy liên hệ với phiền não giận mà đặc tính là bùng cháy và bạo lực hủy hoại hay có một tính khí sôi sục liên hệ với phiền não kiêu mạn mà đặc tính là khăng khăng một chiều. Những người có khuynh hướng vượt trội đối với nguyên tố không khí thì có một đặc tính như gió liên hệ với phiền não ghen tị mà đặc



tính là bác bỏ do chấp thủ. Những người có khuynh hướng vượt trội đối với nguyên tố không gian thì có một tính khí không tập trung liên hệ với phiền não vô minh mà đặc tính là sự trợ trợ căn bản, có mặt khắp và không thể sờ chạm.

Năm phiền não này gồm trong ba phiền não tham, giận và si (vô minh), chúng là nguồn gốc khổ đau cho con người bình thường. Tham tạo ra yêu thích, bám nắm những hoàn cảnh đáng tra; yêu thích tạo ra giận khi muốn sở hữu, bám nắm. Căn cứ cho cả hai cái này là vô minh tối tăm do lẫn lộn yêu thích và giận dữ bởi bám nắm.

*Tôi có thể hiểu tại sao đức Phật bỏ ngai vàng.*

*Tôi có thể hiểu tại sao đức Phật vắt áo choàng nạm ngọc.*

*Tôi có thể hiểu tại sao đức Phật khoác lên mình áo vải rách rưới.*

*Ngài làm điều đó để dẫn dắt những chúng sanh ra khỏi ba phiền não phát sanh từ cái ta, nguồn của mọi khổ đau.*

*Ngài làm điều đó để đạt giác ngộ, đó là một trạng thái vô ngã vượt khỏi khổ đau.*

Người có nghiệp tốt muốn đạt giác ngộ có thể sử dụng những phẩm tính tinh tế của họ một cách tự nhiên và tăng thêm sự trong sạch nội tại của họ cho đến khi họ không cần nương dựa vào chất thể thô và nghiệp thô nữa. Do nhận biết những nguyên tố vi tế vốn cố hữu nơi những nguyên tố thô, chúng ta có thể hành động với phương tiện thiện xảo. Chẳng hạn, khi người ta cười, sự cử động của môi là những biểu lộ thô bên ngoài của sự vui vẻ vi tế tích cực bên trong.

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

Khi người ta trừng mắt trán họ nhăn là sự biểu lộ thô bên ngoài của một tức giận hay rối loạn tiêu cực vi tế hơn ở bên trong. Đôi khi, những yếu tố vi tế của nụ cười lại không tích cực. Dù yếu tố thô là miệng có cười, yếu tố vi tế đằng sau nụ cười là tiêu cực, như lòng ham muốn của người câu nhử cá bằng mồi ngon để giết nó. Đôi khi những yếu tố vi tế của sự trừng mắt lại không phải là tiêu cực. Đằng sau những gái là hoa đẹp đẽ và mềm mại lớn lên. Thế nên chúng ta phải thông minh để nhận xét tính chất của cái không có hình thể và có được tự tin làm thế nào sử dụng những yếu tố vi tế tích cực và tiêu cực.

Cái thấy được đối với một người cao cả thì không thấy được đối với một người thường, cũng như cái có thể thấy được đối với người thông minh thì người thiển cận không thể thấy. Người thông minh có thể thấy trước tương lai bằng sự diễn dịch trong khi tương lai thì hoàn toàn mờ tối với người thiển cận. Cũng như vậy, nhiều người kết luận rằng Pháp là mê tín vì nó không thể thấy đối với họ. Họ không nhận biết rằng họ chỉ có thể xâm nhập những nguyên tố thô và chỉ tiếp thông với những nguyên tố vi tế bằng cách nương dựa vào tinh túy (hay bản thể) thanh tịnh bí mật của những nguyên tố. Nhờ sự nương dựa này, những bậc cao cả không bao giờ cạn kiệt năng lực tự nhiên thanh tịnh bí mật và sự tự tin trí huệ của họ. Họ càng sử dụng không gian vốn chứa mọi nguyên tố khác, những nguyên tố thô của họ càng trở thành vi tế và nhẹ. Cuối cùng, khi họ không tin có thể tìm thấy bất cứ phẩm tính nào trong chất thể thô nữa, họ được xem là giác ngộ.

Những hành giả giỏi có thể tịnh hóa những nguyên tố đất

thô ở bên ngoài và bên trong. Khi họ làm điều này, những nguyên tố đất ở bên trong của những kinh mạch thô trở thành càng nhẹ hơn, thanh tịnh hơn, và khi chúng trở thành không chất thể, không thể hủy hoại và sáng chói, sự phân biệt giữa những quan niệm về những nguyên tố đất ở bên ngoài và bên trong giảm thiểu đến độ chúng được tịnh hóa thành tinh túy đồng nhất, nhẹ, không chất thể. Padmasambhava đã đạt trạng thái này. Đây gọi là Thân Trí Huệ Kim Cương, theo hệ thống Kim Cương thừa, bởi vì nó có một bản chất kim cương bất hoại và không có trạng huống nào xâm nhập được.

Những hành giả giỏi có thể tịnh hóa những nguyên tố không khí thô ở bên ngoài và bên trong. Khi họ làm điều này, những nguyên tố không khí ở bên trong trở thành nhẹ hơn, thanh tịnh hơn, và khi chúng trở thành không bị chướng ngại và trong sáng, sự phân biệt giữa những quan niệm về những nguyên tố không khí ở bên ngoài và bên trong giảm thiểu đến độ chúng được tịnh hóa thành âm thanh đồng nhất kỳ diệu. Một số vị thánh thời xưa đã đạt đến trạng thái này. Sự trong sáng thanh tịnh của âm thanh của chúng không bị rung động của những nguyên tố thô làm rạn nứt và không có gì có thể ngăn ngại tiếng vang khắp của nó. Đây gọi là Bài Ca Trí Huệ Kim Cương.

Những hành giả giỏi có thể giảm thiểu sự nhị nguyên của tâm thức chủ thể bên trong và những hiện tượng khách thể bên ngoài. Khi họ làm điều này, những nguyên tố vi tế trở thành càng bao la, càng vô giới hạn, và khi chúng trở thành vô biên và sâu thẳm, sự phân biệt giữa quan niệm nhị nguyên về những nguyên tố không gian bên ngoài và bên trong giảm

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

thiếu đến độ chúng được tịnh hóa thành khoảng không gian đồng nhất vô tận. Bấy giờ mọi sự thì không có bắt đầu và không có chấm dứt. Đây là tâm trí huệ của Phổ Hiền (Sāmantabhadra), nguồn hiểu biết vô lượng vô biên, mà ảo tưởng nhị nguyên không thể làm hư hoại và làm lằng lặc. Đây gọi là Tâm Trí Huệ Kim Cương.

Theo hệ thống Mahasandhi (Đại Toàn Thiện), Phổ Hiền vượt khỏi những tính chất của những nguyên tố tịnh hay bất tịnh. Những tính chất của Phổ Hiền là bí mật một cách tự nhiên, thế nên thậm chí một người cao cả cũng không thể thấy chúng. Nhưng những người cao cả đã hết sức tịnh hóa những nguyên tố thô đến từ tâm thức bị che chướng của họ thì có thể thấy tinh túy bí mật tự hữu của ngài như là mạn đà la có thể thấy được của những phẩm tính trí huệ của ngài. Những nguyên tố thô của những người cao cả càng được tịnh hóa qua sự nhận biết tinh túy thanh tịnh bí mật của chính họ thì họ càng có thể nhận biết rằng không có sự mâu thuẫn giữa các nguyên tố, và họ càng hợp nhất với tinh túy thanh tịnh bí mật của họ; tinh túy của họ vốn từ vô thủy cùng một tinh túy với Phổ Hiền. Cuối cùng, khi họ không còn bất kỳ nguyên tố thô nào nữa, họ hoàn toàn hợp nhất với tinh túy thanh tịnh bí mật của họ và trở thành Phổ Hiền.

Đó là tại sao Phổ Hiền hát :

*Ôi Pháp diệu kỳ, tinh túy bí mật tuyệt vời của tất cả chư Phật toàn hảo,*

*Trọn đều sanh từ vô sanh, và trong khi sanh thì cũng không có sanh.*

*Ôi Pháp diệu kỳ, tinh túy bí mật tuyệt vời của tất cả chư Phật toàn hảo,*

*Trọn đều diệt từ không diệt, và trong khi diệt thì cũng không có diệt.*

*Ôi Pháp diệu kỳ, tinh túy bí mật tuyệt vời của tất cả chư Phật toàn hảo,*

*Trọn đều hiện hữu từ không hiện hữu, và trong khi hiện hữu thì cũng không có hiện hữu.*

*Ôi Pháp diệu kỳ, tinh túy bí mật tuyệt vời của tất cả chư Phật toàn hảo,*

*Trọn đều đến và đi từ không đến không đi, và trong khi đến và đi thì cũng không có đến và đi.*

**“Những sự vật thì không phải như chúng có vẻ thế, nhưng  
cũng không khác.”**

**KINH LĂNG GIÀ**

## NHỮNG HIỆN TƯỢNG CÁ NHÂN VÀ CHUNG

Trong chân lý tương đối, luôn luôn có sự luân chuyển và phản ảnh giữa trong và ngoài, tế và thô, chủ thể và đối tượng, và những hiện tượng cá nhân và chung (ngã và pháp). Nếu chúng ta không thể phân biệt giữa những hiện tượng cá nhân và chung, chúng ta trở nên rối và không thể có một nối kết giữa chủ thể và đối tượng.

Một thí dụ về những hiện tượng cá nhân là những hiện tượng giấc mộng phát sanh ban đêm do từ những thói quen ban ngày. Trong một giấc mộng chúng ta thấy một ngôi nhà. Bởi vì ngôi nhà chỉ thấy được với chúng ta, nó là hiện tượng cá nhân của chúng ta. Rồi chúng ta có thể thực sự xây dựng ngôi nhà mà mọi người đều thấy. Đây là hiện tượng chung.

Những hiện tượng chung được tập thể chia sẻ, cùng thấy được hoặc là những thói quen khách quan của những nhóm người hay xã hội. Những biểu hiện của những hiện tượng cá nhân cùng tạo ra những hiện tượng chung, đến lượt chúng lại để lại một phần lắng cặn nữa còn lại trong hiện tượng cá nhân. Chẳng hạn, một nhà thiết kế mẫu tạo ra một kiểu mới nhờ hiện tượng cá nhân của anh ta. Kiểu mẫu mới này trở thành hiện tượng chung tập thể gọi hứng cho nhà thiết kế khác đến lượt mình tạo ra một kiểu mẫu mới phát sanh từ đó.

Chúng ta tin vào những hiện tượng chung do đồng ý chấp nhận những nguyên tố thô bổ sung và do lý luận. Chẳng hạn, khi chúng ta chỉ biết đường trắng và chưa bao giờ thấy đường

đen, chúng ta có hiện tượng đường trắng, và cứ mỗi khi nghĩ đến đường, chúng ta tự động nghĩ trắng. Thậm chí chúng ta không cần từ trắng bởi vì nó đã được đồng ý chấp thuận. Nhưng nếu ở đâu khác có người chỉ biết đường đen, họ thậm chí không cần từ đen bởi vì nghĩ đến đường là họ tự động nghĩ đến đen. Những người quen với cả đường trắng và đen thì nghĩ “đường này đen hay trắng?”.

Trừ phi tâm nhị nguyên của chúng ta trở nên hôn trầm không có ý thức hoặc trừ phi nó trở thành tâm giác ngộ bất nhị, những hiện tượng bị chướng ngại luôn luôn có. Nơi nào những hiện tượng bị chướng ngại, nơi đó luôn luôn có những quan niệm đúng và sai: chân lý của người này là không phải là chân lý của người khác và không phải chân lý của người này là chân lý của người khác. Theo tâm nhị nguyên, chân lý hiện hữu một cách tạm thời như là những quan niệm đúng hay sai tùy theo sự liên hệ của nó đến ý định hay hoàn cảnh. Đây là cái chúng ta gọi là chân lý tương đối.

Trong hệ thống chân lý tương đối có hai phần: chân lý tương đối thực sự và chân lý tương đối đảo nghịch. Hai phạm trù này không tuyệt đối mà liên hệ lẫn nhau và phụ thuộc vào quan điểm. Chẳng hạn, đối với một con cọp đực, một con cọp cái là hấp dẫn. Đây là chân lý tương đối của nó. Với chúng ta, một con cọp chỉ là khủng khiếp và việc thích nó là đảo nghịch với chân lý tương đối.

Theo tâm thức bình thường, chân lý tương đối thực sự là cái tác dụng có thể tri giác bằng những giác quan. Trong lãnh vực này, chân lý tương đối đảo nghịch của tâm thức bình



thường đều là chân lý tương đối đảo nghịch. Đối với tâm thức cao cả, chân lý tuyệt đối thì vượt khỏi những quan niệm trong và ngoài, như vậy hai chân lý của tâm thức bình thường đều là những vọng tưởng do tâm thức mê lầm tạo ra. Không thể nương dựa vào tâm thức mê lầm ấy để đạt đến giác ngộ.

Chân lý tương đối đảo nghịch của hiện tượng cá nhân có thể là chân lý tương đối thực sự cho hiện tượng chung. Chẳng hạn, một nhà ảo thuật biết trò ảo thuật của mình là không thật nhưng tạo ra những lừa dối ảo thuật mà khán giả tin là thật. Chân lý tương đối đảo nghịch của hiện tượng chung có thể là chân lý tương đối thực sự cho hiện tượng cá nhân. Chẳng hạn, những động cơ của Hitler là chân lý tương đối đảo nghịch điên rồ đối với nhiều quốc gia, nhưng với ông ta chúng là chân lý tương đối thực sự thông minh. Những hành động của ông ta là chân lý tương đối thực sự đối với bất kỳ ai.

Những người bình thường nghĩ rằng những phẩm tính đáng ưa thì ích lợi. Đây là chân lý tương đối thực sự của họ. Những hành giả Tiểu thừa nghĩ rằng cùng những phẩm tính ấy là không ích lợi và là nguyên nhân của khổ đau, chẳng đưa đến giác ngộ. Với họ chân lý tương đối thực sự của người bình thường là chân lý tương đối đảo nghịch. Những hành giả Tiểu thừa nghĩ rằng những phẩm tính đáng ưa là thật và cố gắng từ bỏ chúng bằng ác cảm để đạt giác ngộ. Đây là chân lý tương đối thực sự của họ. Những hành giả Đại thừa nghĩ rằng đối với những người thấy những hiện tượng là huyền ảo thì không có lý do gì để bám luyến hay ác cảm, chính đây là một thuận lợi để đạt giác ngộ. Với họ chân lý tương đối thực sự của Tiểu thừa là chân lý tương đối đảo nghịch. Những

hành giả Kim Cương thừa đi sâu vào trong hơn thì nghĩ rằng bất cứ cái gì sanh khởi là sự phô diễn trí huệ. Đây là chân lý tương đối thực sự của họ.

Theo chân lý tương đối thực sự của một số nhà khoa học hư vô chủ nghĩa hiện đại, mọi hiện tượng được tạo ra do ngẫu nhiên tình cờ. Nhưng theo chân lý tương đối thực sự của Phật giáo, chủ định của cá nhân tạo ra thành tất cả những hiện tượng cá nhân và chung, và ngẫu nhiên tình cờ được xem là những biểu lộ bất tịnh của nghiệp trước kia. Nghiệp của những hiện tượng cá nhân tác động theo cùng cách như một hạt giống được trồng trong những điều kiện gốc (nhân) thuận lợi hay không. Hạt giống theo điều kiện nằm yên với tính tiếp nhận của nó với những điều kiện phụ trợ (duyên): là những nguyên tố đất, nước, lửa, không khí và không gian. Nếu chúng đều không trùng hợp, hay thiếu một cái, hạt giống lớn lên sẽ có khuyết điểm. Nếu chúng cùng xảy ra thuận lợi trong một thời gian và không gian, hạt giống lớn lên thành một cây khỏe mạnh. Cùng cách ấy, nếu nghiệp của chúng ta không tốt, tâm thức điều kiện gốc của chúng ta sẽ được hấp dẫn đến những điều kiện phụ trợ, chúng không khai dẫn đến một tái sanh thuận lợi và chúng ta sẽ tái sanh với những che ám từ đó. Nếu nghiệp của chúng ta tốt, tâm thức điều kiện gốc của chúng ta sẽ được hấp dẫn đến những điều kiện phụ trợ là cha mẹ có di truyền, phẩm chất hay hoàn cảnh tốt khơi dẫn đến một tái sanh thuận lợi.

Nghiệp của hiện tượng cá nhân cũng liên kết với những điều kiện phụ trợ tạo bởi hiện tượng chung tốt hay xấu, như nạn đói và diệt chủng hay thịnh vượng và hòa bình của quốc gia.

Hiện tượng cá nhân của người không tin nghiệp báo nhân quả thường gây ra hiện tượng chung xấu của tập thể bởi vì nó đặt nền trên sự tin vào quyền lực của bản ngã của những nguyên tố thô. Những người như vậy tin rằng những hiện tượng có thể chấm dứt bằng những phương tiện có nguyên tố thô và không tin vào năng lực của tâm thức sẽ tái xuất hiện trong những hình tướng hữu hình và vô hình. Với những nguyên tố thô của họ, họ không sợ tạo những hiện tượng tiêu cực để hoàn thành những ý định bất tịnh của họ và những ý định này đến từ năng lực của những yếu tố nghiệp của nhiều đời trước.

Nếu họ là những lãnh tụ chính trị, họ sẽ gây ra những hiện tượng chung xấu của tập thể bằng tàn sát hay diệt chủng, cố gắng tẩy trừ giống dân mà họ cho là thấp kém khỏi đất nước họ. Ngược lại, những lãnh tụ chính trị hiểu nghiệp báo nhân quả thì thấy rằng tâm thức không bao giờ chết và những kẻ thù hay những hiện tượng tiêu cực của một xứ sở không thể chấm dứt bằng những phương tiện nguyên tố thô như tàn sát hoặc diệt chủng. Gandhi là một lãnh tụ như vậy. Ông hiểu rằng những hiện tượng tích cực sẽ được tạo ra với ý định, và bằng hiện tượng cá nhân của tâm thức bình an của ông, ông cố gắng tạo ra những hiện tượng chung hòa bình.

Bất kể những khuynh hướng chính trị của chúng ta, chúng ta luôn luôn chịu đựng qua lại giữa những hiện tượng cá nhân và chung. Đôi khi qua sự đồng ý của hiện tượng chung, chúng ta nổi loạn và giải phóng mình khỏi hiện tượng chung của một nhà độc tài xấu xa. Rồi chúng ta bầu ra một lãnh tụ mới, người này tạo ra những hiện tượng chung mới bằng

hiện tượng cá nhân của ông ta, rồi chúng ta lại muốn thay đổi. Dù hiện tượng của chúng ta tốt hay xấu, luôn luôn là những hiện tượng chung của sanh tử luân hồi cứ quay tròn.

Những hiện tượng chung vô thường sẽ luôn luôn thay đổi hay làm hại hiện tượng cá nhân của một lãnh tụ bình thường, ông chỉ tin vào quyền lực bản ngã của những nguyên tố thô. Một người cao cả với năng lực trí huệ có thể thay đổi những hiện tượng chung bằng hiện tượng cá nhân của ông nhưng sẽ không bao giờ làm hại nó. Những hiện tượng chung không hề làm thay đổi hay làm hại hiện tượng cá nhân thanh tịnh của ông bởi vì những nguyên tố thô của hiện tượng chung không thể xuyên thấu những nguyên tố thanh tịnh của ông, như một ngọn núi lửa không hề ảnh hưởng nguồn ánh sáng mặt trời. Ông có thần lực trí huệ vô ngã bí mật, nó thì không voi cạn và luôn luôn làm lợi lạc vì nó nhẹ và thanh tịnh.

Không có thần lực thanh tịnh này, năng lực của những nguyên tố vi tế phải dựa vào năng lực bất ổn của những nguyên tố thô. Nếu chúng ta không nhận biết những điều kiện gốc tinh túy bí mật của chúng ta và chỉ sử dụng năng lực của những nguyên tố vi tế dựa trên những điều kiện phụ trợ bên ngoài, bấy giờ khi những điều kiện phụ trợ giảm, năng lực của chúng ta sẽ giảm. Dù những năng lực của những điều kiện gốc bí mật của chúng ta không bao giờ giảm, nó có thể trở nên ngủ yên hay bị che dấu do lơ là hay không nối kết với những điều kiện phụ trợ, khiến năng lực này biến mất với chúng ta khi chúng ta cần nó.

Nếu chúng ta có thể nhận rõ tiềm năng bí mật của những

nguyên tố của chúng ta, chúng ta có thể không ngừng tạo ra những điều kiện phụ trợ mới. Những điều kiện gốc bình thường dựa vào những điều kiện phụ trợ để phát triển nhưng những điều kiện gốc bí mật của Tâm Trí Huệ không cần những điều kiện phụ trợ để biểu lộ bởi vì chúng là tinh túy thanh tịnh bí mật. Khi được nhận biết, chúng sẽ không giảm sút hay ngủ yên, thậm chí khi những điều kiện phụ trợ thay đổi, bởi vì chúng không hề dựa vào những điều kiện phụ trợ thô hay tế. Đó là tại sao chúng được gọi là bí mật.

Theo luận lý bình thường của sanh tử, những điều kiện gốc và những điều kiện phụ trợ luôn luôn khác nhau, nhưng theo luận lý cao cả, những điều kiện phụ trợ thì vốn có sẵn trong những điều kiện gốc; cái này không thể hiện hữu mà không có cái kia, như ánh sáng không thể hiện hữu mà không có bóng tối. Nếu không như vậy, làm sao chúng ta có thể gặp và chấp nhận những điều kiện phụ trợ?

Qua sự gặp gỡ của những điều kiện phụ trợ có nguyên tố tốt, nhẹ, sự tách biệt giữa những điều kiện gốc và phụ trợ trở nên kém dần và những phẩm tính tâm linh trở nên rộng lớn hơn và thanh nhẹ hơn. Khi chúng trở nên hoàn toàn không tách biệt và những điều kiện gốc không khác với những điều kiện phụ trợ, và những điều kiện phụ trợ không khác với những điều kiện gốc, chúng ta gọi đây là giác ngộ.

Đến khi chúng ta giác ngộ, những hiện tượng cá nhân và chung sẽ tương thông. Vì sự tương thông này, những phẩm tính tâm linh cá nhân của các bậc giác ngộ có thể trở thành hiện rõ qua tiểu sử của các ngài và còn lại như những tiếng vang trong hệ thống tâm linh chung cho dù nguồn của những hiện tượng thanh tịnh tự có

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

thể thấy của các ngài là không thể thấy với chúng ta cho đến khi giác ngộ. Nơi những cá nhân cũng như nơi những tập thể, khi những điều kiện phụ trợ, lịch sử cao cả của các bậc giác ngộ, nối kết với điều kiện gốc, tức là hạt giống tinh túy bí mật giác ngộ, hạt giống này có thể thức dậy và lớn lên. Do nối kết hai điều kiện này, những phẩm tính tâm linh của chúng ta tăng trưởng.

Khi chúng ta nhớ những bậc cao cả vĩ đại như Milarepa, Jesus, Phật Thích Ca Mâu Ni và Padmasambhava, chúng ta nghĩ các ngài có chủ ý làm những phép lạ. Dĩ nhiên, cảm thấy điều đó là tốt bởi vì khi cố gắng nối kết với tinh túy thanh tịnh bí mật của các ngài thì chúng ta tích tập được công đức. Nhưng tri giác về sự chủ ý này chỉ là sự đồng ý của hiện tượng chung tập thể chúng ta. Thật ra những phép lạ này chỉ xuất hiện khi những bậc cao cả sử dụng tinh túy bí mật thanh tịnh không phân chia của những nguyên tố vốn hiện hữu từ vô thủy để làm cho sự thật được hiện rõ.

Chúng ta nghĩ các ngài đã làm những phép lạ và tạo ra những điều thần diệu bởi vì chúng ta bị những che chướng của những nguyên tố thô của chúng ta và không tin rằng chúng ta có thể tự mình làm được. Thế nên khi thuận theo sự đồng ý của hiện tượng chung tập thể, người ta nói Jesus đi trên nước, chúng ta tin đó là một phép lạ bởi vì tâm thức nhị nguyên bị che chướng của chúng ta phân chia những nguyên tố giữa nước và đất. Theo hiện tượng cá nhân của Jesus, ngài không đi trên nước. Với tâm bình thản của mình, ngài chỉ ở trong tinh túy bí mật nguyên sơ của những nguyên tố, nó không hề phân chia, luôn luôn bao la, tràn ngập khắp nơi không phân biệt. Theo nhận thức thói quen phân chia của hiện tượng chung tập thể, một sự kiện thanh tịnh bị hóa thành bất tịnh bởi vì

chúng ta che ám chân lý tương đối của Jesus bằng cách phân chia nó khỏi chân lý tuyệt đối của Jesus. Khi người ta nói rằng Jesus đi trên nước, thế có nghĩa là nhờ những điều kiện phụ trợ lịch sử này, ngài đang thích ứng với những khả năng cá nhân và khuyến khích con người tăng trưởng những phẩm tính tâm linh của họ.

Những nguyên tố thô và tế luôn luôn nối kết với tinh túy bí mật của chúng. Người thấy Jesus đi trên nước thì có một liên kết nghiệp tốt với ngài bởi vì với hiện tượng gồm những nguyên tố thô và tế của họ, họ có thể nối kết với tinh túy thanh tịnh bí mật của cái mà họ tri giác như là phép lạ. Thậm chí bây giờ, khi chúng ta nghe chuyện Jesus đi trên nước thì chúng ta đang dùng hiện tượng nguyên tố thô và tế của chúng ta để biết về hiện tượng tinh túy thanh tịnh bí mật của Jesus.

Phật nói, “Ta chỉ cho các ông con đường giải thoát, đạt được giải thoát hay không là tùy các ông.” Điều này nghĩa là nếu không cố gắng tìm ra giải thoát nhờ khảo sát vào trong, chúng ta không thể nhận biết chân lý bên trong hiện tượng cá nhân của chúng ta, mà cội nguồn của hiện tượng cá nhân ấy là tinh túy thanh tịnh bí mật của những nguyên tố thô. Nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta có thể giúp đỡ cho hiện tượng cá nhân của chúng ta bằng cách phát triển những nguyên tố thô của hiện tượng chung thì chúng ta không biết rằng chúng ta không thể dựa vào hiện tượng nguyên tố thô bởi vì nó vô thường và sẽ thay đổi. Khi những nguyên tố bên ngoài không thể uốn nắn, trở lì và giảm sút, hiện tượng cá nhân không được phát triển của chúng ta có vẻ vô vọng. Bây giờ, vì không tin cậy vào cội nguồn thanh tịnh của hiện tượng cá nhân của chúng ta,

chúng ta trách móc hiện tượng chung và nói rằng Pháp là hư giả. Theo cách đó, do không thể nghiệm được tinh túy thanh tịnh bí mật của những nguyên tố, chúng ta tạo ra những hiện tượng tiêu cực đối với hiện tượng chung và không bao giờ biết thương yêu hay có niềm tin vào chính mình. Nhưng nếu trước hết chúng ta nhận biết và thiết lập sự tin cậy vào tinh túy thanh tịnh bí mật và năng lượng thanh nhẹ của bản thân hiện tượng cá nhân của chúng ta, chúng ta có thể thương yêu và có niềm tin vào chính mình bởi vì chúng ta hiểu rõ rằng cội nguồn không bao giờ phai nhạt, không bao giờ giảm sút của tất cả mọi phẩm tính thanh tịnh là Tâm Trí Huệ của chúng ta. Bây giờ chúng ta tự động bị chinh phục bởi sự quyến rũ thanh tịnh của năm Dakini Trí Huệ cai quản năm nguyên tố vũ trụ và là những phối ngẫu của năm vị Phật Trí Huệ. Nhờ sự hiển thị này, qua sự tăng trưởng tự phát không ngừng của những phẩm tính tâm linh của chúng ta, chúng ta có thể phát sanh tự nhiên những hiện tượng tích cực đối với hiện tượng chung, nó càng lúc càng trở thành thanh tịnh qua cái thấy thanh tịnh của riêng chúng ta.

Nếu chúng ta không có quan điểm trí huệ thanh tịnh này thì dù chúng ta có thực hành yoga, những nghi lễ, quán tưởng hay thiền định theo những khả năng của hiện tượng cá nhân chúng ta, chúng ta cũng chỉ ở lại trong sanh tử nguyên tố thô. Nếu chúng ta thực hành theo Pháp thanh tịnh, thì việc chúng ta có những quan niệm tích cực hay tiêu cực đều chẳng đáng kể, bởi vì cả hai có thể tiêu tan vào tâm bình thản. Khi tiêu cực không có bản chất tiêu cực cứng đặc và tích cực không có bản chất tích cực cứng đặc, cả hai chỉ xuất hiện như trò chơi phô diễn. Bây giờ hiện tượng sanh tử tan biến và thậm



chí không còn danh từ sanh tử nữa. Chỉ với một quan điểm trí huệ chúng ta mới có thể chuyển hóa hiện tượng cá nhân nguyên tố bất tịnh thô thành hiện tượng trí huệ tự tại và bí mật. Bởi vì mọi hiện tượng chung đến từ hiện tượng cá nhân, khi hiện tượng cá nhân trở thành thanh tịnh thì những hiện tượng chung bất tịnh cũng trở thành thanh tịnh. Qua sự chuyển hóa này, chúng ta có thể tự nhiên giúp đỡ những chúng sanh mà không từ chối hiện tượng chung cũng không chấp nhận hiện tượng cá nhân, trở thành một với tinh túy thanh tịnh bí mật của tất cả hiện tượng.

**Khổ đau trong hy vọng là người theo  
chủ thuyết Thường Còn.**

**Khổ đau trong Vô Vọng là người  
theo chủ thuyết Đoạn Diệt.**

**Vượt Khỏi cả hy vọng và vô vọng  
là người Phật giáo.**

## HAI CỰC ĐOAN VÀ VƯỢT KHỎI HAI CỰC ĐOAN

Do những thói quen của mình, chúng ta không nhận biết được cái tiềm thể trí huệ thanh tịnh bí mật của năm giác quan thì không tách lìa với tiềm thể trí huệ thanh tịnh bí mật của năm nguyên tố. Thay vì thế, chúng ta dùng những giác quan thô bên trong mà chúng chỉ tri giác những nguyên tố thô bên ngoài, và chúng ta chỉ có thể hiểu tinh túy bí mật của những hiện tượng vốn không phân chia như là phân chia, tách biệt và có bản chất. Nếu chúng ta cho bản chất là lâu dài và bất động sau khi những hiện tượng thô đã tan biến, chúng ta kết luận rằng những nguyên tố vi tế còn lại như là phương diện tinh tế và thanh tịnh nhất của nó, đây là căn cứ của quan điểm thường còn. Nếu chúng ta cho là không có gì vượt khỏi bản chất thấy được và khi những hiện tượng thô đã tan biến chúng ta kết luận rằng không có gì khác hiện hữu vượt khỏi bản chất, đây là căn cứ của quan điểm đoạn diệt hay hư vô chủ nghĩa. Trong cả hai trường hợp chúng ta không bao giờ tin tinh túy bí mật trải khắp và tiếp tục vượt khỏi cả hai loại nguyên tố thô và tế.

Chủ thuyết thường còn có nhiều người khác nhau diễn tả theo nhiều cách khác nhau, nhưng căn bản họ đều chia sẻ quan điểm rằng có một hình thái vi tế hơn hiện diện vượt khỏi những nguyên tố thấy được, hữu hình. Những người chấp thường tin có một vị thần bất tử còn mãi mà những phẩm tính vô biên vi tế là nguồn của những nguyên tố chất thể thô. Họ tin rằng những ai tin và cầu nguyện một đáng sáng tạo

nguyên sơ ra trời và đất, sẽ có được lợi lạc tạm thời trong đời này và cuối cùng sẽ có một đời sống bất tử sau khi thân thể vật chất thô của họ đã chết. Họ tin rằng khi những nguyên tố thô tan biến, linh hồn có nguyên tố vi tế được tái sinh làm một vị thần hay trong đoàn tùy tùng của một vị thần linh trong một thiên đàng vĩnh cửu hay cõi tịnh vượt khỏi những nguyên tố thô. Nhưng người chấp thường hay chấp vĩnh cửu thường thờ phụng những thần linh xuất hiện trên trái đất vào thời huyền sử và lịch sử của các ngài được phát lộ bằng lịch sử nguyên tố vi tế của các ngài. Họ thờ phụng vô số hình ảnh các vị thần khác nhau trong cũng nhiều hình thức khác nhau như những truyền thống làm lợi ích cho chúng sanh.

Chủ thuyết đoạn diệt hay hư vô có nhiều người khác nhau diễn tả theo nhiều cách khác nhau, nhưng căn bản họ đều chia sẻ quan điểm rằng không có gì vượt khỏi những phẩm tính chất thể của những nguyên tố thô. Họ không tin vào một cội nguồn không có chất thể của những nguyên tố thô. Một số người tin rằng cái chất thể xuất hiện từ cái không có gì cả, và những người khác tin vào vòng bất tận của vật chất và năng lượng, rằng những hiện tượng sanh khởi khi những điều kiện tụ hội do tình cờ ngẫu nhiên. Theo quan điểm hư vô chủ nghĩa, khi những nguyên tố hòa hợp thì hình tướng thân thể nguyên tố thô được sanh ra một cách tự phát phối hợp không tách rời với tâm thức. Họ tin rằng khi những nguyên tố thô đã lia nhau và tiêu tan thì chỉ có tro là còn lại, và chẳng còn chút tâm thức nào. Thế nên những người chấp đoạn không cần có quan niệm về một đời tương lai hay một nối kết tiếp tục của nghiệp. Những người chấp đoạn hay tôn sùng những phẩm tính quyền lực, danh vọng, vẻ đẹp; tiến bộ và thành công, và

bám luyện vào những nguyên tố thô trong vô số hình thức khác nhau, qua vô số phương cách thể gian dựa vào lịch sử nguyên tố thô của văn hóa họ, để làm lợi cho họ trong cuộc đời này theo nhiều cách, cũng nhiều như những bản ngã thể gian.

Đối với người chấp thường, sự chỉ nương dựa vào chất thể thô của người chấp đoạn là một đe dọa cho sự hiểu được nguồn gốc chất thể vi tế của mọi hiện tượng. Đối với người chấp đoạn, sự chỉ nương dựa vào cái vi tế và không vật chất là một sự đe dọa cho tiến bộ vật chất, cái này là sự sản xuất mọi phẩm tính có chất thể có thể thấy được.

Những người chấp thường thực sự tin tinh túy thanh tịnh của những nguyên tố dù họ không diễn tả nó theo những nguyên tố. Họ hiểu rằng không thể có sự nối kết thường trực giữa những nguyên tố thô vô thường, thế nên khi họ cầu nguyện họ nương dựa vào ân phước của những nguyên tố thanh tịnh của họ. Do mong muốn biết được thượng đế thần linh của họ, để có được thần lực, sự ban phước hay ân sủng của ngài, để đạt được bất tử trong một cõi tịnh hay thiên đường, những người chấp thường cố gắng đạt đến tinh túy thanh tịnh của những nguyên tố. Họ nói rằng hình tướng nguyên tố bất tịnh của vật để thờ phụng có thể nối kết với hình tướng thanh nhẹ thanh tịnh để thờ phụng trong cõi đời này, và sau khi những nguyên tố thô đã trở nên vô hồn và chết đi, tinh túy thanh tịnh vẫn tươi trẻ và bất tử. Niềm tin không được xác nhận này vào những nguyên tố thanh tịnh được biểu hiện qua vô số hình thức cầu nguyện, với những đồ dâng cúng máu me kinh khấp, ca ngợi thiết tha và hy vọng hay với kêu than một mình. Niềm tin ấy được diễn tả qua những cầu nguyện với vị thần

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

có hình tướng thú vật với móng vuốt, sừng hay cánh, hoặc có hình tướng người hay siêu nhân, hoặc hình dáng dữ dằn hay tốt lành, phần nộ hay hòa bình, bạo lực hay an ủi, hoặc vị thần cưỡi một con thú hay nhảy múa trên trời, hoặc bị đóng đinh hay ngồi trên một hoa sen không dơ nhiễm, hoặc trên mặt trăng, mặt trời hay trên một ngai nạm ngọc, tinh túy của mọi sùng mộ như vậy luôn luôn là cội nguồn thanh tịnh của những nguyên tố.

Sắc tướng thanh tịnh thanh nhẹ xuất hiện không ngăn ngại và không tách lìa khỏi tánh không; sắc tướng không thể sanh khởi từ cái không có gì cả chết lặng. Hình tướng của vị thần không thể xuất hiện, lời nói của vị thần không thể âm vang, tâm của vị thần không thể tỏa khắp trong những nguyên tố thô nếu không có một căn bản nguyên tố thanh tịnh.

Ân sủng và ban phước của hình tướng vị thần chủ yếu đến từ những nguyên tố đất và nước thanh tịnh; ân sủng và ban phước của lời nói vị thần chủ yếu đến từ những nguyên tố lửa và không khí thanh tịnh; ân sủng và ban phước của tâm vị thần chủ yếu đến từ nguyên tố không gian thanh tịnh.

Những người chấp đoạn cũng liên hệ với cội nguồn không chất thể của mọi chất thể, dù họ bác bỏ nó. Như Phật nói, “Phật tánh tỏa khắp tất cả chúng sanh.” Dù những người chấp đoạn nói những nguyên tố vi tế không hiện hữu, họ diễn tả tính khí con người theo những ý niệm đất, nước, lửa, không khí và không gian và dùng những thành ngữ gắn liền với những ý niệm đó như sát mặt đất (thực tế), thân nhiên như băng, máu nóng, tâm hồn khoáng đạt...

Nếu chúng ta hỏi những nhà lãnh đạo chính phủ chấp đoan họ có tin vào những phẩm tính vi tế vô hình của những hiện tượng, họ sẽ nói không, nhưng cảnh sát và lính của họ luôn tính toán bằng cái hiện tại thấy được cho những sự kiện tương lai không thấy được và vạch ra những kế hoạch căn cứ trên cái gì vi tế không thấy được mà sẽ trở nên thô và thấy được trong tương lai. Điều này nghĩa là họ thực sự tin rằng cái không thấy được và vi tế thì hiện hữu. Dù những người chấp đoan hư vô chủ nghĩa nói rằng họ không tin nghiệp báo, nhưng khi đặt kế hoạch họ cho thấy niềm tin của họ vào sự liên tục vô hình giữa quá khứ và tương lai và niềm tin của họ vào việc tạo nhân cho những kết quả ở tương lai. Niềm tin vào nhân và quả này nghĩa là họ mặc nhiên tin vào nghiệp báo.

Ý định của những người chấp đoan này thì tương tự với ý định của một số thiền giả. Nếu chúng ta hỏi một hành giả thiền định về vô sắc tướng ông đang thiền định về cái gì, ông sẽ trả lời: “Không có gì có sắc tướng, không có gì có thể thấy.” Nhưng ông thực sự muốn bắt được cái không thể thấy, muốn thấy cái gì đặc biệt, nếu không thì ông đang chờ đợi cái gì? Nếu ông nắm được cái gì, ông cũng xử sự như cảnh sát công quyền mà thôi. Trước hết, họ làm cho cái không thể thấy được thành ra cái thấy được; rồi họ cố gắng biến đổi hay tiêu diệt nó. Khi bạn hỏi người hư vô chủ nghĩa và thiền giả ý định của họ có như nhau không, họ sẽ chối bỏ điều đó; nhưng quả thực nó như nhau.

Nếu chúng ta hỏi một người hư vô chủ nghĩa bây giờ là mấy giờ, anh ta trả lời, một giờ. Rồi nếu chúng ta hỏi anh ta sẽ làm gì chiều tối nay, anh nói anh có một cuộc hẹn gặp vào lúc năm giờ. Điều này hàm ý rằng anh tin vào những nguyên

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

tổ vi tế không thể thấy đang tiềm ẩn trong thời gian sẽ biểu lộ như tương lai, thế nên sự trả lời của anh đặt nền trên niềm tin vào một đời sống tương lai cho dù anh từ chối tin vào nó khi anh được trực tiếp hỏi.

Những người hư vô chủ nghĩa nghĩ rằng họ tách biệt với những nguyên tố bên ngoài do thân thể vật chất của họ, nhưng thật ra tinh túy bí mật của mọi nguyên tố tỏa thấm khắp tất cả những hiện tượng, không hề phân chia. Dù nếu một người ở Paris điện thoại cho một người khác ở New York, thực sự không có tách biệt. Dù chúng ta nghĩ rằng tâm thức thì ở trong thân chúng ta, nó thực sự không ở trong hay ở ngoài, không ở trong óc cũng không ở trong tim. Nếu chúng ta khảo sát cẩn thận cái “trong và ngoài” này, chúng ta không thể tìm thấy những biên giới của trong và ngoài. Giới hạn của chúng ta đến từ thói quen nghiệp sử dụng những nguyên tố thô, chúng tạo ra những phân chia giữa New York và Paris, giữa một tiếng nói này với tiếng nói khác, giữa trong và ngoài. Mọi phân chia đều đến từ những thói quen nghiệp nguyên tố thô này.

Hai người có thể liên lạc với nhau ở khoảng cách xa và trao đổi những tư tưởng vi tế của tâm họ với giọng vi tế, không sờ chạm được nhờ dụng cụ điện thoại. Cho dù họ đã được nối kết với nhau từ vô thủy qua tâm tỏa khắp không cần nối kết của họ, những nguyên tố vi tế đang ngủ được đánh thức nhờ những điều kiện thô là sự gọi điện thoại và mỗi nối kết nguyên sơ được lập lại. Nhưng tốt hơn chúng ta không nên nói với những kỹ sư điện thoại hư vô chủ nghĩa về sự nối kết tỏa khắp, bí mật không cần dây này không thì họ sẽ cắt đứt



dây điện thoại thô bằng kim loại mát.

Tâm thức đích thật của chúng ta thì không có giới hạn, nhưng chúng ta không biết nó bởi vì chúng ta chỉ sử dụng tâm thức bình thường giới hạn của mình. Khi chúng ta nghĩ đến việc gọi điện thoại, tâm thức chúng ta dừng lại ở Paris, ở New York, và giữa Paris và New York. Qua những nguyên tố vi tế chúng ta dễ dàng nhớ lại một xứ sở chúng ta đã thấy trước kia do mối nối kết với những nguyên tố thô của xứ sở đó, nhưng vì chúng ta vẫn ở trong những nguyên tố thô phân cách của mình, chúng ta không thể đi qua giới hạn này. Nếu qua những nguyên tố vi tế của mình, chúng ta tưởng tượng ra một xứ sở chưa từng viếng thăm, hay nếu chúng ta mơ thấy một xứ sở chưa hề đến, đó có thể là chúng ta đã ở đó trong một đời trước hay sẽ ở đó trong tương lai, nhưng dù vậy quan niệm về xứ sở chưa biết này là giới hạn vi tế của tâm thức bình thường của chúng ta. Chúng ta có ở trong cực đoan của chấp đoạn hay trong cực đoan của chấp thường thì chúng ta cũng phân cách những hiện tượng khỏi tánh không và bởi vì thói quen phân chia đó, chúng ta không thể vượt lên đi vào tinh túy thanh tịnh bí mật trong nhẹ của những nguyên tố.

Phật thì vượt khỏi chấp thường và không bao giờ lưu lại trong nguyên tố nào. Phật thì vượt khỏi chấp đoạn và không bao giờ tách lìa khỏi nguyên tố nào. Nhưng chúng sanh không thể nhận biết điều này, thế nên chúng ta luôn luôn tin chấp thường hoặc chấp đoạn và luôn luôn khổ đau và tự trừng phạt mình trong vòng sanh tử.

Thế nên tại sao Phật biểu lộ như một số vị thần với những

phẩm tính và hình dáng vĩnh cửu thường còn và thanh tịnh, để giải thoát cho những chúng sanh bị che ám bởi hiểu lầm theo lối hư vô chủ nghĩa. Cũng là tại sao bản tánh của những biểu lộ của Phật được nói là tánh không để giải thoát khỏi bị che ám bởi hiểu lầm theo lối vĩnh cửu thường còn. Thật ra Phật tỏa khắp không tách lìa trong cả hai cực đoan, và bởi thế vượt khỏi cả hai. Ngài không bao giờ ở trong cực đoan như vị thần hoặc tánh không bởi vì chúng là không thể tách lìa. Phân cách vị thần khỏi tánh không hay tánh không khỏi vị thần tạo ra sự chia hai và xoay vòng từ cực đoan này qua cực đoan kia. Phật giáo thì vượt khỏi hai cực đoan ấy.

Phật giáo là quan điểm có từ những lời Phật dạy. Bất cứ khi nào chúng ta có một quan điểm, chúng ta có chủ thể và đối tượng và cái giữa chủ thể và đối tượng. Nếu chúng ta ở trong một căn nhà nhỏ chúng ta chỉ có thể thấy quang cảnh ở trước chúng ta, chứ không ở trên. Nếu chúng ta ở trên đỉnh của một nhà cao tầng, chúng ta chỉ có thể thấy phía trước, chung quanh và phía dưới chúng ta, gồm cả căn nhà nhỏ. Nếu chúng ta ở trên một đỉnh núi, chúng ta có thể thấy quang cảnh phía trước, chung quanh, và phía dưới chúng ta, và mọi cái ở giữa, gồm cả căn nhà nhỏ và nhà cao tầng. Dựa vào những khả năng đến từ những hiện tượng nghiệp trước kia, chúng ta có thể thấy một quan điểm hay nhiều quan điểm khác nhau. Dù chúng ta nghe về điều gì chúng ta không thể thấy, thường chúng ta không thể chấp nhận nó bởi vì những khả năng cá nhân và thói quen quan điểm giới hạn của chúng ta.

Trong vô số đời chúng ta cố gắng tìm ra tâm thức chúng ta, nhưng nó không thể tìm thấy trong bất kỳ hiện tượng chất

thể nào bởi vì nó luôn luôn là tánh không vĩ đại. Quan điểm này vượt khỏi quan điểm chấp thường mà không chối bỏ nó. Tâm như cái gương của chúng ta luôn luôn phản chiếu vô số hiện tượng không chướng ngại và không cố gắng. Quan điểm này vượt khỏi quan điểm chấp đoạn mà không chối bỏ nó. Điều này không có nghĩa tánh không vĩ đại và những hiện tượng không chướng ngại thì hiện hữu tách biệt và có thể hợp lại với nhau như hai sợi dây được xoắn lại thành một. Từ sơ thủy, tánh không và hiện tượng thì không thể chia tách. Đây là quan điểm chung của Phật giáo. Bất cứ chỗ nào có tánh không, ở đó có hiện tượng, và bất cứ chỗ nào có hiện tượng, chỗ đó có tánh không. Chúng không thấy điều này bởi vì thói quen phân chia của tâm thức nhị nguyên, thế nên chúng ta chỉ thấy một cái trong một thời gian nhất định, và tánh không khác với những hiện tượng. Đôi khi thay vì nhận biết tâm thức tánh không vốn sẵn tỏa khắp, khi chúng ta thực hành chúng ta lại cố gắng tạo ra một tánh không khác, và khi chúng ta không thể tìm thấy nó hay không thể tạo ra nó qua những hiện tượng của chúng ta, chúng ta nản chí.

Từ người thường đến người cao cả, quan điểm hiện diện cho đến khi đạt được giác ngộ. Trong quan điểm Phật giáo, tùy theo những khả năng cá nhân khác nhau, có những quan điểm khác nhau.

Theo hệ thống Tiểu thừa, quan điểm là vô ngã. Theo hệ thống Đại thừa, quan điểm là vô ngã và sự không có chất thể của những hiện tượng và thoát khỏi mọi hoạt động tâm thức. Theo hệ thống Mahamudra (Đại Ấn), quan điểm là Tâm Trí Huệ tỏa thấm khắp trong những hiện tượng hiện hữu và không

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

hiện hữu. Theo hệ thống Mahasandhi (Đại Toàn Thiện), quan điểm là sự giải thoát từ vô thủy của Tâm Trí Huệ Phổ Hiền.

Trong Tâm Trí Huệ giác ngộ, không có chủ thể, không có đối tượng, không có giữa chủ thể và đối tượng, không có bắt đầu, không có chấm dứt, không có thời gian, và không có chiều hướng cho nên không có quan điểm.

Phật nói, “Dù ta không xuất hiện ở đâu cả, ta lại xuất hiện khắp nơi với những người thích hình tướng. Với những người không thích hình tướng, ta luôn luôn là tánh không.

“Dù ta không bao giờ nói, ta lại nói với những người thích âm thanh. Với những người không thích âm thanh, ta vẫn im lặng.

“Dù tâm ta không bao giờ nghĩ điều gì, với những người nghĩ tâm ta là toàn khắp thì nó là toàn khắp. Với những người nghĩ tâm ta không hiện hữu, thì nó là không hiện hữu.

“Bất cứ ai muốn thấy ta dần dần đều có thể thấy ta theo cách thứ lớp. Bất cứ ai muốn thấy ta tức thời đều có thể thấy ta tức thời. Bất cứ cái gì mong muốn đều sẽ đạt được. Đây là phẩm tính của thân ta.

“Bất cứ ai muốn nghe ta dần dần đều có thể nghe ta theo cách thứ lớp. Bất cứ ai muốn nghe ta tức thời đều có thể nghe ta tức thời. Bất cứ cái gì mong muốn đều sẽ đạt được. Đây là phẩm tính của lời ta.

“Bất cứ ai muốn biết tâm ta dần dần đều có thể biết tâm ta

theo cách thứ lớp. Bất cứ ai muốn biết tâm ta tức thời đều có thể biết tâm ta tức thời. Bất cứ cái gì mong muốn đều sẽ đạt được. Đây là phẩm tính của tâm ta.”

**“Giáo lý của dòng phái nói thầm bên tai  
là hơi thở của Dakini.”**

**MILAREPA**

## DÒNG

Dòng tinh túy nghĩa là mọi sự có sự nối kết tự nhiên và không thể phá vỡ với năng lượng tương tục thanh tịnh và tự nhiên. Nếu chúng ta tách lia năng lượng tự nhiên khỏi nguồn bí mật của nó, nó trở nên che ám và bất tịnh và rồi dòng hình như bị phá vỡ. Khi những nguyên tố vi tế của chúng ta trở nên thô, bị che chướng bởi năm uẩn, tinh túy thanh tịnh của những nguyên tố có vẻ giảm hay mất, nhưng thực ra nó chỉ trở nên bị che đậy. Mọi sự có thể thấy được đều có tinh túy không thể thấy được. Thậm chí xi măng có vẻ hoàn toàn thô và không có sự sống vẫn có tinh túy tự nhiên không thể thấy. Cội nguồn không có chất thể của những nguyên tố thì tỏa thấm khắp mọi hiện tượng thô và tế, cho dù khi chúng ta đã làm đứt vỡ dòng, cái có thể thấy được có vẻ chỉ là một phần cặn không có sự sống.

Khi chúng ta ăn thực phẩm tươi tự nhiên có từ những nguyên tố thô có thể thấy được, nó nối kết với những nguyên tố vi tế để sản xuất năng lượng không thể thấy, nhưng phân nước tiểu chất thải trơ lì có thể thấy được thì còn lại. Khi chúng ta ngủ, những nguyên tố thô của hiện tượng khi thức nối kết với những nguyên tố vi tế của chúng ta để sản xuất ra chất thải không thể thấy trong hình thức những giấc mơ. Khi chúng ta sanh ra, nghiệp của những đời trước nối kết với những hoàn cảnh điều kiện của đời này tạo thành những tình huống mộng trong đời này. Trong mỗi hường hợp, cái còn lại có vẻ trơ lì bởi vì nó bị phân cách khỏi nguồn không thể thấy được và dòng tinh túy có vẻ bị phá vỡ. Chất thải là cặn bã của dòng bị phá vỡ này.

Cái gì càng tươi mới, cái đó càng gần gũi với cội nguồn tự nhiên và dòng tự nhiên của nó. Thức ăn càng cũ, nó càng thiu và trơ lì, và tinh túy bí mật của nó càng khó đi vào chúng ta khi chúng ta ăn nó. Hiện tượng của chúng ta thường trực ở trong tiến trình trơ lì và ôi thiu, trừ phi qua thực hành, chúng ta mới có thể đưa nó trở lại tươi mới. Thân thể chúng ta thường trực ở trong tiến trình trở nên trơ lì, trừ phi qua thực hành, chúng ta mới có thể đưa nó trở lại Thân Cái Bình Trễ Trung.

Tuổi trẻ là tượng trưng, của sự quân bình thuần túy trong Pháp bởi vì tinh túy bí mật của những nguyên tố biểu lộ có thể thấy được trong sự vật khi chúng còn trẻ và những nguyên tố thô và tế của chúng là quân bình. Khi một cái cây trẻ trung, lá của nó phô bày ánh sáng tinh khiết và những màu sắc tươi trẻ bởi vì nhánh, rễ và lá hấp thụ và sử dụng đất, nước, lửa, không khí và không gian quân bình với nhau. Khi chúng sanh còn trẻ, thân thể của họ nhẹ nhàng và phản xạ của họ tươi mới bởi vì họ nuôi dưỡng thân thể họ bằng thức ăn từ đất, máu từ nước, sức nóng từ lửa mặt trời, hơi thở từ không khí và ý thức từ không gian của tâm, chúng quân bình với nhau. Khi chúng sanh già đi, một tương quan bất quân bình phát triển giữa những nguyên tố thô và tế vốn nương dựa lẫn nhau. Một số nguyên tố thô trở nên vượt trội và dễ thấy hơn còn những cái khác trở nên yếu đi và im ngủ. Cây cối sanh ra vỏ nặng nề và trơ lì, và thân người sanh ra móng tay, tóc, mù, đờm dãi già cỗi mất sức sống. Lá cũng trở nên giòn, kém màu sắc, những phản xạ của con người cứng và yếu ớt, cho đến cuối cùng sự liên kết giữa những nguyên tố thô và tế trở nên bất quân bình đến độ tan vỡ, để lại một cây khô hay một



xác chết tro li bất động. Với những người có thể vượt khỏi những nguyên tố thô và tế ngăn ngại, không có sự mất quân bình và như vậy không để lại một thân nguyên tố thô tro li bất động. Họ để lại một thân cầu vòng, tinh túy thanh tịnh có màu sắc của những nguyên tố thấy được.

Khi chúng ta không thể vượt khỏi để đi vào cái không có chất thể và dòng chất thể của chúng ta chỉ truy nguyên đến một giới hạn hạt chất thể vi tế mà thể hệ ngày nay tạm thời gọi là hạt quark, nhưng có lẽ thể hệ sau sẽ đặt tên khác cho một giới hạn chất thể vi tế mới, thì đây là dòng tâm thức mê lầm của sanh tử. Nếu chúng ta liên tục nhận biết tinh túy bí mật tỏa khắp mọi hiện tượng, bèn có dòng Tâm Trí Huệ tự nhiên không đứt vỡ vốn vô ngại và vô chung. Dòng nghĩa là những phẩm tính quý báu liên tục, không đứt vỡ biểu lộ qua nhiều hình tướng và phương diện khác nhau mà tinh túy của nó vẫn luôn luôn thanh tịnh thuần khiết.

Theo Luật tạng, có bảy vị nắm giữ dòng luật của Phật Thích Ca Mâu Ni. Theo những vị nắm giữ dòng Bồ đề tâm qua Văn Thù Sư Lợi và Di Lặc, có Sáu Trang Nghiêm và Hai Tuyệt Hảo. Theo truyền thống Mật thừa, những vị giữ dòng là tám mươi bốn Đại Thành Tựu giả hay Thánh. Theo hệ thống Ny-yingma, có sự trao truyền trí huệ của Phật và sự trao truyền bằng miệng của những bậc cao cả.

Nếu chúng ta không nối kết với Tâm Trí Huệ tinh túy bí mật của chúng ta là bởi vì chúng ta bị truyền thống, dòng dõi, quốc tịch, giai cấp hay chính trị che ám, do đó chúng ta không thể biết dòng Phật giáo thanh tịnh. Một số người Đông

phương hay người Tây phương suy nghĩ như người Đông phương, tin rằng người Tây phương không thể có dòng bởi vì họ không có truyền thống. Nếu chúng ta tin rằng những người Tây phương là quá duy vật để có thể có một dòng tâm linh, thế thì chúng ta không tôn trọng dòng Phật giáo thanh tịnh. Nếu chúng ta không nối kết với những phẩm tính tâm linh chân thật mà chỉ bị quyến rũ một cách bề ngoài bởi những tục lệ và phong cách Đông phương bởi vì chúng ta liên kết với Đông phương bằng dòng Phật giáo, chúng ta cũng không tôn trọng dòng Phật giáo thanh tịnh thuần túy. Nếu chúng ta nghĩ rằng chỉ những tu sĩ, những lama và guru có dòng, bấy giờ chúng ta có quan niệm dòng như một danh hiệu và quan niệm dòng như loại ổ và chìa khóa, đó cũng là sự không tôn trọng đối với dòng tâm linh thanh tịnh.

Có nhiều chốn thiêng liêng ở Đông phương mà Phật Thích Ca đã ban phước. Nếu chúng ta không tôn kính những nơi chốn ấy, chúng ta bất kính đối với dòng Phật giáo thanh tịnh. Một số người có quan niệm rằng chỉ có người Ấn Độ mới có dòng Phật giáo bởi vì Phật Thích Ca đã sinh ra ở Ấn Độ hay ai đến từ Bethlehem là có dòng của Jesus. Nhưng Phật đã nói giáo pháp đích thực không hề lệ thuộc vào nòi giống. Nếu chúng ta không tri ân những người giữ dòng thanh tịnh bất kể họ đến từ đâu, chúng ta bất kính đối với dòng tâm linh bao la toàn khắp.

Nếu chúng ta thực hành Pháp mà dựa vào thần lực của dòng chất thể bình thường, chúng ta không thể có thần lực tâm linh sâu xa. Nguồn của thần lực có thể thấy được luôn luôn là thần lực không thể thấy được. Chẳng hạn, các máy móc rất là

manh mẽ, nhưng chúng ta không thể thấy hay sờ chạm được điện đang vận hành chúng bởi vì nguồn năng lực của điện thì không thể thấy. Nếu chúng ta không thể nối kết thần lực chất thể có thể thấy được với nguồn không chất thể không thể thấy được của nó, bấy giờ nó sẽ nhanh chóng cạn kiệt. Điều này đặc biệt đúng với ngày nay khi người Đông phương và người Tây phương đang tạo ra những nhà máy Pháp, cố gắng thương lượng mua bán dòng chất thể để có được thần lực và sở đắc. Giống như những nhà tư bản muốn có uy tín và giàu có để được người khác tôn trọng, chúng ta muốn đạt được cái gì có thể sờ chạm được và hữu dụng, và sợ nghèo, vô danh và mất quyền lực trong thế giới. Chúng ta nghĩ rằng dòng phải là riêng biệt đặc thù, chỉ dành cho những người tích tập uy tín tâm linh. Chúng ta nghĩ rằng dòng chỉ tìm thấy qua liên kết với những người cao cấp ai cũng biết tiếng, với những trung tâm Pháp nổi tiếng, và với những vị thầy được quần chúng công nhận như những vị giữ dòng phái.

Chúng ta tự nhận là những người Phật giáo, nhưng nếu chúng ta không có một quan điểm trí huệ và lòng bi mà Phật Thích Ca đã bày tỏ trở đi trở lại, thì bấy giờ bất kể hành vi Pháp nào chúng ta trình diễn đều chỉ là vở kịch Pháp cho khán giả hư vô chủ nghĩa với những lời tầm phào vô nghĩa trong giờ tạm nghỉ.

Một số người nghĩ rằng dòng tùy thuộc vào một vị thầy. Nhất là một số người Tây phương tin rằng người Tây phương không thể có dòng bởi vì họ không có một mối nối kết từ lúc sanh ra với một vị thầy tâm linh. Trừ phi chúng ta là những người hư vô chủ nghĩa, và chỉ tin vào cái thấy được, chứ

chúng ta không thể phán đoán những phẩm tính tâm linh của một người không có vị thầy thấy được trong cuộc sống này. Nếu có ai lấy nước từ vòi, rồi bởi vì chúng ta không thấy họ lấy nước từ nguồn, thế thì có lý không khi nói đó không phải là nước? Trong một cuộc hành hương, những người hành hương trước hết cần một người hướng dẫn, nhưng khi họ biết con đường, họ có thể đi một mình. Rốt cuộc, chỉ bởi vì họ không có người hướng dẫn có thể thấy được, chúng ta đâu có thể nói họ không biết con đường. Dĩ nhiên, với hầu hết người, dòng nương dựa vào một vị thầy thấy được và nói chung, nếu chúng ta có thể tìm ra một vị thầy tốt thì cần thiết phải có sự hướng dẫn. Nhưng theo truyền thống Phật giáo, nếu chúng ta tin vào nghiệp, chúng ta sẽ tin rằng bởi vì một số người đã có một vị thầy có thể thấy được trong những đời trước và đã có kinh nghiệm về tinh tú thanh tịnh của những nguyên tố của họ, trong kiếp này họ có thể tái sinh để thành giác ngộ mà không nương dựa vào một vị thầy thấy được. Thậm chí nếu chúng ta có một trăm vị thầy, nhưng khi chúng ta tách lìa khỏi tâm tự nhiên của chúng ta, thế là chúng ta đã phá vỡ dòng. Dù chúng ta không có thầy, khi chúng ta nối kết với tâm tự nhiên của chúng ta thì chúng ta có dòng Tâm Trí Huệ chân thật.

Tâm bình thường của chúng ta là tâm mê lầm, thế nên mắt chúng ta rốt cũng sai lầm. Cho dù nó có vẻ là thực tại, cái chúng ta thấy chắc chắn là một ảo ảnh, như một người bị bệnh hoàng đản thấy một cái tù và màu trắng thành ra màu vàng. Thế nên chúng ta không thể nói người này thì có dòng còn người kia không. Điều này chỉ tạo thêm những che ám với dòng thanh tịnh. Nếu chúng ta muốn nói về dòng Pháp

thanh tịnh, chúng ta phải đề cập đến sự thanh tịnh. Phật Thích Ca đã nói, “Tòa Pháp sư tử vô úy của ta không có người sở hữu. Người nào có lòng bi, có Tâm Trí Huệ, người có tâm làm lợi lạc, người ấy là vị giữ dòng của ta và có thể ngồi trên tòa của ta.” Ngài không nói đến người có một danh hiệu, người được dân chúng loạn thân chọn lựa, người tạo thêm nhiều chính trị. Hoặc người có chức hiệu hay không, được chọn hay không được chọn, nhà chính trị hay không phải nhà chính trị, người giữ dòng là người có những phẩm tính trí huệ nguyên sơ và nguồn tâm người đó là sự thanh tịnh của trí huệ. Bất kỳ người nào có những phẩm tính tâm linh bao la qua nguyên thanh tịnh và tâm mãn tiệp từ nghiệp trước kia thì nắm giữ một dòng tâm linh thanh tịnh và thực sự có thể làm lợi lạc cho những chúng sanh khác.

*Dù sanh làm con gái của một gia đình quý phái,*

*Ngài không tìm thấy tinh túy nào trong đời sống thế gian như vậy,*

*Thế nên ngài bỏ lâu đài rực rỡ của mình*

*Và lang thang chỗ này nơi nọ*

*Ròng tìm giải thoát tối hậu mà thôi.*

*Vào lúc ngài đi tìm kiếm giải thoát,*

*Với hình thức tuyệt vời không thể sánh đàng nảy nở,*

*Có hai công tước tìm cách cưới ngài*

*Nhưng giữa sự tranh cãi của họ*

*Ngài đã trở thành hoàng hậu*

*Của vị vua quyền thế nhất,  
Sự biểu lộ của thân trí huệ màu mặt trời bình minh,  
Đưa cao cây gương của tánh giác không nhiễm,  
Cắt đứt mạng lưới của vô minh.  
Dù ở với bậc trị vì tối cao  
Ngài trở thành hoàng hậu của xứ sở,  
Một râu chuỗi núi tuyết bao quanh,  
Ngài hoàn toàn thoát khỏi mọi bám luyến.  
Khi người đĩnh hôn kỳ diệu nhất của ngài  
Dâng ngài cho bậc thánh lang thang,  
Ngài nhận ra vị ấy không phải là người thường  
Mà chính là ánh sáng phiên bản của A Di Đà,  
Và như vậy ngài hòa tan tâm thức ngài trong lòng trí huệ  
của bậc ấy.  
Yeshe Tsogyal, con luôn luôn lễ lạy  
Cho đến khi nào con trở thành như ngài.*

***“Hình tướng của ta xuất hiện như một giấc mộng cho những chúng sanh, họ cũng giống như một giấc mộng.***

***Ta dạy họ giáo lý như giấc mộng để đạt đến***

***giác ngộ như mộng.”***

**PHẬT ĐỤN NGỌC TỐI THƯỢNG**

## THÓI QUEN, GIÁC MỘNG VÀ THỜI GIAN

Từ thời vô thủy không có những thói quen (tập khí) trong tâm tự nhiên không bị quy định. Rồi chúng ta tạo ra thói quen bằng cách phân chia những hiện tượng khỏi không gian trong sáng. Một tấm gương vốn không hề có bụi bặm. Rồi nó thu hút và gom góp bụi bặm làm che ám sự trong sáng tự nhiên của nó. Theo cách ấy, Tâm Trí Huệ thanh tịnh của chúng ta trở nên bị che ám bởi bản ngã khi chúng ta trở nên bám chấp vào sự phô diễn vô ngại của những hiện tượng thanh tịnh của nó. Nếu chúng ta có thể nhận biết lại tâm vô nhiễm tự nhiên của chúng ta, chúng ta sẽ không bị che ám bởi bám chấp, nhưng nếu chúng ta không nhận biết lại tâm tự nhiên thanh tịnh của chúng ta, bây giờ những hiện tượng của những nguyên tố vi tế của chúng ta gom tụ như bụi trên tâm như tấm gương trong sáng của chúng ta.

Nếu chúng ta lau sạch bụi mỏng nhẹ một cách tức thì, chúng ta dễ dàng làm sạch một tấm gương. Nếu một thói quen đang trong giai đoạn hạt giống, chúng ta có thể dễ dàng làm nó biến mất. Nhưng khi chúng ta để mặc một tấm gương mà không lau nó, những hạt nhỏ tụ họp lại, thu hút những hạt nặng hơn chúng dính chặt cho đến khi tấm gương trở nên hoàn toàn bị che ám và rất khó lau sạch. Nếu chúng ta không chú ý, lơ là với những thói quen có nguyên tố vi tế khó thấy, chúng trở thành nguyên nhân của những thói quen thô nặng dễ thấy.

Những thói quen dễ thấy dễ nhận biết của chúng ta giống như mốc meo xuất hiện trên thức ăn thiu. Những thói quen



vi tế khó thấy thì giống như lửa dưới tro nóng. Khi chúng ta tịnh hóa tâm thức chúng ta, chúng ta phải loại bỏ mọi thói quen căn bản, bất kể chúng vi tế thế nào. Nếu chúng ta chỉ để lại một đốm nhỏ bụi trên gương tâm của chúng ta, đây vẫn là thói quen căn bản. Dù nếu chúng ta chỉ còn lại một quan niệm, chỉ một hiện tượng, dù tốt hoặc xấu, nó vẫn là thói quen căn bản che ám. Mây, dù đen hay trắng, vẫn là mây che ám.

Những thói quen có nguyên tố nặng của người bình thường giống như mùi xạ hương nồng nặc trong hạch của một con hươu xạ. Những thói quen có nguyên tố nhẹ của những người cao cả trước khi giác ngộ thì giống như mùi thơm còn lại sau khi hạch xạ hương đã lấy đi nhưng còn tồn tại một thời gian trước khi hoàn toàn biến mất. Những người bình thường có đốn đau to lớn và hạnh phúc to lớn do từ những thói quen nguyên tố thô. Một số bồ tát còn có đốn đau và hạnh phúc, nhưng bởi vì nó đến từ những thói quen nguyên tố nhẹ của họ, nó giống như một lông cặn mỏng so với đốn đau và hạnh phúc từ thói quen gốc rễ sâu dày của người bình thường. Một số bồ tát chỉ biểu lộ đốn đau để làm hiển lộ chân lý nghiệp và để tịnh hóa nghiệp ấy cho chúng sanh khổ đau thấy khi biểu thị sự lao nhọc của sanh tử.

Đất căn bản thanh tịnh vốn không có sự sanh trưởng. Qua những điều kiện là những nguyên tố, sanh trưởng xuất hiện và che ám đất. Những thói quen giống như sự sanh trưởng. Nước căn bản thanh tịnh vốn không có bùn lầy. Qua những điều kiện là những nguyên tố, bùn lầy xuất hiện và che ám nước. Những thói quen giống như bùn lầy. Lửa căn bản thanh tịnh vốn không có khói. Qua những điều kiện là những nguyên tố,

khói xuất hiện và che ám lửa. Những thói quen giống như khói. Không khí căn bản thanh tịnh vốn không có bụi. Qua những điều kiện là những nguyên tố, bụi xuất hiện và che ám không khí. Những thói quen giống như bụi. Bầu trời căn bản thanh tịnh vốn không có mây. Qua những điều kiện là những nguyên tố, mây xuất hiện và che ám bầu trời. Những thói quen giống như mây.

Tâm thì giống như nền đất thanh tịnh vô biên. Nếu chúng ta không bị hấp dẫn và không bám níu những hiện tượng hữu hạn của chúng ta, bấy giờ chúng ta có thể ở lại trong tâm vô biên tươi mới của chúng ta. Tâm giống như nước thanh tịnh trong sáng. Nếu chúng ta không bị hấp dẫn và không bám níu những hiện tượng vẩn đục của chúng ta, bấy giờ chúng ta có thể ở lại trong tâm tinh khôi tự nhiên của chúng ta. Tâm giống như lửa thanh tịnh chói sáng. Nếu chúng ta không bị hấp dẫn và không bám níu những hiện tượng mù khói của chúng ta, bấy giờ chúng ta có thể ở lại trong tâm tinh quang của chúng ta. Tâm giống như không khí thanh tịnh không trọng lượng. Nếu chúng ta không bị hấp dẫn và không bám níu những hiện tượng bụi bặm của chúng ta, bấy giờ chúng ta có thể ở lại trong tâm trong sáng vô ngại của chúng ta. Tâm giống như bầu trời thanh tịnh không vết nhơ. Nếu chúng ta không bị hấp dẫn và không bám níu những hiện tượng mây mù của chúng ta, bấy giờ chúng ta có thể ở lại trong tâm rộng rang như hư không của chúng ta.

Những thói quen biểu lộ vào mọi lúc, thức và ngủ. Trong tâm bình thường của chúng ta, những hiện tượng thói quen ban ngày thấy được thì thô và những hiện tượng thói quen

lúc mộng không thấy được thì tế. Nhưng nguyên tố vi tế thì luôn luôn có mặt trong nguyên tố thô, thế nên trong tâm của hành giả đích thực, những hiện tượng thói quen ban ngày thì không khác với những hiện tượng thói quen lúc mộng.

Những hiện tượng thói quen lúc mộng không thấy được giống như những ngôi sao chúng ta không thể thấy khi bầu trời đầy nắng mặt trời, nhưng chúng vẫn có đó. Những hiện tượng thô ban ngày không làm những hiện tượng vi tế trong mộng biến mất. Những thói quen bất tịnh không thấy được khi mộng của tâm bình thường không tan biến trừ phi chúng ta làm tan biến những thói quen bất tịnh thấy được của khi thức. Cho dù từ vô thủy không từng có cái thấy được, vậy mà chúng ta luôn luôn tạo ra và tin cái thấy được rất không đáng tin.

Giữa cái thấy được và cái không thấy được chúng ta luôn luôn khổ đau. Như Shantideva nói, “Một người đàn bà không thể sanh nở thì không có một đứa con trai, nhưng trong mộng bà thấy con trai bà chết và bà khổ đau.” Nhưng với hành giả chân thật đã hiểu tinh túy thanh tịnh của những nguyên tố, thì không còn nữa thói quen thô của ban ngày và cũng không còn nữa thói quen tế của giấc mộng.

Theo hệ thống Mật thừa, không cần khảo sát những giấc mộng chúng ta có vào đầu hôm trước giữa đêm, bởi vì những giấc mộng này chỉ là những diễn tả của những thói quen có trước. Không cần khảo sát những giấc mộng của chúng ta vào lúc nửa đêm, khi quan niệm của những nguyên tố vi tế bất tịnh của lúc mộng và quan niệm của những nguyên tố

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

thô bất tịnh ban ngày nổi kết với nhau, bởi vì chúng tạo ra những quấy nhiễu biểu lộ như là ma quỷ. Chúng ta cần khảo sát những giấc mộng vào lúc bình minh nếu chúng ta muốn biết tương lai.

Nếu chúng ta có một giấc mộng xấu, chúng ta có thể xua tan những hiện tượng tiêu cực của nó bằng cầu nguyện và thiền định. Nếu đó là một giấc mộng tốt, chúng ta có thể giữ những hiện tượng tích cực của nó bằng cầu nguyện và thiền định và nó có thể trở thành sự thật. Nếu chúng ta thực hành thiền định không có hình tướng và muốn ở lại trong Tâm Trí Huê Bình Thân, chúng ta cần nhận biết rằng những giấc mộng có thành sự thật hay không thì không quan trọng, bởi vì lúc ban ngày và lúc mộng cả hai đều là một giấc mộng. Chúng ta không nên có những cảm giác xấu và sợ hãi về những giấc mộng xấu hoặc có những cảm giác tốt và hy vọng về những giấc mộng tốt, mà hãy cố gắng làm tan biến những quan niệm, những vọng tưởng của chúng ta vào không gian quang minh.

Nếu chúng ta đang sử dụng hình tướng trong thiền định của mình và muốn tạo ra những hiện tượng thanh tịnh của những nguyên tố vi tế, thì chúng ta sử dụng thực hành giấc mộng mà tinh túy của nó là quán tưởng vị thần bản tôn mà chúng ta có mối liên hệ nghiệp, theo sadhana hợp với khả năng chúng ta. Nếu thói quen ban ngày của chúng ta là những hiện tượng của vị thần bản tôn, thói quen lúc mộng của chúng ta sẽ trở thành những hiện tượng của vị thần bản tôn. Dần dần những hiện tượng mộng bất tịnh sẽ chuyển hóa thành những hiện tượng mộng thanh tịnh cho đến cuối cùng lúc ban ngày và lúc mộng trở thành một cảnh giới vô lượng thanh tịnh của

những hiện tượng của Bốn Tôn Trí Huệ.

Những thói quen lúc ban ngày như mộng và lúc mộng không lìa ngoài những điều kiện hoàn cảnh. Trong những vùng cao nguyên lạnh giá người ta có thói quen mặc len nỉ và lông thú. Ở vùng thấp ẩm áp cỏ non người ta có thói quen mặc đồ lụa và vải. Khi người ở miền cao xuống miền thấp, thói quen mặc áo len dày của họ vẫn còn và khi người miền thấp lên miền cao, thói quen mặc áo vải mỏng của họ vẫn còn. Nghĩ đến vị bốn tôn cao cả của chúng ta, thậm chí có cố gắng chúng ta cũng không thể thấy mặt ngài. Nhưng không cố gắng, khuôn mặt người tình bình thường của chúng ta tự nhiên xuất hiện trước chúng ta. Những thói quen đi theo bất cứ nơi nào chúng ta đến và thay đổi những thói quen là khó khăn nhất.

Luôn luôn rất khó khăn và đau đớn khi chuyển từ một nơi chốn quen thuộc đến một chỗ mới không quen. Rất khó để thay đổi. Bất cứ khi nào chúng ta nói “thay đổi”, chúng ta muốn nói thay đổi những thói quen. Mọi nền văn hóa, truyền thống và tôn giáo đều dạy chúng ta thay đổi những thói quen tiêu cực thành những thói quen tích cực. Nếu chúng ta không muốn tạo ra những thói quen xấu, chúng ta cố gắng tiêu diệt chúng từ ban đầu. Nếu chúng ta thấy một con rắn lốm đốm và chúng ta sợ, chúng ta phải tiêu diệt tức khắc sự sợ hãi này nếu không chúng ta sẽ sợ khi chúng ta thấy một sợi dây lốm đốm bởi vì chúng ta đã trở nên mê lầm vì thói quen với con rắn lốm đốm.

Thói quen tích cực của một người là thói quen tiêu cực của người khác và thói quen tiêu cực của một người là thói quen

tích cực của người khác. Đồng ý hay không đồng ý giữa cha mẹ và con cái, đàn ông và đàn bà, học trò và thầy giáo, hay chính phủ và dân chúng luôn luôn khởi sanh bởi vì họ cố gắng thay đổi những thói quen tiêu cực thành tích cực theo quan điểm của họ. Theo quan điểm của Pháp, mục tiêu của mọi thực hành và giáo lý là tịnh hóa những thói quen của cái ta để thay đổi những hiện tượng tiêu cực thành những hiện tượng tích cực.

Những hiện tượng của chúng ta luôn luôn thay đổi trong thời gian và nguồn thói quen về thời gian của chúng ta là chất thể. Khi những nguyên tố càng ngày càng trở nên thô và có chất thể hơn, phương hướng bèn bắt đầu có. Khi càng có phương hướng thì càng có thời gian. Chúng ta không thể thấy tất cả thời gian một lần bởi vì tâm trong thời hiện tại của chúng ta bị giam nhốt trong những nguyên tố chất thể thô. Chúng ta không thể thấy chất thể thời quá khứ bởi vì chúng ta bị phân chia giữa chất thể mới mà tâm thức chúng ta luôn luôn tạo ra và chất thể thời quá khứ đã trở nên trở lì im chết. Chúng ta không thể thấy chất thể thời tương lai bởi vì nó chưa trưởng thành hay hiện rõ. Nghiệp là quá khứ đang ngủ và thời gian tương lai, cái tương lai sẽ trở nên rõ ràng như hiện tại.

Tâm bình thường luôn luôn bị thời gian phân chia, như không gian của con người bình thường thì bị những biên giới của chất thể thô phân chia. Vì vậy, chúng ta không thể thấy vượt khỏi hiện tại bằng những nguyên tố thô. Đó cũng giống như ở bên trong một bức tường dày cứng đặc mà chúng ta không thể thấy hay xuyên qua nó bởi vì chúng ta bị ngăn chướng bởi thời gian chất thể.

Những bồ tát, có khả năng xuyên qua nghiệp nhờ những phẩm tính cao cả, thấy được mọi thời gian như xuyên qua một tấm kính trong. Bởi vì họ ít có những che chướng của nguyên tố thô nên có thể vượt khỏi chất thể mà thấy tương lai. Phật trụ ở khắp nơi mà không trụ ở nơi nào cả thì có thấy một cách vô ngại và tự nhiên mà không có chủ định bởi vì những nguyên tố của ngài vượt khỏi chất thể và tâm của ngài không bị thời gian phân chia. Thí dụ một bức tường bằng thủy tinh thậm chí cũng không thể dùng. Những người ở trong Tâm Hư Không Trong Sáng bình đẳng với mọi nguyên tố thì có thể thấy tất cả thời gian và không gian vì tâm ấy rộng rang và vô ngại. Họ không có phương hướng hay thời gian bởi vì họ không ở trong cũng không ở ngoài chất thể. Trong bầu trời không có núi non, không có những ngăn ngại, không có những che chướng của chất thể, không có phương hướng.

Phật thấy mọi sự bởi vì trong Tâm Trí Huệ thì không có thời gian và không có phương hướng. Không có thời gian và phương hướng, không có cái gì để thấy. Nhưng nếu không có cái gì nữa để thấy, làm thế nào Phật có thể là một người hướng dẫn và làm lợi lạc cho chúng sanh? Nếu chúng ta nghĩ không có thời gian, làm sao Phật có thể tiên tri thời gian? Nếu chúng ta nghĩ không có phương hướng, làm sao Phật có thể chỉ bày phương hướng?

Phật là toàn tri; tâm ngài như bầu trời. Ngài không bày tỏ cái gì cả; cái gì xuất hiện là một phản chiếu. Nếu chúng sanh có phương hướng, thì nó được phản chiếu. Nếu chúng sanh có thời gian, thì nó được phản chiếu. Thế nên thực sự thời gian

không phải là một phản chiếu của Phật, nó là một phản chiếu của chúng ta. Nếu chúng ta mở một cái dù trong bầu trời, một cái bóng trở lại trái đất. Những nguyên tố chất thể xuất hiện theo cách đó. Thời gian trở lại như một cái bóng với thân thể chúng ta, thế nên thời gian là một hiện tượng của riêng chúng ta.

Để có đồng thuận bên ngoài, thời gian chắc thật phát xuất từ thời gian của những hiện tượng chung qua những quan sát và phán đoán dựa trên những nguyên tố và những điều kiện bên ngoài, thô, dễ thấy. Khi những yếu tố này là phụ trợ chung, chúng ta làm ra đồng hồ để chỉ cùng thời giờ, bản đồ để chỉ cùng phương hướng trong không gian, và lịch sử để chỉ cùng phương hướng trong thời gian. Những nhà chiêm tinh làm ra lịch thời gian nhờ những ngôi sao, những nhà khoa học nhờ máy vi tính, và những con gà trống nhờ những giác quan bên trong của chúng. Thời gian có vẻ càng lúc càng thật nhờ sự đồng thuận của nhà khoa học và đàn gà trống, nhưng đôi khi những máy tính của những nhà khoa học hư hỏng tạo ra sai lầm, và đôi khi những gà trống gáy trong giấc ngủ của chúng vì một giấc mộng thấy bình minh do từ thói quen. Chúng ta phải biết rằng không có sự đồng thuận với chỉ một thời gian của những hiện tượng chung. Khi mặt trăng tròn chìm sau những dãy núi phía tây với một tia sáng chào đón trên đỉnh núi phía đông, thì đồng thời, mặt trời mọc đằng sau những trái núi phía đông với một tia sáng giả từ trên đỉnh núi phía tây.

Ở phương Đông, theo một trong những truyền thống chiêm tinh, một hơi thở của một người trưởng thành khỏe mạnh gồm có ba bước: hít vào, giữ lại và thở ra. Sáu hơi thở được gọi là một *chusang* và có sáu mươi *chusang* trong một giờ và sáu mươi giờ trong một ngày và một đêm. Mọi tính toán đều



dựa trên quan niệm *chusang* đặc biệt ngày và đêm này. Ở miền bắc, những người Alaska có sự đồng thuận về thời gian theo kiểu Alaska về sự không bằng nhau của giờ ban ngày và giờ ban đêm, trong khi ở miền nam, nhưng cư dân các xứ nhiệt đới thì quen với giờ bằng nhau của ngày cũng như của đêm. Mọi nơi, thời gian thì rất bất định bởi vì nó ở trong chất thể và nó luôn luôn thay đổi và trở nên trở li cố hữu. Nếu chúng ta cố gắng làm cho nó chính xác khi dựa vào chất thể vô thường, chúng ta sẽ thất vọng và điên cuồng.

Chúng ta không thể dựa vào thời gian và phương hướng bên ngoài bởi vì, theo nghiệp, những nguyên tố của mỗi cá nhân thì khác nhau và do đó tính chất của thời gian trong họ thì khác nhau. Vì lý do này chúng ta bày tỏ thời gian qua những nguyên tố chất thể của chúng ta theo những cách khác nhau. Một số trong chúng ta thì lơ đãng và luôn luôn buồn ngủ, một số thì không thể ngủ nhanh như những người khác, và một số dậy sớm hơn những người khác. Khi những nguyên tố nhẹ và vi tế, tính chất thời gian trong chúng thì điều hòa, êm ả và bằng phẳng. Khi những nguyên tố nặng và thô, tính chất thời gian trong chúng thì thô ráp và gồ ghề, khi nhanh khi chậm. Khi những người với những nguyên tố khác nhau gặp gỡ, sự tương tác giữa họ có thể hỗn loạn hoặc hài hòa tùy một phần vào những tính chất thời gian trong những nguyên tố của họ có bổ sung cho nhau hay không. Nếu hai người gặp gỡ và tính chất thời gian trong những nguyên tố của họ là bằng phẳng và điều hòa, họ luôn luôn hài hòa với nhau. Nếu những nguyên tố của họ gồ ghề, họ chỉ có thể hài hòa với nhau khi những tính chất thời gian trong những nguyên tố của họ được đồng bộ. Khi những phẩm tính thời gian của họ

không tương đồng, họ phản ứng hỗn loạn.

Mọi người dựa vào thời gian trong những hoạt động hàng ngày để liên lạc với nhau. Nhưng dù chúng ta dựa vào thời gian, chúng ta thường không thể nối kết với nhau. Chẳng hạn, đôi khi qua những thói quen thời gian khác nhau trong những nguyên tố của chúng ta, chúng ta không thể gặp gỡ dù chúng ta nghĩ mình đã sắp xếp giờ hẹn. Khi chúng ta lỡ thời gian, chúng ta không hề nghĩ những năng lượng của những thói quen cá nhân khác nhau trong nguyên tố là không tương thích. Chúng ta chỉ nói, “Tôi xin lỗi, tôi đến trễ.” Khi ai đó nhanh chóng, chúng ta nói, “Ồ, tuyệt quá, anh đến đúng giờ.” Và giữa “Tôi xin lỗi, tôi đến trễ” và “Ồ tuyệt quá, anh đến đúng giờ”, chúng ta có thể tiêu xài hết tất cả thời gian của đời mình.

Tạm thời, những hành giả phải dựa vào thời gian bình thường nào đó bởi vì chúng ta có những thói quen thời gian nguyên tố bình thường. Nhưng sau cùng, qua thiền định, mọi nguyên tố thô, chung, bên ngoài và những hiện tượng thời gian chắc thật trở thành thời gian của chân lý tương đối đảo nghịch. Đây là bởi vì do thực hành, chúng ta khai triển một số kinh nghiệm với hiện tượng thời gian không chắc thật, nó thì chan hòa hơn, thâm thấu hơn bởi ‘dòng’ của ‘thời gian không có thời gian’. Bấy giờ hiện tượng thời gian không chắc thật trở thành chân lý tương đối thực sự. Khi hành giả tiếp tục thực hành với hiện tượng thời gian không chắc thật này, thì hiện tượng thời gian quá khứ, hiện tại và tương lai, hiện tượng thời gian chân lý tương đối đảo nghịch, hiện tượng thời gian chân lý tương đối thực sự, hiện tượng thời gian khi thức và khi mộng, mọi hiện tượng thói quen thời gian rốt cùng trở thành một thời gian trong không gian không có không gian.

Bây giờ chúng ta có thể luôn luôn ở trong thời gian không có thời gian bình thản một vị.

**Cá chơi đùa trong nước.**

**Chim chơi đùa trong bầu trời.**

**Người bình thường chơi đùa trên mặt đất.**

**Người cao cả chơi đùa trong phô diễn của Pháp tánh.**

## TÂM CHƠI ĐÙA

Sự chơi đùa của một người này là sự nghiêm trọng của người khác và sự nghiêm trọng của người này là sự chơi đùa của người khác. Với người lớn, những thanh niên có vẻ chơi đùa, nhưng với thanh niên, những hiện tượng của họ là nghiêm trọng. Với thanh niên, trẻ em có vẻ chơi đùa, nhưng với trẻ em, những hiện tượng của họ là nghiêm trọng. Sở dĩ như vậy vì trong vô số đời hước, mọi chúng sanh mê lầm với tâm phân chia đã tách lìa những hiện tượng thành những nguyên tố thô và tế, nghĩ rằng trò chơi của họ là nghiêm trọng vì tin nó là thật.

Khi trẻ em chưa lớn và không thể nối kết tâm thức nguyên tố vi tế với những đồ chơi nguyên tố thô của chúng, những món đồ chơi đó trở thành nghiêm trọng. Nếu chúng không thể hiểu sự việc vận hành như thế nào, chúng phát hiện một thói quen tức giận thất vọng mà chúng đem theo vào cuộc đời trưởng thành, thay đổi đối tượng của sự thất vọng từ một đồ chơi sang một người. Nếu từ khi sinh ra chúng đã nhận biết rằng trò chơi là chơi đùa chứ không nghiêm trọng, rằng thô và tế là không thể tách lìa, thì dù trẻ em hay người lớn cũng không bao giờ có thất vọng hay tức giận.

Tách lìa luôn luôn là nguyên nhân của thất vọng. Giữa cha mẹ và con cái, bạn và bạn, chồng và vợ, hay thầy và trò, khi chúng ta không thể nối kết với nhau bởi vì thói quen trước kia cứ phân chia chủ thể khỏi đối tượng và thô khỏi tế, mới có thất vọng và tức giận từ đó. Khi chúng ta cảm thấy sự thất vọng và tức giận này chúng ta phải xua tan nó, không phải

bằng cách phân chia thêm nữa đối tượng của sự tức giận thất vọng của mình, mà bằng cách thực hành Pháp và bằng thiền định.

Dù không thiền định hay dùng bất kỳ quan niệm Pháp nào, những phẩm tánh tâm linh vẫn hiện hữu từ nguyên thủy. Năng lượng tâm linh thì giống như một khu rừng tự nhiên non trẻ có thể bị cháy tiêu bởi tức giận thất vọng. Như lửa, khi tức giận thất vọng lớn dần, năng lượng tâm linh thanh nhẹ giảm đi như khói. Lửa cháy xong, cả hai năng lượng nguyên tố thô và năng lượng nguyên tố vi tế đều cạn kiệt và chỉ còn lại tro xám của sự buồn rầu trống rỗng. Bây giờ, thiếu sự nâng đỡ từ những nguyên tố thô của thể giới và từ những nguyên tố tế bên trong, tâm thức chúng ta trở nên yếu ớt và buồn rầu.

Nhưng qua trò chơi, năng lượng tâm linh có thể được duy trì, thế nên chúng ta chớ nghĩ rằng trò chơi luôn luôn là xấu. Dù tâm thức trưởng thành cứng cõi của chúng ta từ chối trò chơi hay không, mọi sự vẫn là sự phô diễn chơi đùa của tinh túy bí mật tự nhiên của những nguyên tố. Nếu chúng ta nghiêm trọng và cứng cõi, những nguyên tố vi tế của chúng ta trở nên tắc nghẽn và không thể phản chiếu sự phô diễn trí huệ này. Nếu tâm thức chúng ta an bình, bao la và chơi đùa, không bao giờ có nhiễu loạn giữa những nguyên tố thô và tế.

Khi chúng ta nghiêm cứu, nếu chúng ta có một tâm chơi đùa rộng mở, chúng ta có thể hấp thụ điều chúng ta nghiêm cứu. Tính mềm dẻo đến từ tâm chơi đùa, thế nên khi tâm chúng ta rộng rang chúng ta có thể chấp nhận điều được dạy cho chúng ta. Với một tâm nghiêm trọng cứng cõi, chúng ta không thể

học bởi vì tâm ta siết chặt và mắt quân bình. Tâm nghiêm trọng của chúng ta thì luôn luôn mệt mỏi, còn tâm chơi đùa của chúng ta thì luôn luôn nghỉ ngơi. Khi không có không gian và nghỉ ngơi, bất cứ cái gì chúng ta học đều bị giới hạn.

Khi chúng ta làm việc, nếu chúng ta có tâm vui đùa rộng mở, chúng ta sẽ không sợ hãi mất mát cái gì, thế nên chúng ta có thể làm việc liên tục cho đến khi đạt được mục đích. Với sự tự tin đến từ tâm chơi đùa, chúng ta không bao giờ ngần ngại và không lầm lỗi. Nghi ngờ và do dự đến từ một tâm quá nghiêm trọng cứng cõi. Khi chúng ta có sợ hãi hay ngần ngại, sự thích thú công việc của chúng ta giảm sút và chúng ta trở nên lười biếng và yếu ớt, mất tự tin. Nếu chúng ta không có tự tin, bất cứ thứ gì chúng ta làm, bất cứ điều gì chúng ta nói, đều chẳng nhằm. Bởi vì tâm thức chúng ta phân tán và sợ hãi ngần ngại, sự tập trung biến mất. Nếu chúng ta không có tập trung, chúng ta không thể thâm nhập mục tiêu vì tâm thức chúng ta luôn luôn mắc kẹt trước khi đến đích. Khi chúng ta biết rằng chúng ta đã trật đích, chúng ta chán nản thất vọng. Tâm thức chúng ta thậm chí còn hẹp hơn, bất ổn và dễ vỡ hơn do sự thất vọng này và mọi sự lạc mất trong hoàn cảnh sống của chúng ta.

Không có tâm chơi đùa, cho dù chúng ta thấy những vật đẹp đẽ, chúng ta không thể tiếp xúc với chúng bởi vì chúng ta có những sợ hãi và trật đích do thiếu tự tin. Dù chúng ta đọc, chúng ta không thể hấp thụ nghĩa bởi vì chúng ta có những sợ hãi và trật đích do thiếu tự tin. Dù chúng ta được bạn bè chiêu đãi, dư vị không còn bởi vì chúng ta có những sợ hãi và trật đích do thiếu tự tin. Dù chúng ta tìm kiếm sự đồng

thuận của những người tâm hồn khoáng đạt, họ không thể tin chúng ta hay nói với chúng ta khi tâm thức cứng cõi của chúng ta quá nhỏ hẹp bởi vì chúng ta có những sợ hãi và trật địch do thiếu tự tin.

Nếu chúng ta muốn tranh đấu với ai đó, chúng ta không thể chiến thắng khi tâm thức chúng ta quá nghiêm trọng và hạn hẹp. Thậm chí nếu chúng ta gào thét và đá, nếu tâm thức chúng ta cứng nhắc chúng ta cũng không có năng lực. Tâm thức chúng ta phân tán và bị kích thích vì căng thẳng, không thể đi vào mục tiêu của nó. Trong một cuộc tranh luận, lý luận trở nên hỗn loạn trong một tâm thức cứng nhắc, đặc ngột bởi vì những tư tưởng bị phân tán và không có không gian rộng rang cho tâm thức có thể chuyển động. Thế nên nếu chúng ta quá nghiêm trọng và căng thẳng, chúng ta sẽ luôn luôn bị đối thủ đánh bại, kẻ ấy có một tâm thức thư giãn hơn và hiểu rằng tự tin luôn luôn bị mất vì thần kinh kích động.

Nếu chúng ta cố tâm thức chơi đùa, chúng ta có thể thấy bằng thiền định rằng mọi hiện tượng đều giống như huyền thuật. Bất cứ chỗ nào chúng ta đến, chúng ta đều thấy dễ chịu, thích hợp. Nếu chúng ta từ một giai cấp cao, chúng ta có thể làm ở chỗ tiêu chuẩn thấp rất dễ dàng mà không tự cao tự đại hay khó chịu. Nếu chúng ta xuất thân từ một giai cấp thấp, chúng ta có thể liên lạc dễ dàng với những người đẳng cấp cao bởi vì tâm thức chúng ta bao la và chơi đùa. Chúng ta từ bất cứ giai cấp nào, không có mâu thuẫn gì giữa đẳng cấp cao và thấp bởi vì tâm thức chúng ta rộng mở và thư giãn và chúng ta thấy mọi hiện tượng như là sự phô diễn chơi đùa của Tâm Trí Huệ vô ngại.



Nếu chúng ta có tâm chơi đùa, dù chúng ta có nói với những vị lãnh đạo quyền lực, chúng ta có thể nói cũng quyền uy không kém bởi vì tâm thức chúng ta thì tự do và không sợ hãi và chúng ta thấy mọi hiện tượng như là trò phô diễn chơi đùa của Tâm Trí Huệ vô ngại.

Nếu chúng ta có tâm chơi đùa, không có mâu thuẫn giữa thanh tịnh và bất tịnh, thế nên có nhận những thệ nguyện tôn giáo hay không, chúng ta cũng tự động có giới luật thanh tịnh dựa trên tâm thanh tịnh, thoát khỏi những quan niệm xấu. Mục tiêu của những thệ nguyện là chuyển đổi bất tịnh thành thanh tịnh. Với tâm chơi đùa hoàn toàn thanh tịnh, chúng ta không có tư tưởng nghiêm trọng về phá hay giữ những lời nguyện bởi vì chúng ta thấy mọi hiện tượng như là sự phô diễn chơi đùa của Tâm Trí Huệ vô ngại.

Nếu chúng ta có tâm chơi đùa, dù nếu chúng ta bỏ quê hương, chúng ta có thể dễ dàng thích ứng với bất kỳ phong tục nào bởi vì chúng ta không nghiêm trọng về phóng tục của xứ sở riêng của mình. Với tâm thức chơi đùa chúng ta có thể thích nghi với mọi chỗ bởi vì chúng ta thấy mọi hiện tượng như là sự phô diễn chơi đùa của Tâm Trí Huệ vô ngại.

Khi chúng ta thực hành, chúng ta cần tâm chơi đùa nghỉ ngơi. Mọi phẩm tính tâm linh đều không thể thấy được và không có chất thể và vốn sẵn ở trong mọi chất thể. Nếu chúng ta quá nghiêm trọng, đối tượng của sự thiền định trở nên xa hơn, phân chia và che ám hơn, nhưng nếu chúng ta có tâm chơi đùa chúng ta có thể luôn luôn thấy rõ ràng, như ao ước trở nên trong sáng khi được để một mình, khỏi những quấy

nhiều.

Nhiều vị thầy và bản văn nói rằng chúng ta phải nghiêm trọng và cần cù trong thực hành của chúng ta. Nhưng cần cù nghiêm trọng không có nghĩa chỉ là kỷ luật khắt khe và hạn hẹp. Nếu chúng ta tách lìa cần cù khỏi không gian rộng rang, đó là nguyên nhân của vô minh, cần cù đích thật luôn luôn là năng lượng liên tục của tâm chơi đùa rộng rang. Bất cứ khi nào chúng ta thiên định, nếu chúng ta có thể để cho tâm tự nhiên của chúng ta một mình trong tâm chơi đùa, thì tâm nghiêm trọng bám nắm của chúng ta không thể quấy nhiễu chúng ta. Chúng ta cần một tâm quân bình, giữa bám giữ quá chặt và thư giãn quá lỏng. Khi tâm nghiêm trọng bám giữ không còn, giác ngộ đã gần kề mà không cố gắng.

Một lần nọ có một đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni không thể làm tâm ông yên nghỉ dù chỉ trong một chốc lát giữa tập trung quá chặt và tập trung quá lỏng. Phật hỏi ông, “Trước khi con thành đệ tử của ta, con có bao giờ chơi nhạc?” Người đệ tử trả lời, “Có, con là một người chơi đàn sitar lão luyện.” Phật hỏi, “Một âm thanh êm dịu có đến từ những dây đàn lên quá căng không?” Và ông nói, “Không.” Phật lại hỏi, “Một âm thanh êm dịu có đến từ những dây đàn lên quá lỏng không?” Ông lại trả lời, “Thưa không.” Bấy giờ Phật nói, “Làm thế nào con có được một âm thanh êm dịu?” Ông trả lời, “Một âm thanh êm dịu đến khi đàn sitar được lên dây không quá căng không quá lỏng.” Phật nói, “Con có thể thiên định theo cách ấy chăng, với sự tập trung không quá căng thẳng cũng không quá lỏng?” Khi người đệ tử thiên định với một tâm quân bình như Phật dạy qua ví dụ chơi đàn, ông thấy được

bản tánh của Tâm Trí Huệ.

Nếu chúng ta thực hành quán tưởng và không có mong cầu, bấy giờ với bất cứ loại bồn tôn nào chúng ta quán tưởng chúng ta sẽ tự nhiên thấy Bồn Tôn Trí Huệ. Tập trung quá nghiêm trọng là nguyên nhân của tâm bám nắm loạn thần. Nếu chúng ta nỗ lực quán tưởng Bồn Tôn Trí Huệ với đôi mắt nghiêm trọng nghiêng lệch và một tâm thức nắm bắt loạn thần, ngài sẽ trở thành ma quỷ vì nguồn gốc của ngài là nhị nguyên. Nơi nào có nhị nguyên, bèn có từ chối và chấp nhận. Nơi nào có từ chối và chấp nhận, bèn có nguyên nhân của ghét bỏ và bám luyến. Nơi nào có ghét bỏ và bám luyến, bèn có nguyên nhân của sanh tử.

Thế nên dù bất cứ sự thực hành của chúng ta là gì, chúng ta cần tâm chơi đùa, nó luôn luôn không mong cầu và bao la. Tâm chơi đùa không có những sợ hãi vì nó không có đối tượng. Bởi vì nó trọn vẹn tự nhiên và rỗng rang, nó luôn luôn ban cho phúc lạc và ân sủng. Nếu chúng ta có tâm chơi đùa, chúng ta có thể tăng cường năng lượng trí huệ tự nhiên của chúng ta. Năng lượng thanh nhẹ không thể hủy hoại được này thì rất vi tế và uy lực, luôn luôn là một ban phước cho những người khác bởi vì nó không làm hại và không bị chất thể nguyên tố thô của năng lượng những người khác thâm nhập. Bởi vì tính nghiêm trọng là một biểu hiện của những nguyên tố thô, cái gì càng nghiêm trọng càng nặng nề, càng bị kẹt nghẽn trong cái nặng nề và bị chia tách khỏi cái thanh nhẹ. Phật thì hoàn toàn thanh nhẹ và chúng ta không thể nói ngài là nghiêm trọng. Phật thì bao la, tỏa thắm khắp mọi nơi và không bao giờ phân chia.

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

Nói chung, hệ thống Tiểu thừa dạy cố gắng hàng phục tâm thức và từ bỏ những phẩm chất ham muốn nhờ giới luật. Nhưng là những hành giả của Pháp, chúng ta thường chộp lấy chỉ một từ của giáo lý Phật qua kỷ luật này. Thực ra, Phật pháp là làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh, và chúng sanh thì luôn luôn dựa vào những tính chất ham muốn. Do đó Phật nói các bạn phải dâng cúng mọi tính chất ham muốn cho Tam Bảo. Điều này không có nghĩa là Phật có năm giác quan như chúng ta để nhận những tính chất ham muốn. Phật chỉ đáp ứng với chúng ta để cho chúng ta có thể chơi đùa với những tính chất ham muốn và, qua chơi đùa, tâm chúng ta có thể được giải phóng vào năng lượng thanh tịnh và trong nhẹ của chính nó.

Phật nói rằng bất cứ ai hiểu lòng bi như huyền thuật và bất cứ ai thực hành giác ngộ như huyền thuật là hành giả tốt nhất. Qua huyền thuật, chúng ta có thể chơi đùa khi sử dụng tiềm năng bí mật của những nguyên tố của chúng ta. Khi chúng ta tập trung quá nghiêm trọng, bấy giờ mọi nguyên tố tập hợp với nhau trong quan niệm nghiêm trọng, không gian bên trong trở thành rất đông nghẹt và chật chội, và nơi nào không có không gian, thì có bóng tối. Trong không gian đông nghẹt tối tăm này, không có chỗ cho tâm vô ngại mà quang minh tự nhiên của nó bị đè nén bởi tâm nghiêm túc. Nếu không có quang minh của tâm chơi đùa, thì không thể có Tâm Trí Huệ trong sáng, biện biệt, là sự nương dựa và cội nguồn của mọi phẩm tính và mọi hiện tượng.

**Bông tuyết trong một thoáng nhìn thì đẹp như hoa,  
nhưng tan biến khi tay chạm đến.**

## HUYỄN THUẬT VÀ CÁI HUYỀN BÍ

Tâm thức của tất cả chúng sanh là những nhà huyền thuật mà việc huyền thuật là một trò lừa dối qua đó sự thật được làm thành không thật hay sự không thật được biến thành thật để vui thích hay để khổ đau. Người ta sợ huyền thuật và trở nên mê tín vì họ phân chia những nguyên tố thô khỏi những nguyên tố vi tế và không tin sự nối kết giữa chúng. Thói quen phân chia này tạo thành một sự mất quân bình giữa những nguyên tố thô và tế. Rồi nếu có một tình huống xấu sanh ra như một tai nạn hay bệnh tật, đôi khi chúng ta nghĩ đó là tà thuật đến từ một phù thủy, ma quỷ nào đó. Nói chung, dĩ nhiên ngày nào tâm thức nhị nguyên của chúng ta chưa cạn kiệt, chúng ta vẫn có những hiện tượng xấu. Những quỷ hay ma kỳ lạ có hiện hữu qua hiện tượng này, nhưng chúng ta chớ bao giờ nghĩ chúng thì khác với tâm thức loạn thần của riêng chúng ta. Chúng ta sẽ luôn luôn sẽ bị lừa đảo một cách đại đột cho đến khi nào mọi nhà tà thuật được chuyển hóa thành những nhà pháp thuật trí huệ và đến khi chúng ta đã chuyển hóa tâm thức loạn thần của chúng ta thành Tâm Trí Huệ.

Để có lợi lạc tối hậu, cái đối trị tốt nhất chống lại những người làm huyền thuật là làm tiêu tan mọi quan niệm huyền thuật vào trong tánh không vĩ đại. Bất giờ bằng cách coi chừng tâm thức chúng ta, nhị nguyên chủ thể bên trong thấy trò huyền thuật và đối tượng huyền thuật bên ngoài hòa tan và thành một không gian Tâm Trí Huệ. Một không gian thì luôn luôn vô hại bởi vì không có đối tượng đem cái hại đến và không có chủ thể nhận cái hại nữa. Tất cả những hiện tượng hiện hữu sanh khởi tự nhiên không cố gắng trong Tâm Trí Huệ như là huyền thuật của trí huệ vô ngại luôn luôn ban phước và không bao giờ làm hại.

Nhưng nếu chúng ta tin vào huyền thuật, những nhà pháp thuật và ma quỷ, bấy giờ để cho lợi lạc tạm thời, thì cần có một đối trị phòng thủ như sự quán tưởng chẳng hạn để bảo vệ chúng ta. Nếu chúng ta cần bảo vệ chống lại một nhà pháp thuật phù thủy mà nguyên tố nổi trội của y là lửa, chúng ta có thể quán tưởng hoặc những nguyên tố mạnh hơn hay những nguyên tố nước đầy uy lực hơn. Để bảo vệ đối với một con quỷ mà yếu tố năng lực nổi trội là nước, chúng ta có thể dùng hoặc những nguyên tố nước mạnh hơn hay những nguyên tố lửa đầy uy lực hơn. Nếu chúng ta cần bảo vệ đối với bạo lực sanh từ giận dữ, sự đối trị hoặc là năng lượng giận dữ hơn để chinh phục hay là năng lượng hòa bình để hàng phục. Để bảo vệ đối với một người pháp thuật có thần lực của ma, chúng ta có thể quán tưởng những bốn tôn uy lực.

Bản chất của ma quỷ có thể hiểu bằng cách khảo sát bốn phương diện khác nhau của chúng. Ma quỷ hữu hình xuất hiện như là một kết quả của việc chúng ta nương dựa vào những giác quan bên trong bị che ám và chúng ta dùng chúng để tạo ra một liên kết với những nguyên tố bên ngoài. Chẳng hạn, động đất, lũ lụt và tai nạn không vốn là xấu hay tốt. Cha mẹ, gia đình, bạn bè và người yêu tự họ không xấu hay tốt, nhưng khi cái ta của chúng ta liên kết với những tình huống có chất thể ở bên ngoài này và diễn dịch chúng, những quan niệm của chúng ta trở thành tốt hay xấu, hay thay đổi lẫn nhau, và những diễn dịch này trở thành những ma quỷ cản trở.

Ma quỷ vô hình xuất hiện khi những cảm thấy và tâm trạng sanh khởi nhưng không phải là kết quả của những tình huống

có chất thể ở bên ngoài và không nương dựa vào chúng. Chúng ta thường rất quan tâm đến những ma quỷ vô hình này bởi vì chúng ta không thể tìm thấy một nguyên nhân chất thể nào cho những cảm thấy và những tâm trạng của chúng ta. Trong thế hệ bây giờ, chúng ta thường tiêu pha vài năm với những nhà chuyên khoa trị liệu để thoát khỏi những ma quỷ vô hình này, cố gắng giải thích và biểu hiện chúng ra.

Ma quỷ tự mãn về những phẩm tính thế gian của chúng ta xuất hiện khi chúng ta diễn dịch những tình huống tốt như địa vị, bạn bè và tiện nghi với sự kiêu hãnh và một cảm thức mãn nguyện và trở nên bám luyến với vận may của chúng ta. Ma quỷ tự mãn về những phẩm tính tâm linh của chúng ta thì vi tế hơn. Chẳng hạn, chúng ta có thể nghĩ con đường tâm linh của chúng ta thì cao hơn, thầy chúng ta thì hay nhất, những kinh nghiệm phúc lạc hay thị kiến của chúng ta thì rất đặc biệt. Tâm chúng ta trở nên bị che ám bởi sự tự cho là quan trọng này với những tư tưởng như vậy và bởi vì tâm bị che ám thì không thể làm tăng trưởng những phẩm tính thanh tịnh, nên chúng ta không thể chiến thắng những ma quỷ tự mãn.

Ma quỷ tự cho mình là đúng xuất hiện khi có nhu cầu biểu hiện những khái niệm so sánh về chính mình và diễn dịch cái ta là tốt hơn, hay hơn người khác. Chẳng hạn, chúng ta có thể nghĩ, “Tôi đẹp hơn, thông minh hơn, có tài hơn họ.” Trong Phật giáo Kim Cương thừa cao cấp, những bốn tôn được mô tả giẫm đạp lên bốn thân thể. Những thân thể này tượng trưng cho sự hủy diệt những ma quỷ tự cho mình đúng.



*Bạch Đức Phật, nguyện con chuyển hóa thân thể hình thường của con thành Thân Trí Huệ, giống như ngài vậy.*

*Bạch Đức Phật, nguyện con chiến thắng bốn ma quỷ này với dáng vẻ giận dữ nhất của ngài, giống như ngài vậy.*

*Bạch Đức Phật, nguyện con, với những chân không lồ của lòng bi mạnh mẽ, chà nát và tiêu hủy bốn ma quỷ này, giống như ngài vậy.*

Những ma quỷ tự mãn và tự cho mình đúng là những thứ nguy hiểm nhất cho những hành giả. Không chúng ngộ Tâm Trí Huệ, một hành giả có thể trở thành một vị thánh hay nhà hiền triết nhưng với cái ta của ông, và qua những sadhana nào đó, có thể đạt những thần lực lớn lao như một nhà huyền thuật. Nhưng không có một thấu hiểu chân thật về chân tánh trí huệ của chúng ta và không tự tin vào Tâm Trí Huệ của chúng ta, bất kể những thần lực gì chúng ta có thể đạt được qua thực hành, nếu chúng ta không thể giải phóng tâm chúng ta khỏi sự kiêu mạn của cái ta khi đã đạt được những thần lực ấy, thì đó chỉ là nguyên nhân của sanh tử luân hồi.

Guru “Biết Ba Thời” nói, “Có rất nhiều thánh, nhưng rất ít được chúng ngộ.” Không chúng ngộ Tâm Trí Huệ, cho dù một ông thánh có thể biểu diễn nhiều phép lạ lớn lao và khác nhau, nếu bản chất pháp thuật của ông là cái ta, thì ông chỉ sẽ tạo ra những ma quỷ tự cho mình đúng và tự mãn, đây là những chướng ngại lớn lao cho giác ngộ. Vì lý do này, con đường của hành giả là rất khó khăn.

Nói chung, cho đến khi nào một hành giả đã có sự tin cậy

trộn vện vào Tâm Trí Huệ của mình, nếu chưa thì ông phải thực hành một một cách bí mật và một mình. Nhiều năm trước, ở Ấn Độ, có một đại học giả tên là “Nguồn Giáo Lý” sống và dạy ở Đại học Phật giáo Nalanda. Do thực hành sadhana bền tôn, ông đạt được thành tựu (siddhi) thông thường, và có thể biểu lộ những phép lạ lớn lao. Khi ban những quán đánh nhập môn, ông có thể đặt những pháp khí để làm lễ trong không gian mà không cần tay đỡ để có thể dùng hai tay bắt ấn. Dù tâm thức ông rất có thần lực, vị thầy của ông dạy bảo ông chớ rời Nalanda cho đến khi nào ông đạt được sự tin chắc vào Tâm Trí Huệ của ông. Tuy nhiên, ông rời bỏ đại học với người học trò sùng tín của ông để biểu diễn những hành vi của một vị thánh trong thế giới.

Trên đường ông gặp một cô gái không tin Phật giáo. Đến gần một cây đào, ông nhờ cô hái cho vài trái nhưng cô nói, “Thầy tự hái đi, tôi không muốn phục vụ thầy.” Thế rồi ông ngồi gần cây đào, và nhìn lên, trái rụng xuống trước mặt ông như mưa. Cô gái liền nói, “Trước khi thầy ăn những trái đào này hãy nhìn vào tôi đã.” Khi ông nhìn cô, cô nhìn xuống những trái đào và chúng trở lại trên cây, khiến ông không có được trái nào. Ông trở nên bối rối và rời tức giận. Cô nói với ông, “Cho dù thầy là một thiền giả rất có thần lực, thầy sẽ thấy sau ba đêm thầy không còn sống nữa.”

Ông bỏ đi với người học trò và sau một lúc ông cảm thấy đau vì có máu trong nước tiểu. Cho dù ông đã có thần lực quán tưởng bền tôn, sự lo lắng tăng dần bởi vì sự tin cậy trí huệ không đủ lớn. Ông nghĩ ông đã bị bền tôn trừng phạt vì không nghe lời khuyên của thầy mình chớ rời đại học cho đến khi có được tin cậy trí huệ.

Ông nghe nhiều người nói rằng bệnh của ông chỉ có thể chữa bằng bọt biển. Biển thì xa nên ông bảo học trò đi mang về. Trên đường về, người học trò gặp một cô gái khác, cô hỏi anh đi đâu gấp như vậy. Khi anh giải thích thầy anh bệnh sắp chết, cô buồn rầu trả lời rằng ông đã chết rồi. Người học trò vớt bọt biển và chạy về thị trấn nơi anh đã để thầy lại, nhưng khi về đến anh thấy ông còn sống. Thầy anh hỏi, “Bọt biển đâu?”, và học trò giải thích rằng cô gái gặp giữa đường nói ông đã chết. Bấy giờ “Nguồn Giáo Lý” biết ông sẽ chết vì thần lực của ma quỷ. Nhưng ông còn quyết định cố gắng nhờ thần lực của mình để trở lại thân thể ông sau khi chết rồi, thế nên ông yêu cầu người học trò hãy giữ gìn xác chết của ông.

Khi “Nguồn Giáo Lý” chết, cũng cô gái nói trên, cô vốn là một phù thủy, phóng hiện ra nhiều con chó sói đi vòng quanh nhà ông suốt đêm, cào cửa những nhà lân cận và hú to khiến toàn thị trấn biết là có xác chết gần đó. Suốt ngày cô xuất hiện để phổ biến tin tức về chỗ của xác chết, thế nên người trong thị trấn kéo đến và đem nó đi thiêu. Ba ngày trôi qua, một cơn gió lốc xuất hiện gần người học trò, từ trong đó có lời nói, “Trong đời này ta không đạt được giác ngộ, nhưng có thể ta có thể làm được điều đó trong trung âm.”

Nhiều bản văn Phật giáo nói đến những thí dụ khác về những chương ngại do những ma quỷ tự cho mình đúng và tự mãn. Những hành giả như “Nguồn Giáo Lý” có thể đã do đức Phật hóa xuất ra để dạy chúng ta làm thế nào nhận biết những hậu quả của những ma quỷ này. Nếu chúng ta thông minh hay nổi danh vì trí thức của chúng ta nhưng thiếu sự tin cậy, xác quyết của trí huê, chúng ta phải luôn luôn đề phòng chống lại những quỷ ma tự cho mình đúng và tự mãn để luôn luôn

thực hành trong một đường lối thanh tịnh. Không có sự tin cậy trọn vẹn vào Tâm Trí Huệ của chúng ta, chúng ta sẽ tiếp tục bị huyền thuật lừa dối, hoặc chúng ta nghĩ đó là huyền thuật của ma quỷ hay đó là huyền thuật của tâm loạn thần của chính chúng ta. Không thực thấu hiểu, chúng ta sẽ thấy điều huyền bí bằng nghi ngờ, phân chia chủ thể khỏi khách thể, tế khỏi thô, và không tin thật tánh của sự huyền bí trí huệ vốn sẵn trong tâm thức chúng ta.

Bất cứ cái gì không thể giải thích, chúng ta cứ nói là huyền bí bởi vì sự biểu hiện của những nguyên tố vi tế của nó che dấu trong những nguyên tố thô. Mọi phẩm tính ẩn kín đều huyền bí. Chúng ta có thể nói rằng ngày mai là huyền bí, năm tới là huyền bí, tương lai là huyền bí, bởi vì chúng không thể thấy và chưa xảy ra. Chúng ta chẳng bao giờ nghĩ những hiện tượng trong ngày là huyền bí bởi vì chúng thấy được và thô, nhưng chúng ta nghĩ rằng những hiện tượng giấc mộng là huyền bí hơn bởi vì chúng là không cụ thể và vi tế. Chúng ta nghĩ cái ẩn kín thì không đáng tin cậy và từ chối cái chúng ta cảm thấy là huyền bí, nhưng thật ra bởi vì cả hai đều không thường còn, thế nên những hiện tượng ban ngày và những hiện tượng trong mộng đều không đáng tin cậy. Khi chúng ta mộng, những hiện tượng khi thức của chúng ta là không cụ thể rõ ràng. Khi thức, những hiện tượng giấc mộng của chúng ta là không cụ thể rõ ràng. Mỗi cái đều huyền bí và huyền thuật như nhau đứng từ quan điểm của cái kia.

Chúng ta thường nghĩ rằng bởi vì thời gian mộng là ngắn nên nó không thật, trong khi thời gian ban ngày là dài nên nó thật. Nhưng đôi khi trong một giấc mộng chúng ta có thể

hoàn thành một công việc lâu dài trong một khoảnh khắc mà chúng ta không bao giờ có thể làm xong trong lúc ban ngày bình thường và chúng ta có thể đi du lịch rất xa trong chốc lát mà nếu là ban ngày chúng ta phải cần nhiều ngày. Ngắn hay dài, thời gian mộng và thời gian ban ngày chỉ được tạo ra một cách huyền thuật bởi quan niệm và thực sự chẳng có cái nào là thật. Cả hai đều không đáng tin cậy, vô thường và huyền bí như nhau.

Nhiều người không có tôn giáo không tin những tôn giáo nói chung và nói riêng là Phật giáo, bởi vì chúng có vẻ huyền bí. Nhưng họ vẫn tin và chấp nhận nhiều tình huống đời thường huyền bí. Chẳng hạn những người buôn lậu là huyền bí với nhân viên hải quan. Bởi vì họ tin vào tính huyền bí của những người buôn lậu, những nhân viên hải quan nghi ngờ bất cứ ai, kể cả người không buôn lậu. Tự động, họ tin điều huyền bí ở mọi chỗ; đó là nghề nghiệp của họ. Những người buôn lậu là đáng nghi đối với mọi nhân viên hải quan, dù họ có thực sự đến kiểm tra hay không. Còn nếu không tin vào sự huyền bí của những nhân viên hải quan, làm sao một người buôn lậu có thể dấu mình và bảo vệ tính huyền bí của riêng nó? Kết quả là, mọi lúc, dù ở đâu, những người buôn lậu và những nhân viên hải quan đều nghi ngờ lẫn nhau và biểu hiện sự huyền bí đối với nhau như thể đó là tôn giáo của họ.

Cái có thể giải thích được luôn luôn tiềm ẩn trong cái huyền bí không thể giải thích được và cái huyền bí không thể giải thích được luôn luôn tiềm ẩn trong cái có thể giải thích được. Những người buôn lậu có những nhân viên hải quan tiềm ẩn trong họ và những nhân viên hải quan có những người buôn

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

lậu tiềm ẩn trong họ. Cái tiềm ẩn biểu lộ qua sự nghi ngờ và họ cố gắng lừa lẫn nhau từ tính huyền bí của người này đến tính huyền bí của người kia.

Bất cứ đâu trong thế giới sanh tử, những chính phủ tin vào cái huyền bí mà không nhận biết. Một xứ sở có quyền lực huyền bí luôn luôn có thể chinh phục một xứ sở mà những hành động của nó rõ ràng, lộ liễu. Một số chính phủ rất có quyền lực về chính trị và có những tổ chức được giữ bí mật đến độ chúng có vẻ huyền bí đối với công chúng. Tổ chức KGB và CIA là huyền bí đối với nhau và với bất cứ ai khác. Bởi vì năng lực của chúng đến từ sự huyền bí, khi những bí mật của chúng trở thành lộ liễu chúng luôn luôn bị thay thế bằng những bí mật khác. Một kết quả là những tổ chức của các nước khác không bao giờ có thể hiểu điều mà chúng sắp làm hay làm sao để đối phó với chúng.

Bệnh hoang tưởng tự bảo vệ của cái ta của chúng ta tạo ra nghi ngờ và sự nghi ngờ này là nguồn gốc của tính huyền bí của sanh tử, tính huyền bí này là nguyên nhân của nghi ngờ thêm nữa. Chúng ta luôn luôn nghi ngờ rằng những đối vật bên ngoài sẽ làm hại chúng ta, và như vậy chúng ta tạo ra sự tách biệt và phân chia. Nhưng chúng ta không bao giờ nghi ngờ rằng cũng những đối vật này là Phật, tâm huyền bí của chính chúng ta, chúng không bao giờ tách biệt khỏi chúng ta và cội nguồn của sự huyền bí là Niết bàn.

Nếu người ta có thể tin vào sự huyền bí của sanh tử, thì bây giờ họ cũng sẽ tin vào sự huyền bí của Niết bàn. Chúng ta có thể nói rằng Phật là huyền bí bởi vì những phẩm tính cao cả

của ngài thì ẩn kín đối với chúng ta. Nhưng chúng ta cũng có thể nói rằng chúng sanh là huyền bí bởi vì nếu họ không có sự tin cậy xác quyết trí huệ, họ là không đáng tin cậy, bị những hiện tượng không đáng tin cậy của chính họ lừa dối, và cái không đáng tin cậy thì luôn luôn huyền bí.

Tính huyền bí của sanh tử do tâm nhị nguyên tạo ra luôn luôn là nguyên nhân của lừa dối. Chúng ta không thể từ bỏ tính huyền bí của sanh tử cho đến khi nào chúng ta tin vào tính huyền bí của Niết bàn. Nếu chúng ta từ chối tính huyền bí của Niết bàn, nó sẽ gây ra vô minh, trong khi nếu chúng ta tin vào nó, chúng ta không thể bị những đối vật lừa dối nữa.

Tính huyền bí của sanh tử do tâm nhị nguyên tạo ra luôn luôn là nguyên nhân của khổ đau, trong khi tính huyền bí của Niết bàn bảo vệ và giải phóng chúng ta khỏi khổ đau. Tính huyền bí của sanh tử là một vòng tròn không dứt của cái không thể giải thích chuyển thành cái có thể giải thích và rồi trở lại thành cái không thể giải thích, liên tục, mãi hoài. Đó là bởi vì tính huyền bí của sanh tử luôn luôn hiện hữu đúng lúc ngay giữa chủ thể và đối tượng. Bởi vì chúng ta có những mong mỏi đối với những đối tượng, khi chúng ta mất chúng, chủ thể chúng ta khổ đau và tạo ra những đối tượng mới. Theo cách này chúng ta bị trói buộc vào những đối nghịch, như hiện hữu và không hiện hữu, và chúng ta tin vào những đối nghịch như là cần thiết. Khi chúng ta nghĩ đến phần thân trên của mình, phần thân dưới trở nên huyền bí. Khi chúng ta nghĩ đến phía trước, phía sau là huyền bí. Trước và sau tùy thuộc lẫn nhau theo tính huyền bí nhị nguyên; bạn không thể có một cái mà không có cái kia, nhưng bạn lại chỉ có thể

có một cái vào lúc này. Sự huyền bí được che dấu; nó là cần thiết nhưng không biểu hiện, hay biểu hiện một cách vi tế. Nếu chúng ta không tin vào những đối nghịch, chúng ta có tính huyền bí của Niết bàn. Cái chúng ta thấy có thể là giống đục, nhưng giống cái huyền bí luôn luôn tiềm ẩn và phát lộ qua những nguyên tố vi tế hiện hữu trong cái thô.

Những phẩm tính cao cả huyền bí luôn luôn lợi lạc. Chúng khiến cho tâm thức trở nên càng ít nương dựa vào những đối tượng, cho phép cái không thể giải thích và cái có thể giải thích phối hợp với nhau không thể tách lìa. Người cao cả không nương dựa nữa vào chủ thể và đối tượng hay thời gian và không thể bị những hiện tượng huyền bí của sanh tử làm mê lầm. Nhưng người bình thường không thể nắm lấy những phẩm tính cao cả ẩn kín và như vậy những phẩm tính này có vẻ đe dọa và huyền bí. Cái không biết luôn luôn huyền bí thế nên nếu chúng ta không biết tâm mình, thì nó luôn luôn huyền bí. Bởi vì tâm chúng ta là cái huyền bí tối hậu, Pháp, nó là sự biểu hiện của những phẩm tính thanh tịnh của tâm chúng ta, cũng phải là huyền bí. Bởi vì tâm chúng ta là huyền bí, những hiện tượng bình thường ở bên ngoài có ra từ tâm cũng là huyền bí.

Theo tính huyền bí có chất thể bình thường của sanh tử, nước thì huyền bí hơn đất bởi vì nó nhẹ hơn, không vững chắc và chuyển động hơn. Lửa thì huyền bí hơn nước bởi vì nó nhẹ hơn, nhanh hơn và ít chạm đến được. Không khí thì huyền bí hơn lửa bởi vì nó còn nhẹ hơn và khó thấy hơn. Nhưng không gian là huyền bí nhất trong tất cả bởi vì nó không bao giờ đục, không bao giờ trống không, không thể thấy nhất và rộng



rang nhất. Nếu không có không gian, không thể có đất, nước, lửa và không khí. Không gian tỏa thấm khắp mọi nguyên tố.

Sự huyền bí bình thường có hai phương diện: thanh tịnh và bất tịnh. Nó là huyền bí bất tịnh khi những hiện tượng thanh tịnh của tâm chúng ta biến đổi thành những hiện tượng bất tịnh, chẳng hạn khi bốn tôn chúng ta quán tưởng lại trở thành một ma quỷ. Nó là huyền bí thanh tịnh khi những hiện tượng bất tịnh của tâm chúng ta biến đổi thành những hiện tượng thanh tịnh, chẳng hạn, khi chúng ta chuyển hóa một ma quỷ thành Bốn Tôn Trí Huệ. Nếu chúng ta bám chấp vào những hiện tượng bốn tôn trong quán tưởng của chúng ta mà không nhận biết Bốn Tôn Trí Huệ, những hiện tượng này trở thành bất tịnh. Nhưng nếu chúng ta thấu hiểu làm thế nào quán tưởng những hiện tượng là của trí huệ, chúng ta có thể chuyển hóa những hiện tượng ngăn ngại của ma quỷ thành những hiện tượng thanh tịnh không ngăn ngại của bốn tôn.

Tâm Trí Huệ của Phật thì thanh tịnh và huyền bí. Nó bảo vệ che chở chúng ta bởi vì nó rất ráo không thể nắm bắt được và bí mật, như vậy sự huyền bí tạm thời của thế gian không thể xâm nhập nó được. Tâm Trí Huệ của Phật là vô ngại và luôn luôn làm lợi lạc mọi người mà không chú ý, đó là nhờ năng lượng trí huệ thanh tịnh huyền bí tỏa thấm khắp mọi nguyên tố và luôn luôn tự do. Tâm Trí Huệ của Phật có thần lực trí huệ huyền bí không bao giờ dứt, không bao giờ bị mắc kẹt ở bất cứ đâu, và không bao giờ bị những hiện tượng có thể giải thích được và ngăn ngại của sanh tử làm ô nhiễm. Nếu chúng ta có thể nhận biết tinh túy trí huệ bí mật huyền bí của chính chúng ta là như nhau và đồng nhất từ sơ thủy với tinh túy trí

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

huệ bí mật huyền bí của Phật, bấy giờ giác ngộ không còn là huyền bí với chúng ta nữa, bởi vì, không tách lìa Phật, chúng ta là sự huyền bí.

*Động đất không thể làm hại bầu trời huyền bí bất kể sự lay động đầy thần lực của nó lật nhào và hủy hoại đến bao nhiêu.*

*Đại dương không thể làm hại bầu trời huyền bí bất kể những làn sóng hỗn loạn của nó tràn ngập và hủy hoại đến bao nhiêu.*

*Lửa không thể làm hại bầu trời huyền bí bất kể những ngọn lửa giận dữ của nó thiêu đốt và hủy hoại đến bao nhiêu.*

*Bão tố không thể làm hại bầu trời huyền bí bất kể những ngọn gió dữ dội của nó thổi tung và hủy hoại đến bao nhiêu.*

**Một miếng đá và bằng đá trên gỗ sẽ không vừa hợp.**

## CHỮA LÀNH

Trong Tâm Trí Huệ, những nguyên tố của những hiện tượng vốn vô ngại và thanh tịnh. Những hiện tượng thanh tịnh là tự nhiên, không bị những nguyên tố thô che ám và ngăn ngại, trong nhẹ, không thể thấy, không thể xâm nhập, không có chất thể và không thể hủy hoại được, bởi vì không có cái gì cố định trơ lì ở bất cứ đâu. Nơi không có cái gì thì không có cái gì có thể giảm hoặc tăng. Nơi không có cái gì có thể tăng giảm, nơi đó có quân bình và thanh tịnh. Nơi nào có quân bình và thanh tịnh, nơi đó có sức khỏe.

Theo tâm nhị nguyên bình thường, có những hiện tượng với những nguyên tố bất tịnh ngăn ngại. Những hiện tượng bất tịnh bị những nguyên tố thô, nặng, thấy được, xâm nhập được, có chất thể và hủy hoại được che ám và ngăn chướng bởi vì chúng cố định trơ lì ở đâu đó. Nơi nào có cái gì tồn tại, nó có thể giảm hoặc tăng. Nơi nào nó có thể giảm hoặc tăng, nơi đó có bất quân bình và bất tịnh. Nơi nào có bất quân bình và bất tịnh, nơi đó có bệnh tật.

Năm nguyên tố kém vi tế dần khi chúng nhận lấy những phẩm tính do tâm bình thường gán cho. Nếu một bác sĩ không tin vào tinh túy thanh tịnh không thể thấy của những nguyên tố, sự chẩn đoán của ông có thể sai lầm khi ông chỉ có thể xem bệnh qua những nguyên tố thấy được và bất tịnh. Như vậy, một bác sĩ càng kinh nghiệm thì quan điểm và sự chẩn đoán của ông càng vi tế. Ông có thể xem những triệu chứng rõ ràng bên ngoài để có được những kết quả thấy được đặc biệt và tức thời mà chúng chỉ là tạm thời, hay ông có thể xem

những triệu chứng vi tế hơn bên trong để có được những lợi ích kém thấy được hơn, quân bình hơn và từ từ hơn. Những triệu chứng này tuy nhất thời nhưng đến gần hơn nguồn gốc không thể thấy của căn bệnh. Nhưng dù sự điều trị của ông có vi tế thế nào, nếu ông nhận thức những hiện tượng là tách lia khỏi tinh túy thanh tịnh của chúng, khả năng giúp đỡ, chữa lành của ông sẽ bị giới hạn.

Bác sĩ kinh nghiệm biết rõ rằng tự căn bản những nguyên tố tùy thuộc lẫn nhau. Bởi vì mỗi nguyên tố có bốn nguyên tố kia vốn tiềm ẩn trong nó và những phối hợp của những nguyên tố thay đổi và biến đổi thường trực theo nghiệp, những tính khí và sức khỏe của người ta cũng thường trực biến đổi. Một kết quả là, sự điều trị thích hợp sẽ xử lý với bệnh tật bằng cách sửa chữa những mất quân bình trong những nguyên tố từ quan điểm vi tế nhất. Để hoàn thành điều này, năm nguyên tố được phối hợp thành nhiều phạm trù điều trị khác nhau theo nhiều hệ thống y học khác nhau.

Bởi vì những nguyên tố là nương dựa lẫn nhau, chúng có thể được xem là phân biệt chỉ trong những áp dụng đặc biệt của chúng để cho những hiệu quả đặc biệt. Tính hiệu quả của những phân biệt này tùy vào khả năng của bác sĩ để nhận biết cái gì là những nguyên tố bất tịnh trong bệnh nhân đã giảm và cần được tăng cường, hay cái gì quá thừa và cần giảm bớt, và làm thế nào áp dụng điều trị để cho đạt đến những mức độ vi tế nhất hầu lập lại quân bình.

Theo cách này, đôi khi nên dùng một nguyên tố để làm mạnh chính nó, như lửa khi những nguyên tố nóng vi tế hơn của

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

bệnh nhân đã giảm sút. Lúc khác, một nguyên tố được dùng để trung hòa một nguyên tố khác, như nước dùng cho lửa khi những nguyên tố nóng vi tế hơn của bệnh nhân tăng cao. Một người sốt nóng vì nguyên tố lửa có thể được điều trị bằng hạt hay cỏ cây sống ở vùng khí hậu mát; một người cảm lạnh vì nguyên tố nước có thể được điều trị bằng hạt hay cỏ cây mọc ở vùng ấm.

Sự tương thích và những hiệu quả của những nguyên tố thường dựa vào tính vi tế khi áp dụng chúng. Chẳng hạn, lửa không luôn luôn là kẻ địch của nước. Khi nước được lửa đun nóng, hơi nước bốc ra thì nhẹ và thanh tịnh hơn nước nguyên thủy, và lạnh hơn lửa nguyên thủy. Đối với một số mất quân bình, hơi nước vi tế này có thể thích hợp hơn nguyên tố được dùng riêng. Theo cách ấy, những hiệu quả tích cực hay tiêu cực của những nguyên tố tùy thuộc vào tính vi tế trong cách dùng chúng. Một số vị thuốc được dùng với số lượng nhiều sẽ trở thành thuốc độc; một số thuốc độc được dùng với số lượng ít trở thành vị thuốc. Quá nhiều thuốc cho nóng sốt có thể làm cho cảm lạnh; quá nhiều insulin cho bệnh đái đường có thể làm sốc. Đôi khi hai loại thuốc độc phối hợp để thành loại độc khác, đôi khi chúng tạo thành một loại thuốc, nhưng những phẩm tính tích cực và tiêu cực của những nguyên tố được dùng trong điều trị phải luôn luôn quân bình.

Tiềm năng của tâm bình thường để hiểu những nguyên tố thanh tịnh thì thay đổi tùy theo nghiệp, thế nên những quan niệm về thanh tịnh và bất tịnh sẽ khác nhau từ chúng sanh này đến chúng sanh khác. Nhiều ruồi và côn trùng bu đến mù trong khi con người nghĩ mù là chất nước dơ. Con người

tin máu là thanh tịnh hơn mủ. Những hành giả kinh nghiệm biết rằng nguyên tố nguồn gốc bên trong của cả mủ và máu là nước và nước trở thành cam lồ trí huệ chữa lành bằng tri giác thanh tịnh trong sự thực hành của họ.

Bác sĩ bình thường không hiểu rằng tinh túy không thấy được của những nguyên tố thì vốn có sẵn trong những nguyên tố có chất thể và ông cũng không biết làm thế nào quân bình và tịnh hóa những nguyên tố bất tịnh. Vì vậy ông không thể điều trị thích hợp cho một nguyên tố bị giảm hay đang tăng và có thể làm hại đến những nguyên tố khác khi kê một toa thuốc sai lầm. Chẳng hạn, khi một người thiếu máu bị bệnh, một bác sĩ bình thường có thể chỉ yêu cầu truyền máu và cố gắng tìm một loại máu đặc biệt cho sự trao đổi máu theo cách chất thể hữu tình. Ông hy vọng một phản ứng tức thời có thể thấy được hơn là tiến trình chậm chạp hơn của việc thiết lập những nguyên tố nước thích hợp để lập lại sự quân bình của những nguyên tố thô nhờ một thấu hiểu về tinh túy thanh tịnh của máu.

Nhưng hoặc máu được tăng nhờ thức ăn tự nhiên hay thuốc có chứa nguyên tố nước, hay qua một sự truyền máu chứa nguyên tố nước, nếu bác sĩ là một người hư vô chủ nghĩa và chỉ tin vào chất thể, bấy giờ khi những nguyên tố thấy được của sự điều trị đã cạn, khi loại máu thích hợp để truyền không còn, năng lực giúp đỡ của ông cũng cạn kiệt và bệnh trở lại. Những nguyên tố thô của bệnh nhân bấy giờ yếu đi vì lo lắng, đến độ khó cứu chữa. Nhưng nếu bác sĩ hiểu và tin vào tinh túy trí huệ không thấy được của những nguyên tố, ông có thể giúp bệnh nhân với những phương pháp vi tế

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

và an ủi y bằng niềm tin này khiến sự quân bình tự nhiên của những nguyên tố của bệnh nhân có thể tái lập và căn bệnh được chữa lành.

Những nguyên tố tỏa thắm khắp mọi hiện tượng, và bởi vì tâm tỏa thắm khắp mọi nguyên tố, nếu một bác sĩ nói với một bệnh nhân rằng anh ta có một khối u ung thư, bệnh nhân có thể tập trung sự sợ hãi vào khối u khiến nó lớn thêm. Sự tập trung chú ý này phát sanh từ nguyên tố lửa vi tế của sự lo âu của anh ta, nó làm tăng thêm bệnh do phương diện thiêu cháy hủy hoại của nó. Nếu bác sĩ có thể hiểu những nguyên tố không thấy được, ông có thể lập lại quân bình tự nhiên giữa những nguyên tố trong tâm bệnh nhân nhờ sự quân bình tự nhiên của những nguyên tố trong tâm thấu hiểu của chính ông. Bây giờ ông có thể an ủi và khuyến khích anh ta tập trung một cách tích cực, làm tiêu tan khối u bằng quán tưởng và thiền định. Cho dù vì nghiệp mà bệnh nhân chết, sự tập trung tích cực này là một lợi lạc cho anh ta bởi vì anh sẽ không có tàn dư hay hạt giống cho ung thư mới nào trong trung âm hay tái sanh.

Theo hệ thống Mật thừa, những điều kiện gốc của sự sanh được tạo ra bởi những mắt xích liên kết của nghiệp; những điều kiện phụ trợ là tinh trùng của cha và trứng của mẹ. Tái sanh xảy ra khi những cái ấy hội tụ trong khi thiếu vắng khí thanh tịnh. Nhờ năng lượng của khí nghiệp, tinh trùng và trứng hợp nhất, tạo ra bào thai. Năng lượng của thân biểu lộ từ năng lượng của khí nghiệp, phát sanh trong và tăng trưởng từ trung tâm rốn của bào thai. Nhờ năng lượng này, bào thai dài ra. Bây giờ năng lượng vi tế của toàn thân thể cô đọng lại



từ nguồn gốc rốn để tạo thành những dây thần kinh và mạch máu. Cuối cùng, những kinh mạch trung tâm của đời sống vươn dài từ luân xa (trung tâm) yết hầu để tạo thành luân xa đầu của Đại Hoan Hỷ. Tóm lại, hình thể của thân phát triển và lớn lên trong bụng mẹ khoảng ba mươi tám tuần nhờ năng lượng của khí nghiệp.

Sự tăng trưởng xương, tủy và óc chủ yếu đến từ ảnh hưởng của tinh cha, trong khi sự tăng trưởng của thịt và máu chủ yếu đến từ ảnh hưởng của trứng mẹ. Phần cứng đặc của thân, như thịt và xương, chủ yếu đến từ phẩm tính của nguyên tố đất, và khi tăng trưởng, chúng sanh ra mũi và khứu giác. Những phần lỏng của thân, như máu, chủ yếu đến từ những phẩm tính của nguyên tố nước, và khi tăng trưởng chúng sanh ra lưỡi và vị giác. Sức nóng và sự phức tạp của thân chủ yếu đến từ những phẩm tính của nguyên tố lửa, và khi tăng trưởng chúng sanh ra mắt và thị giác. Hơi thở của thân chủ yếu đến từ những phẩm tính của nguyên tố không khí, và khi tăng trưởng thì chúng sanh ra cảm giác khắp thân và xúc giác. Những không gian nội kết những nguyên tố bên trong và bên ngoài, chúng là chỗ dựa của đời sống, chủ yếu đến từ những phẩm tính của nguyên tố không gian, và khi tăng trưởng chúng sanh ra tai và thính giác.

Không có nguyên tố đất, không có căn cứ để nương dựa; không có nguyên tố nước, không có căn cứ để gom kết; không có nguyên tố lửa, không có căn cứ để trưởng thành; không có nguyên tố không khí, không có căn cứ để tăng trưởng; không có nguyên tố không gian, không có cửa cho sự bành trướng. Như thế, mọi điều kiện gốc và phụ trợ phối hợp với nhau để

thành sự sanh.

Một đứa bé sanh ra với những nguyên tố quân bình sẽ có một tâm thức quân bình. Nếu những nguyên tố không quân bình lúc sanh ra, có thể bị chúng rối loạn thần kinh. Những mất quân bình có thể do những nguyên tố không bổ sung nhau trong những điều kiện phụ trợ là tinh cha và trứng mẹ tạo ra. Tuy nhiên, đôi khi con cái của một cặp cha mẹ bổ sung nhau lại sanh ra với chứng rối loạn thần kinh. Trong trường hợp này, nguồn gốc thực sự của rối loạn không nằm trong thân thể vật lý của cha mẹ của đời này mà nằm trong những nguyên tố vi tế không thể thấy của năng lượng nghiệp từ những đời trước là điều kiện gốc của con cái.

Nói chung, những mất quân bình giữa những nguyên tố tạo ra rối loạn có thể do nhiều điều kiện bên ngoài khác nhau gây ra, như gia đình, công việc, danh tiếng, quyền lực, Pháp và chính trị. Những điều kiện bên ngoài này là nguồn gốc của rất nhiều trầm cảm và phần chấn, đến lượt nó lại gây ra thất vọng, dễ bị tổn thương. Bất cứ khi nào những nguyên tố cá nhân bên trong của tâm thức nương dựa vào những nguyên tố chung bên ngoài, tâm thức trở nên yếu và dễ bị chúng ảnh hưởng. Khi những điều kiện bên ngoài có vẻ tạm thời xấu, gây ra trầm cảm quá mức, những nguyên tố bên trong của tâm thức trở nên kích động và mất sức mạnh của chúng. Sự kích động này gây nên bất ổn định của những nguyên tố bên trong khiến tâm thức dễ tổn thương như ngọn lửa xanh của một ngọn đèn dầu lập lòe gần tắt. Trong điều kiện này, tâm thức không thể bành trướng giữa những nguyên tố quân bình của sự bình thản. Khi những điều kiện bên ngoài tạm thời tốt,

gây ra phần chấn quá mức, những nguyên tố bên trong của tâm thức trở nên kích động và quá mạnh, khiến năng lượng của tâm thức dâng lên không thể kiểm soát như nước bị sức ép vọt ra một ống không đáy nắp. Tất cả những kinh mạch trong thân tràn ngập và năng lượng không thể kiềm chế trong những nguyên tố quân bình của sự bình thản.

Đặc biệt hơn, rối loạn có thể do khi cha mẹ hay thầy cô với những truyền thống khắt khe thật sự không hiểu tính chất thanh nhẹ của năng lượng đũa trẻ, kiểm soát và tính toán theo những nguyên tố thô trong năng lượng nặng nề, lớn tuổi của họ. Bởi vì tâm thức trẻ nhỏ không thể dung chứa tất cả những nguyên tố năng lượng khác này, chúng trở nên bối rối và sợ hãi, và giữa bối rối và sợ hãi hạt giống rối loạn được gieo xuống. Khi đũa trẻ lớn lên, chúng có những bối rối và sợ hãi tàn dư và trở nên rối loạn tinh thần vì tâm thức căng thẳng này. Sự tiêu khiển vui thích là cái đối trị cho loại rối loạn tinh thần này.

Khi những nguyên tố của hai người không bổ sung nhau và tâm thức của họ không hợp với nhau, có thể có rối loạn. Theo những người hư vô chủ nghĩa, đàn ông và đàn bà đến với nhau như kết quả của ngẫu nhiên. Theo người Phật giáo, đàn ông và đàn bà đến với nhau là kết quả của nghiệp đã chín trong những nguyên tố của họ, gắn bó trong tình yêu khi mọi nguyên tố cá nhân thô và tế bổ sung lẫn nhau. Khi họ hợp nhất với nhau trong tình dục và những nguyên tố vi tế của họ tương hợp, họ có thể làm lợi lạc cho nhau bằng cách nối kết bên ngoài qua những nguyên tố thô, sự việc này cho phép những nguyên tố nhẹ hơn bên trong cũng nối kết. Nhưng nếu những nguyên tố của họ trở nên không tương hợp bằng cách thay đổi, giảm sút, hay chống đối lẫn nhau, thì không có sự

nội kết đời sống nào hay an ủi nào giữa họ và điều này gây ra rối loạn.

Rối loạn thần kinh cũng do quá nhiều mong cầu đạt đến và nắm bắt mọi đối tượng và kiến thức về mọi mặt. Bởi vì mọi chất thể đều vô thường, nên khi đạt được một đối tượng thì phải mất cái khác, và giữa đạt được và mất đi, năng lượng của tâm thức không bao giờ ở yên trong lòng. Tâm thức của loại rối loạn này bị vung vãi khắp nơi, luôn luôn cố gắng đạt đến cái gì đó. Bởi vì sự liên hệ thường trực với những nguyên nhân hỗn loạn bên ngoài này, đôi khi đối với loại rối loạn này thì ở trong bóng tối, im lặng, những chỗ yên tĩnh, bớt nói, âm nhạc và bài hát là một ích lợi. Cha mẹ, thầy, hay bác sĩ muốn giúp đỡ với những phương tiện khéo léo cần cố làm quân bình và trấn tĩnh năng lượng bên trong của họ mà không bằng sức mạnh.

Một nguyên nhân khác của rối loạn là đua tranh. Có quá nhiều đến vô số khoa học gia, triết gia, học giả, nghệ sĩ và những người khác mà ý định tối hậu của họ là sáng chế ra cái gì mới. Bởi vì họ chạy đua để sáng chế cái tốt nhất, bèn có sự cạnh tranh thường trực và sự căng thẳng này gây ra rối loạn. Sự đối trị cho điều này cũng là cố gắng làm quân bình và trấn tĩnh những năng lượng bên trong mà không bằng sức mạnh.

Rối loạn cũng có thể do nỗ lực để có được chất thể một cách vi tế. Là khoa học gia, triết gia, học giả, nghệ sĩ, hay thiền giả, nếu chúng ta không dùng những nguyên tố thanh tịnh của chúng ta với sự thực hành trí huệ, chúng ta có thể thấy rằng mình sử dụng tâm thức trong một cách trí thức vi tế,

đi càng lúc càng sâu hơn, tìm kiếm những nguyên tố tinh tế nhất, vi tế nhất trong chất thể. Nhưng xuyên qua đường lối này, chúng ta trở nên bị dính mắc trong chất thể tinh tế và tâm thức chúng ta không bao giờ có thể tìm thấy không gian để vượt vào cái không có chất thể. Khi chúng ta không biết tinh túy thanh tịnh của những nguyên tố và chúng ta không có không gian để thư giãn, những nguyên tố vi tế bên trong của chúng ta trở nên bức bách, mất đi thần lực của nó và làm chúng ta thất vọng. Bây giờ, giống như không khí bên ngoài hỗn độn do sức nóng mặt trời làm cho mây tụ lại và mưa xuống, chúng ta hấp thụ và đè nén những xúc cảm, làm cô đặc những nguyên tố vi tế bên trong của sức mạnh đời sống chúng ta. Những nguyên tố vi tế này trở nên đầy nghẹt, thường trực va chạm nhau, chuyển động hỗn loạn, nối kết với những nguyên tố bên ngoài của thân thể ở trái tim và tạo ra nước cho tim và những biểu lộ rối loạn bùng nổ.

Dù nguồn gốc có là gì, sự hỗn loạn nguyên tố vi tế sẽ làm cho những dây thần kinh, mạch máu và hơi thở là những nguyên tố thô bên trong của chúng ta trở nên không ổn định, bất chúng ta phải nương dựa vào những nguyên tố thô bên ngoài của mình. Những nguyên tố thô bên ngoài này có năng lực làm mê lầm chúng ta khi những nguyên tố vi tế bên trong yếu đi, như nguyên tố lửa của mặt trời có sức mạnh khiến chúng ta bị ảo ảnh nếu những nguyên tố vi tế của chúng ta không đủ mạnh. Bây giờ năng lượng hỗn loạn của hành động của thân và ngữ cũng trở nên rối loạn thần kinh như tâm thức. Bởi vì năng lượng hỗn loạn của người rối loạn thần kinh bức bách hơn, nó mạnh hơn của người khác. Một kết quả là họ có thể sáng tạo và hủy diệt nhiều thứ, và làm tổn thương hay làm

lợi ích tùy theo họ có ở giữa những nguyên tố bổ sung hay không bổ sung.

Một dấu hiệu bên ngoài của rối loạn là cử động bồn chồn thường xuyên. Điều này có thể tạo thành những tai nạn nguy hại. Khi đưa tay cầm một cái tách, nó bẽ vỡ; khi nấu ăn, chúng ta làm hỏng hay cắt trúng tay mình; khi đi, chúng ta vấp ngã; khi với người khác, chúng ta trở nên buồn một cách dễ dàng; khi nói chuyện, chúng ta buột mồm; khi nằm xuống, chúng ta không thể ngủ; khi ngủ, chúng ta có những giấc mộng hỗn loạn và đe dọa; khi suy nghĩ, tư tưởng này chưa chấm dứt đã có tư tưởng khác.

Rối loạn thần kinh cũng có thể sanh ra những bệnh tật đặc biệt ở bên ngoài bởi vì những quan niệm thì không tách lia với khí nghiệp vốn chứa đựng mọi nguyên tố. Những người khủng hoảng thần kinh không có một tâm thức nghỉ ngơi, thì có những quan niệm chuyển động luôn luôn. Hoạt động liên tục này phát sanh sức nóng cụ thể, nó là tinh túy của nguyên tố lửa. Lửa và không khí nối kết với nhau qua những phẩm tính vi tế tương tự của chúng. Với tâm thức bình thường, nguyên tố lửa vi tế thì rõ ràng và có chất thể hơn nguyên tố không khí vi tế. Sự phối hợp của không khí và lửa này khiến những nguyên tố biểu lộ trong hình thức thô tăng dần, trộn lẫn với nguyên tố nước và đất. Chẳng hạn, nếu do nghiệp, năm nguyên tố không thật cân bằng trong thân, và những nguyên tố đất và nước trong một cơ quan của thân giám sát, bấy giờ những nguyên tố lửa và không khí trở nên bị lay động bởi những quan niệm rối loạn thần kinh của tâm thức, và sự kích thích của những nguyên tố thô do chuyển động có

tính lửa của tâm thức trong khí nghiệp có thể tạo thành bệnh như đau, nhọt và ung thư.

Bao giờ tâm thức bình thường của chúng ta còn tối tăm và mất quân bình, chúng ta sẽ tiếp tục trở nên rối loạn thần kinh do những quan niệm có nguyên tố bất tịnh của mình. Bởi vì tâm bình thường của chúng ta thường trực cần một đối tượng, chúng ta không bao giờ biết rằng Tâm Trí Huệ vượt khỏi những quan niệm. Chúng ta bị che ám bởi vô minh và vô minh liên hệ với nguyên tố đất nặng nề. Bây giờ chúng ta muốn biết điều gì đó về những quan niệm này; sự mong muốn này liên hệ với nguyên tố nước. Rồi bởi vì chúng ta không có một quan điểm trí huệ, chúng ta không thể tìm thấy cái gì cả và trở nên tức giận, thất vọng và ghen ghét, không biết nghỉ ngơi chỗ nào. Sự giận dữ và kiêu mạn liên hệ với những nguyên tố lửa và không khí.

Nếu chúng ta rối loạn thần kinh, chúng ta không thể tìm thấy tinh túy bí mật thanh tịnh và bao la của những nguyên tố bất kể chúng ta thường xuyên cố gắng đến bao nhiêu. Chúng ta trở nên càng phân chia và kẹt nghẽn ở chỗ không có không gian, không có yên nghỉ và không có niềm tin vào không gian bao la vượt khỏi quan niệm. Bởi vì những nguyên tố thô và tế thường trực nương dựa lẫn nhau, chúng ta tái sanh bằng những thân thể nguyên tố thô hỗn loạn như cũ với tâm thức nguyên tố vi tế rối loạn thần kinh như cũ. Khi những điều kiện rối loạn tinh thần của những đời trước, chủ yếu được tạo bằng những nguyên tố lửa và không khí qua những hiện tượng tiêu cực, nối kết với những hiện tượng tiêu cực mới trong đời này, chúng ta trở nên rối loạn thần kinh hơn với

giận dữ thuộc lửa và thất vọng thuộc không khí hơn nữa. Khi những điều kiện rối loạn tinh thần của những đời trước, chủ yếu được tạo bằng những nguyên tố lửa và không khí qua những hiện tượng tiêu cực, nối kết với những hiện tượng tích cực mới trong đời này, chúng ta trở nên rối loạn thần kinh hơn với phần chân thuộc nước hơn nữa.

Nước, giống như lửa, đôi khi tích cực và đôi khi tiêu cực. Để được giúp đỡ, người rối loạn thần kinh phải tách khỏi tâm thức tích cực, quá phân chân hay tâm thức tiêu cực, quá trầm cảm của mình cho đến khi nó đạt được một tâm thức quân bình tự nhiên, cần phải tìm ra những nguyên tố gây ra sự sợ hãi phần chân hay trầm cảm này. Hoặc từ tham muốn thuộc nguyên tố nước hay tức giận thuộc nguyên tố lửa, sự điều trị tùy theo những điều kiện riêng biệt của cá nhân. Chẳng hạn, nếu nguyên tố lửa rõ ràng nơi một bệnh nhân, bác sĩ tâm lý có kinh nghiệm có thể tạo ra một nguyên tố nước rõ ràng như một đối trị. Nếu bệnh nhân tức giận, ông có thể tạo ra một không khí bình an để làm êm dịu bệnh nhân. Nếu bệnh nhân đang đau diêm một vấn nạn nào đang sau một vẻ ngoài bình an, bác sĩ có thể tạo ra một không khí ‘có lửa’ để cho sự tức giận đích thực của nó xuất đầu lộ diện. Qua hiểu biết sự biểu hiện của bệnh nhân về những nguyên tố của nó, bác sĩ tâm lý có thể chuyển hóa chúng để tạo ra sự quân bình cần thiết. Nếu ông không thể hiểu bản chất của những nguyên tố chứa đựng trong sự biểu hiện của tính khí bệnh nhân, ông chỉ như một người giữ hộ trẻ em, cho bệnh nhân của mình những đồ chơi để tạm thời làm dịu nó.

Những bác sĩ kinh nghiệm biết rằng cách tốt nhất để làm



quân bình những nguyên tố là bằng y học vi tế thích hợp, như quán tưởng, thực tập thở yoga và thiền định. Thiền định, hay trông chừng tâm thức, thì đặc biệt hiệu quả để giảm đau đớn và chữa lành bệnh tật. Qua trông chừng tỉnh giác, căn cứ cho đau đớn và bệnh tật tiêu tan bởi vì đau đớn và bệnh tật là quan niệm và ở trong những nguyên tố thô. Qua sự trông chừng này, những nguyên tố thô trở thành những nguyên tố vi tế, và những nguyên tố vi tế trở nên nhẹ hơn dần dần cho đến khi chỉ có không gian trong sáng và năm nguyên tố tỏa khắp một cách vô hình và bất khả phân vượt khỏi bất kỳ quan niệm bệnh tật hay đau đớn nào. Bây giờ, Tâm Không Gian Trong Sáng Vô Ngã, vốn quân bình từ vô thủy, giải thoát khỏi mọi phân biệt giữa những nguyên tố thanh tịnh và bất tịnh.

**Một người thông minh có thể nhận được lợi lạc từ những người khác mà không làm thương tổn họ như một con ong có thể nhấm nháp rượu mật từ một đóa hoa mà không làm hại nó.**

## NĂNG LƯỢNG VÀ THẦN LỰC

Từ sơ thủy năng lượng thô và tế của những nguyên tố của chúng ta vốn không tách lìa với tánh không. Khi chúng ta biểu hiện mình bằng sự kích động cực kỳ, chúng ta làm mạnh quá mức năng lượng nguyên tố thô của chúng ta và dồn nén năng lượng nguyên tố vi tế. Một kết quả là, năng lượng của chúng ta chủ yếu hướng đến chất thể và mỗi nối kết tự nhiên của nó với tánh không bị che ám. Bởi vì chất thể thì vô thường, khi những hoàn cảnh mới lạ sanh ra và đối tượng chất thể của năng lượng kích động của chúng ta thay đổi hay mất đi, năng lượng của chúng ta cũng mất và chúng ta cảm thấy lo âu và chán nản. Theo cách ấy, năng lượng của chúng ta như một dòng sông, nó có một sự chảy tự nhiên. Nếu năng lượng của một dòng sông là quá mức, sẽ lụt lội. Sau đó khi năng lượng dâng tràn đã hết, có một sự sụp đổ, hủy hoại. Nếu chúng ta để cho năng lượng thô của chúng ta dâng tràn, chúng ta dễ dàng mệt mỏi bởi vì tâm thức chúng ta mất chỗ nương dựa có năng lượng vi tế. Nếu nhờ phương tiện thiện xảo chúng ta có khả năng bảo tồn năng lượng vi tế bằng cách biểu hiện nó cẩn thận theo từng phần nhỏ với những lần nghỉ, bấy giờ sức khỏe và tâm trạng của chúng ta tạm thời được tốt, dù chúng ta một mình hay với người khác, và cuối cùng một lợi lạc cho chúng ta khi chúng ta già.

Đôi khi chúng ta sợ thần lực của năng lượng sẽ bị phung phí nếu chúng ta không sử dụng nó ngay khi có cơ hội. Nhưng những rắc rối có thể sanh ra nếu hình tướng của tâm thức được biểu hiện tức thời khi phản ứng với những hoàn cảnh. Thần lực biểu hiện không trông xa thấy rộng thì cuối cùng luôn luôn đảo ngược sự tự tin thành bất lực tội nghiệp. Một số chúng ta nghĩ rằng thần lực thô thì hiệu quả nhất khi biểu hiện thành thấy được hơn là với sự bình thản không thấy được. Nhưng khi chúng ta chỉ thấy trước mặt

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

chúng ta và không thể dự phòng cho tương lai, điều này chỉ là vô minh. Nếu một con sư tử hoang dã cố giết con gâu trước mặt nó trong khi không biết đến người đi săn cố giết nó từ đằng sau, thì nó sẽ mất thần lực của mình.

Theo tục lệ đời thường, khi chúng ta đặt kế hoạch kinh doanh hay cố gắng tổ chức đời sống chúng ta, tốt nhất là giữ chứa năng lượng mà không biểu hiện nó cho đến khi đạt được kết quả. Theo tục lệ của Pháp, cũng tốt nhất là giữ chứa năng lượng của chúng ta cho đến khi chúng ta khai triển được sự xác tín. Theo cách đó cho dù nếu kết quả không đến ngay, năng lượng của chúng ta cũng không tiêu tán và cạn kiệt.

Người ta không thể thấy tâm thức của nhau cho đến khi những hoàn cảnh sanh khởi. Bảy giờ hình tướng của tâm thức trở nên lộ liễu qua biểu hiện và có thể tiếp xúc, động chạm đến được. Thậm chí trước khi điều này xảy ra, một số ma quỷ hay hồn linh có thể tri giác nó. Nhưng do giữ chứa năng lượng của mình với tâm thức mạnh mẽ và thư giãn, chúng ta có thể tự bảo vệ và tự làm lợi lạc. Những vị tâm linh và cao cả với tâm thức trong suốt cũng có thể tri giác cái chưa biểu hiện, nhưng dĩ nhiên, bởi vì họ có Tâm Trí Huệ nên họ chỉ làm lợi lạc cho chúng ta mà thôi.

Ở một mức độ có uy lực, năng lượng vốn cố hữu trong những nguyên tố của chúng ta nâng đỡ cho tâm thức chúng ta. Để tăng cường thần lực của năng lượng mình, chúng ta phải có một phương pháp với một mục tiêu. Nơi nào có một mục tiêu, nơi đó có thần lực. Chẳng hạn, khi chúng ta muốn được ấm, nếu chúng ta tập trung hướng đến nguyên tố lửa, chúng ta trở nên ấm. Khi chúng ta muốn mát, nếu chúng ta tập trung hướng đến những nguyên tố nước và không khí, chúng ta trở nên mát. Đây là vì khi tập trung chúng ta có thể làm cho những nguyên tố vi tế khác nhau trở nên cụ thể rõ ràng có thần lực chất thể. Nếu chúng ta nhắm đến với

phương tiện chất thể, nó luôn luôn vô thường bởi vì mục tiêu là phần của quan niệm, mà quan niệm thì vô thường. Nếu mục tiêu của chúng ta chỉ là có được thần lực đời thường cho lợi ích tạm thời thay vì trở thành giác ngộ, thì bất kể chúng ta nhắm đến đâu với những nguyên tố thô và tế của mình, chúng ta chỉ có thể đạt mục tiêu trong một thời gian giới hạn theo một cách giới hạn.

Người ta có thể tăng cường thần lực của năng lượng của họ với ý định tốt hay xấu. Nếu ý định của họ thì xấu, họ có thể làm hại những chúng sanh khác bằng cách chinh phục chúng để tăng cường cho thần lực của riêng họ. Họ sẽ thành công bằng cách chỉ dùng năng lượng của những nguyên tố bên ngoài của họ cho đến khi năng lượng của những nguyên tố bên trong của họ giảm sút hay cạn kiệt. Một số lãnh tụ thế giới giống như vậy và qua thần lực của năng lượng và những ý định xấu của họ, họ đã gây ra sự hủy hoại và khổ đau lớn lao. Những lãnh tụ thế giới khác như Mahatma Gandhi thì làm lợi lạc dân chúng với năng lượng của những nguyên tố thanh tịnh của họ. Những người muốn giúp đỡ và an ủi người khác qua ý định tốt của họ sẽ tái sanh như những bồ tát.

Có khi năng lượng nguyên tố thanh tịnh của tâm thức chúng ta có thể bị khuấy nhiễu từ xa bởi một tâm thức mà năng lượng những nguyên tố của nó là bất tịnh. Chẳng hạn, nếu chúng ta chờ đợi một người khách với những nguyên tố ô nhiễm hơn và có uy lực hơn chúng ta, năng lượng tâm thức người ấy có thể đi vào tâm thức chúng ta và khuấy phá giấc ngủ của chúng ta. Bởi vì năng lượng của tâm thức chúng ta thanh tịnh hơn và nhạy cảm hơn của người ấy, sự mất quân bình giữa những nguyên tố của người ấy và của chúng ta gây ra một sự rối loạn trong khuôn khổ thói quen của giấc ngủ và chúng ta có thể mộng về người khách hay mất ngủ. Nếu tâm thức của người khách cũng thanh tịnh như chúng

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

ta, không chắc tâm thức chúng ta sẽ bị quấy nhiễu. Nếu năng lượng những nguyên tố của chúng ta kém uy lực hơn của người ấy, chúng ta phải dựa vào một đối trị để tăng cường thần lực của chúng ta. Khi năng lượng những nguyên tố thanh tịnh của chúng ta uy lực hơn năng lượng những nguyên tố bất tịnh của người ấy, nó không thể quấy nhiễu tâm thức chúng ta và như vậy chúng ta không cần một đối trị để ngủ được. Chúng ta có thể nghỉ ngơi trong tâm thức quân bình của mình và sau cùng chúng ta có thể là một lợi lạc cho người ấy.

Theo phương thức đời thường, thức ăn và thuốc men là đối trị cho giấc ngủ mỏng nhẹ do tâm thức mỏng nhẹ gây ra. Chúng cho chúng ta tâm thức nặng và mờ để có giấc ngủ nặng sâu. Nhưng nếu chúng ta thực sự muốn tăng cường thần lực của năng lượng thanh tịnh của chúng ta, chúng ta có thể quán tưởng bốn tôn và vị bồ tát này sẽ làm mạnh tâm thức chúng ta đến độ một tâm thức thần lực hơn cũng không thể xâm nhập nó. Nếu chúng ta thực hành thiền định, chúng ta có thể hít vào tất cả những nguyên tố để cho những nguyên tố bên trong và bên ngoài của chúng ta được hòa trộn một cách không thể chia tách và tâm thức chúng ta tỏa thắm khắp nơi, tan vào không gian trong sáng. Bằng cách làm cho tâm thức nhẹ hơn và trong sáng hơn qua quán tưởng hay thiền định, chúng ta có thể có được những thần lực như thiên nhãn và biết trước, nhưng nếu chúng ta trở nên quá bám luyến vào những thần lực này, năng lượng của chúng ta sẽ bị mất tính linh động của nó. Thế nên một cách liên tục, không nhận lấy hay chối bỏ, chúng ta nên sử dụng và tăng cường năng lượng thanh tịnh này.

Có vô số loại thần lực khác nhau nhưng chúng có thể được chia thành hai phạm trù khác nhau: thần lực trí năng bình thường và thần lực thông minh cao cả. Nếu chúng ta có tâm thức nhỏ hẹp bình thường, thật thích hợp cho những người khác sử dụng thần

lực trí năng của những nguyên tố bất tịnh và nặng nề đối với chúng ta bởi vì chúng ta không thể hiểu cái sâu thẳm, trong sáng và bao la. Còn nếu người ta sử dụng thần lực thông minh của những nguyên tố thanh tịnh trực tiếp với chúng ta, bởi vì cái chứa đựng của chúng ta thì quá nhỏ để giữ được nó nên cũng không hy vọng gì. Với tâm thức bình thường chật hẹp, chúng ta không thể hình dung nghĩa sâu xa, khoảng cách dài, hay cái gì sẽ xảy ra trong tương lai bởi vì mục tiêu của chúng ta bị giới hạn trong ích lợi tạm thời và tức thời của mình nên có thể làm tổn hại những người khác. Điều này cũng giống như giết con bò cung cấp sữa hàng ngày để chỉ có một miếng thịt.

Người cao cả, thông minh không dùng hay chấp nhận thần lực trí năng bình thường bởi vì nó quá nhỏ và quá chật hẹp, quá nông cạn và quá cứng cõi, quá một chiều và quá cố định trong thời gian. Nếu chúng ta chấp nhận thần lực bình thường; tâm thức chúng ta không thể rộng rãi bao la. Không có một tâm thức bao la thì không có thần lực lớn lao, và chỉ với thần lực lớn lao chúng ta mới có thể thích nghi với nhiều khả năng khác nhau giữa những cá nhân và hành động đúng thời, đi đúng thời, giải phóng đúng thời, giúp đỡ đúng thời và khai triển đúng thời.

Người không có thần lực thông minh cao cả thường dùng chính trị đời thường trong những nhóm tâm linh. Bởi vì những người muốn học thường dựa vào truyền thông, tục lệ xã hội hay chính trị, những cơ sở học Pháp không thể được tạo dựng mà không có hình thức nương dựa nào đó vào những cái ấy. Nhưng nếu chúng ta thực muốn tạo dựng những cơ sở Pháp thanh tịnh, chúng ta phải chỉ tạm thời dựa vào những tục lệ có những nguyên tố nặng của xã hội để cuối cùng vượt qua đi vào những nguyên tố nhẹ phi tục lệ của trí huệ. Nếu chúng ta chỉ tin vào việc sử dụng thần lực của những nguyên tố thô bất tịnh bình thường để tự giúp mình,

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

chúng ta sẽ tự động tạo ra những hệ thống cấp bậc theo một cách tinh vi để ngăn chặn những người khác không được bình đẳng. Bây giờ những người tự bên trong muốn tự đưa mình đến một cấp độ trong nhẹ hơn sẽ bị bắt buộc sử dụng thần lực bên ngoài, dựa vào những cơ sở đời thường cho sự tiên bộ. Cuối cùng, như là một kết quả của kiểu cấp bậc này trong đó những người trên đỉnh cố kèm giữ những người ở dưới, tâm thức mọi người trở nên nặng nề.

Người có tâm thức bình thường cố gắng nắm bắt tâm thức của những người ở một cấp độ cao hơn cần có ý định kính trọng, không phải là ý định cách mạng, lật đổ. Nếu ý định của tâm thức chúng ta có thể nối kết với thần lực quang minh bao la, thanh tịnh, tự nhiên bằng cách bên ngoài thì dựa vào tục lệ xã hội trong khi bên trong thì dựa vào tinh túy trong nhẹ của những nguyên tố, chúng ta có thể tạo ra năng lượng thanh tịnh hơn và lớn lao hơn. Thậm chí nếu chúng ta chỉ dùng thần lực trí năng bình thường, khi chúng ta gặp người dùng thần lực thông minh cao cả, chúng ta sẽ tự động được một cảm nhận khoáng đạt hơn là bị chối bỏ hay giới hạn trong một cấp độ thấp. Theo cách này, một số thiền giả thanh tịnh và có căn cơ tạo ra một trường an lạc chung quanh họ bằng thần lực quang minh tự phát của họ, và dùng những nguyên tố thanh tịnh của họ để giúp đỡ những người khác đạt đến cùng cấp độ và nối kết với họ trong cùng một mạn đà la và cùng một tâm.



**Tôi lễ lạy và tôn kính xử sở trí huệ bí mật  
vô nhiễm và trọn vẹn cao cả.**

## KÍNH TRỌNG

Tinh túy của mọi thái độ ứng xử và lễ phép là kính trọng. Trong những thời xa xưa khi những phẩm tính bên trong thanh tịnh được tự nhiên kính trọng và được xem là cao thượng nhất, người ta trở thành những ông vua, những nữ hoàng và những nhà quý tộc bằng những thái độ ứng xử và sự lễ phép tinh túy thanh tịnh của họ. Phẩm chất trung thực và chính trực của họ được dân chúng kính trọng với tâm thức thanh tịnh bởi thế họ giữ gìn được dòng tục lệ thanh tịnh này qua nhiều thế hệ, bất kể những hoàn cảnh có thay đổi thế nào.

Tinh túy cao cả tự nhiên của chúng ta là thanh tịnh từ nguyên sơ, nhưng trong thời hiện đại bị những nguyên tố bên trong của chúng ta đã trở nên bị che ám và không tinh thuần nên chúng ta không tiếp xúc nữa với dòng cao thượng tự nhiên của chúng ta. Thay vào đó, chúng ta bám dính vào những hoàn cảnh thô và vô thường, và khi những hoàn cảnh này thay đổi, sự ứng xử của chúng ta thường thô, kiêu căng và chập chờn. Sự cao thượng chân thật thì giống như vàng, luôn luôn không thay đổi bởi hoàn cảnh. Dù bạn đốt nó, nó vẫn là vàng; dù bạn cắt nó, nó vẫn là vàng; dù bạn xay nghiền nó, nó vẫn là vàng.

Hoặc chúng ta sanh ra trong dòng quý tộc hay cố gắng trở nên cao thượng bằng giàu có, quyền lực và uy tín, chúng ta không thể có những thói quen cao thượng thanh tịnh không biến đổi ở bên trong trừ phi chúng ta đã tích tập chúng từ nghiệp trước kia. Nếu chúng ta không có thói quen kính trọng sâu xa tinh túy thanh tịnh bất biến của những thái độ ứng xử của xã hội mà chỉ thích nghi một cách bề ngoài với sự biểu hiện thô và vô thường của chúng, chúng ta chỉ lạm dụng quyền lực và địa vị bằng sự thiển cận này và chúng ta chỉ là những nhà quý tộc giả hiệu không đáng tin cậy.

Ngày nay, người từ những nước nghèo về chất thể thường coi thường tính cao thượng vì họ đồng hóa một cách sai lầm tinh túy cao thượng chân thật với những hành động thô bất tịnh của sự quý tộc giả dối. Người từ những nước mạnh về chất thể không thể nhận biết những phẩm tính cao thượng chân thật, bởi vì qua tâm thức thói quen máy móc kỹ thuật của họ, họ trở nên quá không kiên nhẫn để học kính trọng. Nhưng người từ mọi quốc gia đều cố gắng tìm thấy những phẩm tính cao thượng như trung thực, lòng tốt, can đảm và rộng lượng khi họ chọn những vị lãnh tụ của mình, bởi vì họ hiểu rằng kính trọng tạo ra sự hài hòa và thông hiểu giữa con người.

Nếu chúng ta nương dựa vào những nguyên tố thô bất tịnh và chất thể trơ li không sống động, quyền lực bên ngoài của chúng ta có thể tăng thêm trong khi những nguyên tố thanh tịnh bên trong giảm sút; rồi kính trọng chân thật bị mất đi và bèn có không hài hòa và bạo động. Khi chúng ta có những thói quen vật chất, chúng ta chỉ kính trọng cái gì chúng ta có thể sử dụng nó khi đang sử dụng nó. Nếu chúng ta thấy người cao cả, chúng ta chỉ kính trọng họ một cách tạm thời, mà không phải là sâu xa và bất biến từ trong lòng mình. Chúng ta không thể mến phục hay được lợi lạc từ những phẩm tính tâm linh của họ bởi vì chúng ta thấy họ từ một quan điểm chất thể theo ý riêng của chúng ta. Tâm thức chúng ta trở nên kẹt cứng trong những đối vật giả tạo và không sống động theo mỗi quan tâm của mình thế nên chúng ta không thể nối kết với tinh túy chân thật của họ. Nhưng nếu mục tiêu của chúng ta là giác ngộ, chúng ta phải kính trọng những người cao cả với những phẩm tính tâm linh và nương dựa vào họ để làm sắc bén những khả năng của chúng ta.

Từ quan điểm đời thường, mục đích chân thật của kính trọng là bày tỏ rằng văn hóa và truyền thống là quý giá, là tri ân và tôn

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

kính bằng cách nhận ra những phẩm tính quý giá của chúng. Từ quan điểm Pháp, mục đích chân thật của kính trọng là nối kết tâm với tâm qua những phẩm tính thanh tịnh có chất thể ở bên ngoài, chúng sẽ tạo ra nhiều hơn nữa những phẩm tính thanh tịnh không chất thể ở bên trong.

Có nhiều loại kính trọng trong những biểu hiện của thân, lời và tâm, nhưng nếu nguồn gốc của kính trọng không từ tâm chúng ta, bây giờ sự diễn tả sự kính trọng là giả dối. Đó là tại sao Phật Thích Ca nói, “Mọi hiện tượng vốn ở trong tâm. Tâm là chủ chốt và hiện hữu trước những hành động của thân và lời. Người nào nói và hành động với tâm thanh tịnh thì luôn luôn hạnh phúc như những bóng không bao giờ tách lia khỏi hình của chúng.”

Nhiều vị thầy nói rằng chúng ta chỉ có thể kính trọng Pháp với tâm chúng ta nếu chúng ta cũng kính trọng nó với thân và lời chúng ta, nhưng có những người kính trọng Pháp với thân và lời của họ nhưng vẫn còn bất kính với tâm của họ. Chẳng hạn, khi thầy chúng ta ở trong chánh điện và chúng ta quỳ trước bàn thờ, nhưng chúng ta duỗi chân ra ngay khi ngài bỏ chúng ta ở lại một mình, đây là bất kính. Khi nói với thầy, chúng ta nói Thầy hay Ngài, nhưng khi nói thầy với người khác, chúng ta dùng một biệt danh, đó là bất kính. Hai lối biểu hiện của thân và lời này bày tỏ sự bất kính của tâm bất tịnh của chúng ta. Nơi nào có sự kính trọng giả tạo, nơi đó không có lễ độ đích thực và không có sự cao thượng thanh tịnh.

Để bày tỏ kính trọng chân thật một cách sâu xa và vi tế chúng ta phải làm cho tâm chúng ta thanh tịnh. Bất giờ sự kính trọng của chúng ta sẽ không hai mặt. Luôn luôn tốt nhất là khảo sát tâm mình trước khi tự động nói rằng chúng ta kính trọng ai, đồng thời nhớ rằng kính trọng chân thật luôn luôn đến từ tâm. Nếu những truyền thống cố gắng dạy sự kính trọng của thân và lời một cách

ngghiêm ngặt mà không có phương tiện thiện xảo, tâm thức chúng ta dễ sợ hãi rằng mình sẽ không vâng lời hay phản bội truyền thống. Khi tâm thức sợ hãi, chúng ta có thể phản ứng bằng cách trở nên hoang dã, nổi loạn và bất kính bởi vì những nguyên tố trong nhẹ bên trong đã trở nên dồn tụ. Nếu chúng ta học sự kính trọng với ý định tốt ở bên trong, sự kính trọng này hiện hữu trong tinh túy trong nhẹ của những nguyên tố, bây giờ sự biểu hiện bên ngoài của thân và lời sẽ là mở rộng, thanh tịnh và vô ngại, và nó sẽ luôn luôn liên tục.

Sự kính trọng của người này là sự bất kính của người khác, và sự bất kính của người này là sự kính trọng của người khác. Kiểu khiếm tốn do tự chế của một số người là bất kính đối với kiểu rộng rãi tự phụ của người khác. Đôi khi, kiểu rộng rãi tự phụ của một số người là bất kính đối với kiểu khiếm tốn tự chế của người khác.

Bởi vì thân mật đến từ thương yêu và niềm tin, nếu chúng ta dùng những biểu hiện kính trọng kiểu cách của những người lạ đối với những người thân quen, tự che dấu và đặt mình trong khoảng cách, đây là bất kính đối với sự kính hòng người thân quen. Nếu chúng ta dùng những biểu hiện thân mật riêng tư với những người lạ ở trước đám đông, đây là bất kính với sự kính trọng với nghi lễ chính thống. Những biểu hiện bất kính trong chỗ riêng tư có thể là bất kính trong một tập thể. Chẳng hạn, nếu theo thói quen riêng tư của chúng ta, chúng ta nằm xuống và đánh rắm giữa một nhóm người lạ, bây giờ đó là không thích đáng và bất kính.

Nếu chúng ta thường dùng tiếng lóng, đó có thể là bất kính đối với văn phong của những học giả và những nhà triết học; nếu chúng ta dùng ngôn ngữ dông dài, rắc rối, đó có thể là bất kính đối với ngôn ngữ tự nhiên như tấm gương không chướng ngại của những vị thánh. Nếu chúng ta viết vô số giải thích tỉ mỉ và không thể tổng hợp chúng thành tinh chất, đó là bất kính đối với văn

phong của nhà triết học và của vị thánh.

Khi có người nào cho ta lời khuyên với ý định tốt, nếu không trả lời, “Tôi hiểu”, thì đó là bất kính. Thậm chí nếu chúng ta đã biết điều họ đang cố gắng nói cho ta, thì sẽ là bất kính nếu nói, “Tôi biết điều đó” thay vì “Cám ơn”. Nếu chúng ta dùng châm biếm và mỉa mai với ý định làm lợi ích cho người khác, đó có vẻ bất kính đối với một số người nhưng nó thực sự là kính trọng. Nếu với sự tăng bốc, chúng ta dùng lời dụ ngọt và lễ độ với ý định làm lợi ích cho chính mình, thì dù bề ngoài đầy có vẻ kính trọng, nó thực sự là trò bịp bất kính bên trong.

Nếu chúng ta nói về Pháp cho người không có khả năng hay mong muốn nghe, đó là bất kính đối với Pháp. Nếu chúng ta dạy Pháp cho người đã hiểu nó, đó là bất kính đối với người mà ta muốn dạy.

Sự kính trọng của những người lang thang đối với sự thực hành có vẻ giống như bất kính đối với những hành giả nhập thất. Sự kính trọng Pháp của một số tu sĩ nhập thất có vẻ giống như bất kính đối với những học giả tôn giáo hay triết học họ nghĩ tu sĩ thật ra chẳng làm gì cả. Một số người nhập thất kính trọng người nhập thất, nhưng không kính trọng người thường hay thú vật. Kính trọng và bất kính luôn luôn nương dựa vào ý định thanh tịnh của những nguyên tố bên trong.

Nếu chúng ta là những tu sĩ và không có tâm trí đạo đức tự nhiên hay sự chán nản mệt mỏi đối với sanh tử, nhưng chúng ta cố giữ những giới nguyện ở bên ngoài với sự biểu hiện của thân và lời theo cách nào đó để có được sự kính trọng của người ta, chúng ta trở nên những tu sĩ của học viện quân sự, đó là điều bất kính đối với những tu sĩ thanh tịnh.

Nếu chúng ta không nhận biết Dakini Trí Huệ ánh sáng bên trong của chính chúng ta và chỉ kính trọng những dakini thô ở bên ngoài khi tự chứng tỏ mình bằng hệ thống mật thừa, bây giờ chúng ta trở thành những thiên giả dùng thuốc kích dục, đó là điều bất kính đối với thiên giả thanh tịnh.

Nếu chúng ta không thực hành Pháp mà chỉ nói liên hồi nhưng không có đức tin nơi thầy chúng ta, những giáo lý, những quán đảnh của thầy, nơi sự thực hành, những nhập thất của chúng ta, làm một bản liệt kê những đồ mua sắm về Pháp, đó là bất kính đối với hành giả chân chánh thực hành Pháp và đối với Pháp thanh tịnh.

Nếu chúng ta không có giác ngộ trong niết bàn an lạc do ghét bỏ tâm thức sanh tử, thì đó là bất kính đối với giáo lý Tiểu thừa. Cho dù chúng ta có một giác ngộ niết bàn cao tột do ghét bỏ tâm thức sanh tử cao tột, đó vẫn còn là bất kính đối với giáo lý Đại thừa bởi vì chúng ta bỏ mọi chúng sanh trong sanh tử để luôn luôn ở trong niết bàn cho sự tự lợi của chúng ta. Cho dù chúng ta kính trọng những hệ thống Tiểu thừa và Đại thừa, nếu chúng ta còn không có phương tiện thiện xảo để nhanh chóng chuyển hóa những tình trạng của sanh tử thành những tình trạng của niết bàn, đây là bất kính đối với hệ thống Kim Cương thừa.

Người nào cầu nguyện với những bản tôn nữ như Tara thì bất kính đối với hệ thống Tiểu thừa. Người nào phân biệt chúng sanh, dù nam hay nữ từ loài côn trùng đến con người, mà không biết Phật tánh vốn có sẵn của chúng, thì bất kính đối với hệ thống Đại thừa. Người nào không chấp nhận rằng Bản Tôn Trí Huệ thì vượt khỏi tâm thức bình thường của chúng ta và không có những cúng dường thanh tịnh thì bất kính hệ thống Mật Thừa Bên Ngoài. Người nào không thấu hiểu rằng bản tánh thanh tịnh của tâm thì tự do khỏi mọi hoạt động của tâm thức và không có xác quyết

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

được rằng tâm của họ là tánh không vĩ đại, thì bất kính đối với giáo lý Trung Đạo. Người nào không thấu hiểu bản tánh thanh tịnh của những hiện tượng sanh tử và của niết bàn và không thể nhận biết rằng ấn trí huệ tỏa thắm khắp mọi nơi thì bất kính đối với giáo lý Đại Ân.

Người nào thấy rằng không có sự khác biệt giữa một hạt giống, nó chứa đựng mọi nguyên tố một cách tiềm ẩn, với quả của nó, thì bất kính với người nông dân bình thường. Người nào không xác định chân lý tương đối tách biệt với chân lý tuyệt đối, người nào không từ bỏ sanh tử để chấp nhận niết bàn, và người nào không thấy rằng hạt giống và hạt của nó là khác nhau thì bất kính với giáo lý của triết học tôn giáo tổng quát. Người nào không xác định rằng chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối là không thể tách biệt, người nào không thực hành sanh tử và niết bàn là không thể tách biệt, và người nào không quả quyết rằng quả đến từ hạt giống và hạt giống đến từ quả thế nên không có sự tách biệt giữa chúng thì bất kính đối với giáo lý Đại Toàn Thiện.

Sự kính trọng của Pháp dựa vào Tâm Trí Huệ vô hạn của chúng ta thì bất kính đối với sự kính trọng của sanh tử dựa vào tâm thức nhị nguyên. Nếu chúng ta luôn luôn kính trọng đường lối của sanh tử, chúng ta không thể giải phóng tâm giới hạn khô cứng của chúng ta vào những phẩm tính thanh nhẹ chân thật đáng kính. Nhưng tạm thời, nếu không kính trọng những tục lệ của sanh tử, chúng ta không thể phát lộ đường lối của Pháp.

Đó là lý do Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “Bất cứ cái gì sanh tử muốn, ta cũng muốn. Chúng sanh và ta có cùng cảm nhận. Khổ đau và hạnh phúc là như nhau.” Điều này không có nghĩa đức Phật có một tâm nhị nguyên như chúng sanh của sanh tử, nhưng theo chân lý tương đối, Phật không thể không dẫn dắt chúng sanh đến những phẩm tính của niết bàn nếu không có những phẩm tính



của sanh tử. Nếu chúng ta muốn thực sự biểu lộ kính trọng, cách thực hành tốt nhất là tạm thời chấp nhận bất kỳ hệ thống nào cho đến khi chúng ta được giải thoát từ bất tịnh đến thanh tịnh, từ sự bất kính của những nguyên tố thô nặng đến sự kính trọng của những nguyên tố tế nhẹ vượt khỏi cả kính hợm và bất kính để vào trong tinh túy thanh tịnh bí mật của chúng ta.

*Một con chó sủa điên cuồng thì bất kính với những tên trộm nhưng là kính trọng với chủ.*

*Những nhà lãnh đạo bị vợ xô mũi phục tùng thì bất kính đối với những yêu cầu chung của xã hội nhưng kính trọng đối với những người vợ tự tư tự lợi của họ. Những vị thầy tham vọng, không tu chứng thì bất kính với quan điểm thuần túy Phật giáo nhưng kính trọng đối với những nhà tài trợ giàu có của họ.*

*Những hoa trả lại của Bồ tát sau khi nhận những mũi tên thì bất kính đối với tục lệ bất tịnh của thế gian nhưng là kính trọng đối với tục lệ thanh tịnh của Bồ tát.*

*Án trí huệ bình đẳng vô nhiễm của Phật thì bất kính đối với mọi tâm thức nhị nguyên loạn thần tách biệt chân lý tuyệt đối và tương đối nhưng là kính trọng đối với Tâm Trí Huệ bất nhị trong đó chân lý tuyệt đối và tương đối thì không thể tách biệt.*

**Không có truyền thống trong chân lý tương đối nếu không hiểu hệ thống và ý niệm của mỗi người, thế nên mong rằng tôi thích ứng với hệ thống của mỗi người, mong muốn lợi lạc cho mỗi người.**

**Không có giải thoát trong chân lý tuyệt đối nếu không giải phóng khỏi hệ thống và ý niệm của mỗi người, thế nên mong rằng tôi không thích ứng với hệ thống của ai cả, vượt khỏi mong muốn lợi lạc.**

## TRUYỀN THÔNG

Trong tất cả vũ trụ không ai có thể đồng ý cùng một truyền thông, nhưng tất cả chúng sanh, từ loài côn trùng nhỏ xíu đến những hành giả cao cả, đều dựa vào truyền thông nào đó để đạt đến mục tiêu của mình. Không có những truyền thông khác nhau để chọn lựa thì không thể có căn cứ cho thông hiểu hay hợp tác giữa những chúng sanh. Chỉ có những chướng ngại cản trở, hỗn loạn và thông khổ. Dù những tập thể khác nhau theo những truyền thông khác nhau, mọi truyền thông dựa vào năng lượng của năm nguyên tố và xuất hiện qua những phối hợp khác nhau của những nguyên tố thô và tế bổ sung nhau. Nhưng bởi vì mỗi truyền thông có năng lượng và những khả năng riêng của cá nhân nó, cũng khó cho chúng sanh vượt từ một truyền thông này qua một truyền thông khác.

Chẳng hạn, những con nhện có truyền thông độc lập, nên chúng ở một mình. Chúng đã phát triển một năng lượng và truyền thông riêng biệt bằng những nguyên tố của mình để bảo vệ cho chúng đồng thời cung cấp thức ăn. Con nhện không có truyền thông bày đàn phục vụ, nhưng nó có thể tự lo liệu lấy bằng cách bao một côn trùng thuộc truyền thông khác lọt vào mạng lưới của nó. Nếu một con nhện giữ truyền thông của nó, nó luôn luôn thoải mái cho dù nó di chuyển; dù chỗ khác thì mạng lưới vẫn như nhau. Nhưng nếu nó cố gắng thay đổi truyền thông và sống trong một tổ kiến thì sẽ không thành công bởi vì kiến là những kẻ giữ gìn truyền thông bày đàn có hại cho nhện.

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

Vì có truyền thống tập thể, kiến sống thành những đàn lớn. Chúng có năng lượng bổ sung nhau nhờ sự nối kết nghiệp, cho nên với sự hợp tác của tập thể chúng có thể mang về thức ăn còn lớn hơn thân thể chúng. Nếu chúng giữ truyền thống riêng, đời sống của chúng được thoải mái, nhưng nếu bỏ truyền thống để theo một cái khác, đời sống của chúng sẽ bị tai hại. Dù một trăm đàn kiến đến một con nhện, chúng sẽ đều bị mắc vào lưới nhện. Chúng ta đang nói về truyền thống của kiến thường, chứ không phải truyền thống của kiến Phi châu khổng lồ.

Ngay trong những truyền thống đời thường, không hề có sự đồng ý về cùng một chủ đề. Là tốt khi ăn không gây tiếng động, ngồi ở một bàn tròn với muỗng nĩa và dao trong truyền thống lịch sự phương Tây, và là tốt nếu ăn mà tạo ra những tiếng động khoái trá, ngồi trên một cái đệm với đôi đũa trong truyền thống lịch sự của một số nước phương Đông. Nhưng nếu chúng ta bị gắn với truyền thống, thì khi đôi từ nĩa qua đũa, thật bất tiện và khó mà tạo ra những tiếng động thích thú với miệng, và khi chúng ta đôi từ đũa qua nĩa, thì khó mà cầm chúng và giữ yên lặng.

Truyền thống tích cực của một xứ lại là truyền thống tiêu cực của một xứ khác. Chẳng hạn trong những truyền thống của một số nơi, nếu bạn ợ khi ăn thì có nghĩa là bằng lòng lắm và chủ nhà nói, “Tuyệt!” Trong những xứ khác, nếu bạn ợ khi ăn thì chủ nhà cảm thấy bị xúc phạm và bạn phải nói, “Xin lỗi!” Thế thì có hai biểu lộ khác nhau theo thói quen truyền thống đối với một cái ợ.

Theo phong tục của một số nước có thói quen ăn nói tự do từ hồi trẻ, người ta bị xem là bí hiểm nếu họ không nói thẳng. Ở một số nước khác, người ta bị xem là không khiêm tốn nếu họ nói thẳng. Thế thì có hai phán xét theo thói quen truyền thống đối với một cách nói.

Nếu chúng ta thích truyền thống, cách duy nhất là ợ trước những người thích ợ và không ợ trước những người không thích nó, chỉ ợ có lúc, không chấp nhận hay chối bỏ thói quen ợ, bởi vì không có lợi ích rớt ráo nào từ chuyện ợ hay không ợ khi ăn. về việc nói thì cũng như vậy. Cách duy nhất là nói thẳng trước mặt những ai thích nói thẳng và im lặng trước những ai không thích nó, không chấp nhận hay chối bỏ thói quen nói hay không nói.

Thậm chí trong Pháp, trừ phi cái nhị nguyên của năng lượng nguyên tố thô và tế tan thành một tinh túy bí mật, còn không thì người ta sẽ theo những truyền thống khác nhau. Chẳng hạn, truyền thống của những hành giả Đạo học Trung Hoa là mở hậu môn để thư giãn và tăng cường dòng năng lượng thanh tịnh tự nhiên. Còn truyền thống của hành giả Yoga Mật thừa là đóng hậu môn để giữ khí bên trong hầu tăng cường năng lượng thanh tịnh.

Trong truyền thống Tiểu thừa, họ nói rằng những ai bám luyến vào phụ nữ thì không bao giờ giải thoát được. Theo con đường Tiểu thừa, phụ nữ được cho là nguồn gốc của phiền não và là một chướng ngại cho con đường đạo đức. Vì lý do này nhiều hành giả Tiểu thừa trở thành tu sĩ và tránh phụ nữ. Trong truyền thống Mật thừa Bên Trong, họ nói rằng

những người không dựa nhờ vào phụ nữ thì không bao giờ giải thoát được. Theo con đường Mật thừa, phụ nữ là nguồn gốc của hiện tượng trí huệ, và là chỗ nương dựa của phúc lạc không dục qua dục, thế nên nhiều vị thánh tuyên bố rằng phụ nữ cần được xem là phối ngẫu.

Những truyền thống khác nhau thích hợp cho những khả năng khác nhau, thế nên phương pháp duy nhất là chấp nhận cái chúng ta muốn, tùy theo những khả năng của chúng ta, hoặc truyền thống Tiểu thừa hay truyền thống Mật thừa hay cả hai. Nếu chúng ta sờ phụ nữ, bây giờ chúng ta có thể chấp nhận pháp môn của Tiểu thừa; nếu chúng ta có tình yêu phụ nữ, bây giờ chúng ta có thể chấp nhận sự bổ sung bên ngoài của phối ngẫu trí huệ bên trong của truyền thống Mật thừa; hay nếu chúng ta có thể chấp nhận cả hai truyền thống nếu chúng ta có thể chuyển hóa những phương diện khác nhau thành một tinh túy.

Một cách tối hậu, để giác ngộ, chúng ta phải tri nhận không gian trong sáng của trí huệ, cái này vốn không có truyền thống và là nguồn của tất cả mọi truyền thống. Nhưng tạm thời, khi những khả năng của chúng ta còn bị che ám, chúng ta không thể từ chối truyền thống. Chính truyền thống Pháp nói rằng để dẫn đến giác ngộ, giáo lý của Phật thích ứng với những tục lệ đời thường. Những khả năng sắc sảo của nguyên tố thanh tịnh luôn luôn phản ánh Pháp thanh tịnh, nhưng những người với những khả năng của nguyên tố bất tịnh bị ngăn che không thể thích ứng với Pháp thanh tịnh, thế nên họ phải dựa vào truyền thống đức tin cho đến khi họ khai triển được những khả năng sắc sảo.

Có ba loại đức tin khác nhau: đức tin cuồng tín, đức tin trong sáng, và đức tin lý tính. Nếu chúng ta có đức tin cuồng tín, khi chúng ta thấy một hòn đá trên đường và được nghe đó là một bồn tôn, chúng ta cầu nguyện nó. Đức tin cuồng tín này có hiệu lực bởi vì hiện tượng hòn đá của chúng ta chuyển hóa thành hiện tượng bồn tôn, Nếu chúng ta có đức tin trong sáng, khi chúng ta đi vào một đền chùa với một tâm thức ngây thơ tươi mới, chúng ta chấp nhận những bức tranh đẹp đẽ hay bất cứ cái gì chúng ta thấy như là những hiện tượng tích cực, tốt lành. Đức tin trong sáng này có hiệu lực vì nó tạo ra tâm thức trong sáng. Nếu chúng ta có đức tin lý tính chúng ta hiểu sự vật qua lý luận và có thể thấy những phẩm tính vô hình trong những phẩm tính hữu hình. Chẳng hạn, nếu chúng ta đang ở giữa đại dương và thấy một con vịt trời bay trên chúng ta, chúng ta có đức tin rằng có đất ở gần đâu đây; hay chúng ta thấy có khói sau những ngọn núi, chúng ta tin rằng chỗ đó có lửa.

Tin nghĩa là muốn. Nếu chúng ta không tin những phẩm tính nuôi dưỡng của thực phẩm, tại sao chúng ta muốn ăn? Nếu chúng ta không tin những phẩm tính của áo quần là để bảo vệ cho thân thể, tại sao chúng ta muốn mặc? Nếu chúng ta không có niềm tin, làm sao chúng ta có thể liên hệ với những người thân yêu, gia đình, bạn bè, thầy dạy kiến thức hay dạy Pháp, hay với tục lệ của đất nước chúng ta? Nếu chúng ta không có niềm tin, chúng ta còn tệ hơn thú vật. Thậm chí con bò còn có niềm tin vào cỏ.

Nếu chúng ta hỏi người có tôn giáo họ có tin thượng đế không, họ bảo có. Nếu chúng ta hỏi họ có tin vào bạn bè,

họ nói không. Nhưng tinh túy của đức tin là tình thương, thế nên nếu chúng ta thực sự thương thượng đế của chúng ta và chúng ta thực sự thương yêu bạn bè của chúng ta, bây giờ tự động tin cả hai. Chúng ta chỉ dùng đức tin một cách khác nhau theo những truyền thống khác nhau. Nếu chúng ta nghĩ là vô nghĩa khi tin vào thượng đế bởi vì thượng đế thì không thể thấy, thế thì chúng ta không hiểu rằng tinh túy của đức tin chính là thương yêu và nó luôn luôn như nhau. Khi chúng ta thương yêu chúng ta nghĩ rằng chúng ta thương yêu một đối tượng, nhưng thật ra thương yêu là cố hữu trong chủ thể chúng ta và chỉ phản chiếu đến đối tượng. Thế nên khi có thương yêu, đức tin cũng luôn luôn có đó. Đối tượng của thương yêu thay đổi từ thượng đế, đến quốc gia, đến bạn bè, hay đến người yêu tùy theo truyền thống chúng ta theo trong khi lợi lạc tạm thời và tối hậu của đức tin tùy thuộc vào ý định của chúng ta đối với đối tượng.

Không dựa vào truyền thống chúng ta không thể làm điều gì cả. Thế nên cho đến khi chúng ta giác ngộ, chúng ta không thể chối bỏ đức tin nương dựa nơi truyền thống. Để truyền thống, luôn luôn cần liên hệ với truyền thống xã hội. Nhưng nếu chúng ta dựa vào nó với sự bám chấp cứng cõi, bấy giờ do sự bám chấp của mình, chúng ta bị mắc kẹt vào truyền thống.

Truyền thống lái xe trong đường phố thì không thích hợp nếu chúng ta đang lái xe trên một xa lộ; nó đặt giới hạn cho tự do một cách không cần thiết. Tuy nhiên, một số thị dân nghiêm khắc của Tăng già có thể nghĩ rằng thói quen lái xe trong đường phố của họ thì luôn luôn thích hợp với bất kỳ nơi đâu,



và muốn dùng nó để giới hạn sự tự do của người muốn lái xe trên những xa lộ rộng mở, không ngăn cấm giả tạo của Tâm Trí Huệ của họ.

Chúng ta có thể nói rằng truyền thống là để sáng chế ra những hình thức mới và những phẩm tính mới có thể thấy được nhưng tinh tế hơn để phát hiện tinh túy thanh nhẹ của những nguyên tố. Nhưng bởi vì những thói quen của chúng ta, chúng ta muốn chỉ giữ một truyền thống nào đó thôi. Là người giữ truyền thống, chúng ta thường sợ mất quyền lực thế gian thế nên chúng ta không muốn thay đổi qua những phẩm tính mới. Giống như hầu hết những nhà cầm quyền họ nói rằng họ muốn làm những thay đổi trong chính phủ của họ cho ích lợi của dân chúng, chúng ta không bao giờ chịu thay đổi nếu điều đó là mất quyền lực của mình. Nếu chúng ta thay đổi, hiện tượng của chúng ta thay đổi, và nếu hiện tượng của chúng ta thay đổi, luôn luôn có một thay đổi trong sự thăng bằng quyền lực.

Quan điểm theo Pháp là cố gắng phá hủy truyền thống của sanh tử bằng phương tiện thiện xảo biểu lộ trí huệ như viết, vẽ, nói hay dạy để đạt giác ngộ vượt khỏi truyền thống. Dù thế, nhiều thế hệ nghệ sĩ, triết gia và thầy dạy đã luôn luôn tự biểu hiện mình trong kiểu cách truyền thống như nhau. Nếu chúng ta viết hay vẽ hay nói điều gì không quá chặt chẽ với truyền thống, một số người Phật giáo cứng chắc nghĩ đó không phải là quan điểm Phật giáo. Họ không nghĩ rằng truyền thống Phật giáo là phá vỡ những truyền thống bất tịnh của sanh tử để đạt đến những truyền thống rộng rãi nhất, thanh tịnh nhất. Truyền thống luôn luôn tạo ra những giới

hạn nếu nó không thanh tịnh. Thế nên ngay từ lúc ban đầu, chúng ta cần không bám chấp vào truyền thống để giải phóng tâm thức chúng ta ra khỏi thói quen của cái bẫy truyền thống của sanh tử. Chúng ta cần có một thấu hiểu về sự biểu hiện phô bày mà không phải không biết đến những truyền thống của người khác để làm lợi lạc và thỏa mãn những chúng sanh theo truyền thống. Theo cách này, cùng lúc chúng ta giải phóng tâm thức khỏi truyền thống của riêng mình thì không chấp nhận cũng không chối bỏ chúng ta nên trang hoàng biểu hiện nó như một con chim đẹp và một cái cây, cái này trang hoàng, làm đẹp cho cái kia.

Nếu là nghệ sĩ, chúng ta có ý định giới hạn chỉ diễn tả những hình sắc thẩm mỹ trong những phạm vi của truyền thống chúng ta mà chúng ta thấy qua đôi mắt bị che ám của những nguyên tố thô, bây giờ dĩ nhiên chúng ta luôn luôn bị ràng buộc trong trường hữu hạn của truyền thống xứ sở của chúng ta. Nếu chúng ta có ý định rộng lớn làm một nghệ sĩ cao cả để diễn tả những phẩm tính truyền thống của trí huệ vô hạn, bây giờ chúng ta phải đi ra khỏi góc tối truyền thống để đến trung tâm, mà không từ chối góc hẹp vốn thuộc về trung tâm, và ở lại trong không gian trong nhẹ của trung tâm, chúng ta cần lưu xuất nhiều hình sắc không chướng ngại.

Nếu là triết gia chúng ta có ý định giới hạn chỉ thuyết trình về hình thức lý luận thô trong những phạm vi của sự suy diễn mà chúng ta phân tích với tâm thức thô và xao động, bây giờ dĩ nhiên chúng ta thường trực làm vững chắc thêm những giới hạn của chúng sanh bình thường. Nếu chúng ta có ý định lớn lao làm một triết gia cao cả, sáng tạo ra những phẩm tính

cao cả không thể nhìn thấy bằng luận lý của con người bình thường, bây giờ chúng ta phải tránh trông chờ vào những cấp bậc và nhãn hiệu bề ngoài kêu to nhưng bên trong không có thực chất, và chúng ta phải đi vào kho tàng trí huệ của hiểu biết vô hạn của chúng ta, như một dòng sông cao cả đi qua mọi đại học của vũ trụ, chia sẻ cam lồ của hiểu biết với mọi dòng chứa của sinh viên trên khắp thế giới.

Nếu là nhà sư chúng ta có ý định chỉ bày tỏ những hình thức đạo đức trong những phạm vi của truyền thống chúng ta mà chúng ta quan niệm với tâm thức đạo đức của cái ta thuộc về những nguyên tố thô, bây giờ dĩ nhiên chúng ta luôn luôn bị ràng buộc bởi kỷ luật vô bổ của truyền thống của nhóm chúng ta. Nếu chúng ta có ý định bao la làm những nhà sư cao cả, chấp nhận truyền thống vô biên của sự thanh tịnh trí huệ, bây giờ chúng ta phải tự giải phóng khỏi khu vườn được chăm sóc của tổ chức bình thường truyền thống của tu sĩ và đi đến hòn đảo đạo đức vô nhiễm bao la, để cho đạo đức nở hoa như một hoa sen mà những cánh trong và ngoài đều thanh tịnh và mùi hương tự nhiên không điều kiện và vô ngại bay đến nhiều con ong tín đồ may mắn.

Nếu là những yogi chúng ta có ý định giới hạn chỉ biểu hiện những hình thức mê tín trong những phạm vi của truyền thống chúng ta mà chúng ta quán tưởng bằng tâm thức bám nắm của những nguyên tố thô, bây giờ dĩ nhiên chúng ta luôn luôn bị ràng buộc bởi những giới hạn của chúng hoang tưởng tích cực. Nếu chúng ta có ý định bao la làm những yogi cao cả, sáng tạo mạn đà la trí huệ vô sanh vô hạn, bây giờ chúng ta phải thoát khỏi kêu ca than phiền phụ nữ bình thường để

kết hợp với những phẩm tính đại lạc không dục vọng của Dakini toàn thân như ý. Bấy giờ say với rượu trí huệ, chúng ta có thể hát lên bài ca chúng ngộ và thức tỉnh những chúng sanh lang thang khỏi sự vô minh của những nguyên tố nặng nề đến ánh sáng của tâm tự nhiên của họ với âm thanh của trống và chuông.

Nếu là những thiền giả chúng ta có ý định giới hạn chỉ diễn tả những sắc tướng im lặng trong những phạm vi của sự thở vào và thở ra qua hai lỗ mũi bị ngăn ngại của thân thể do nghiệp giới hạn của chúng ta, bấy giờ dĩ nhiên chúng ta luôn luôn bị vướng mắc trong không gian giới hạn của cái đệm truyền thống của chúng ta. Nếu chúng ta có ý định bao la làm những thiền giả cao cả, bấy giờ chúng ta phải giải phóng tâm thức chúng ta ra khỏi sự tập trung và thư giãn trong không gian tánh giác trong sáng tự nhiên vượt khỏi không gian. Bất cứ những quan niệm có không nào sanh khởi, chúng ta có thể giải phóng chúng cho đến khi những tư tưởng của chúng ta trở thành những phô diễn hang hoàng thanh nhẹ không truyền thống, những vân mây tự giải thoát chính nó.

**Trong sân khấu tấm gương pha lê của Tâm Tánh Giác người nghệ sĩ tối thượng trình diễn sự phô bày huyền thuật của ông nhưng hiếm có khán giả có cái nhìn trong sáng thấu suốt để có thể nhìn thấy trí huệ này.**

## NGHỆ THUẬT

Tất cả nghệ thuật được tạo thành bằng những nguyên tố thô và tế. Không có những nguyên tố thì không có cách gì cho nghệ sĩ diễn tả. Khi người ta dùng những thành ngữ như tính tình nông nổi, lạnh lùng, khô khan, ướm át, điều đó nói lên rằng họ đã tự nhiên nối kết tâm thái nguyên tố tế với sự diễn tả thuộc về nguyên tố thô. Nhưng những nghệ sĩ phải vượt khỏi sự diễn tả những nguyên tố hiển nhiên bên ngoài để có được kinh nghiệm với những nguyên tố vi tế bên trong, chúng là cội nguồn của những nguyên tố thô bên ngoài. Bây giờ họ có thể làm nghệ thuật phản ánh cái mà công chúng cần.

Theo quan điểm đời thường, những nghệ sĩ không có mục tiêu tối thượng là đạt đến giác ngộ. Họ chỉ có mục đích tạm thời là nhận biết những xúc cảm bên trong và rồi diễn tả chúng ra bên ngoài. Những nghệ sĩ bình thường hay tự diễn tả chính họ để thông tin, có tiếng hay quyền lực. Bởi vì họ cảm thấy cô đơn, họ muốn liên hệ với thế giới bên ngoài qua nghệ thuật cho sự lợi ích riêng của họ. Bởi vì họ không liên hệ với một nguồn gốc vượt khỏi trí năng hay truyền thống, họ không thể giải thích sâu xa cho những người khác tác phẩm của họ nói về cái gì. Họ làm ra một thứ nghệ thuật rất cuộc trở thành ông chủ cai quản họ. Nếu họ không tự diễn tả với một quan điểm trí tuệ, kết quả luôn luôn là vô thường và làm giảm năng lượng, điều này đưa đến khổ đau.

Theo quan điểm Phật giáo, ý định của một nghệ sĩ là lòng bi. Nghệ sĩ sáng tạo để làm ra một sự liên kết với những

chúng sanh khác qua những nguyên tố bên trong thanh tịnh của mình, và để chuyển hóa những nguyên tố bên trong bình thường và thô của họ thành giác ngộ nhờ sự nối kết này. Trong hệ thống Mật thừa, nghệ sĩ diễn tả ra bên ngoài phẩm tính của năng lượng thanh tịnh của những nguyên tố bên trong qua hình và tướng tiêu biểu cho hình tướng; qua những lời dạy, bài ca, bài thơ và âm nhạc tiêu biểu cho lời nói; qua những điệu múa tiêu biểu cho những hoạt động; và qua những biểu lộ hài hòa vô tận tiêu biểu cho tâm. Bởi vì những nghệ sĩ ấy nối kết với nguồn gốc của tác phẩm nên họ luôn luôn có thể giải thích sâu xa cho những người khác tác phẩm của họ nói về cái gì và họ luôn luôn là ông chủ kiểm soát nghệ thuật của họ. Qua những ý định của những nghệ sĩ cao cả, những nguyên tố thô bên ngoài được tịnh hóa thành những nguyên tố bên trong và tái nối kết với trí huệ bên trong. Một cách tạm thời, điều này đem lại sự thỏa mãn bởi vì người ta nhận biết những phẩm tính bên trong nơi sự diễn tả ra bên ngoài của nghệ thuật. Một cách tối hậu, có giải thoát qua tịnh hóa chất thể của nghệ thuật không có tinh túy thành tinh túy giác ngộ không có chất thể.

Tâm Trí Huệ không thể thấy được trừ phi chúng ta có con mắt trí huệ. Những màu sắc căn bản tự nhiên không thể thấy nhưng yên ngủ, tỏa thấm khắp mọi nơi và luôn luôn chuyển động. Qua sự chuyển động này những nguyên tố khác nhau nối kết, trở thành hình thể và màu sắc thấy được. Những màu gốc là xanh, trắng, đỏ, vàng và lục. Cũng như mỗi nguyên tố chứa đựng mọi nguyên tố khác, mỗi màu chứa đựng tất cả các màu khác. Thế nên mỗi màu gốc có năm nhánh mà chúng dựa vào những điều kiện và những nối kết thay đổi

và phụ trợ. Khi chúng nối kết và thay đổi, vô số nhánh màu thanh tịnh mới được tạo ra cho đến khi chúng trở thành vi tế đến độ khó nhận biết vì rất xa với màu gốc. Mắt bình thường không thể thấy màu tự nhiên, thế nên theo cái nhìn thấy bình thường, những màu vốn thanh tịnh này có vẻ cũ kỹ, nhợt nhạt và yếu ớt. Nhưng con mắt trí huệ nhận biết những màu gốc nguyên sơ tự nhiên và, qua sự nối kết này với những điều kiện gốc, nó tăng thêm một cách tự nhiên những hiện tượng thanh tịnh với những điều kiện phụ trợ.

Khi những nghệ sĩ bình thường nhận thức mọi màu sắc này trở nên càng lúc càng nhợt hơn đến độ chúng có vẻ cạn kiệt thì trí tưởng tượng của họ cũng cạn kiệt. Vì họ không tin vào tinh túy bên trong không thể thấy của hình tướng và màu sắc, họ phải đi trở lại những hiện tượng bên ngoài thô mà họ có thể thấy chúng như là nguồn, gốc của những ý niệm về nhãn quan của họ. Nhưng vì họ chỉ dựa vào hình tướng và màu sắc nguyên tố thô và không mềm dẻo, tâm thức họ trở nên khô cứng và giới hạn. Những quan niệm của họ rơi rắm đến độ họ không thể sáng tạo không gian bao la trong nghệ thuật của họ và nó trở nên không mềm dẻo, chật chội và kẹt nghẽn. Do những nghệ sĩ cao cả nhận biết tinh túy thanh tịnh không thể thấy của những nguyên tố, họ hiểu rằng màu sắc gốc và tự nhiên thì luôn luôn không giảm sút và họ có thể làm ra trở đi trở lại hình tướng và màu sắc sống động, tươi mới từ cái không thể thấy trong nghệ thuật của họ. Bởi vì họ có tâm thức bao la không chướng ngại, họ hiểu làm thế nào sáng tạo ra không gian bao la trong nghệ thuật của họ và họ có thể sáng tạo bất kỳ hiện tượng nào.



Theo cách này, nếu những nghệ sĩ nhận biết nguồn gốc của những quan niệm, khi họ diễn tả chúng, sự nối kết giữa quan niệm và nguồn gốc của nó sẽ không bị đứt đoạn và do đó thanh tịnh, tươi mới và thanh nhẹ. Bởi vì dòng những nghệ sĩ dựa vào quan niệm và quan niệm dựa vào những nguyên tố, do thấu hiểu nguồn gốc của quan niệm, những nghệ sĩ có thể thấu hiểu tinh túy của màu sắc. Chẳng hạn, nếu nghệ sĩ hiểu quan niệm giận dữ, họ biết rằng nguồn gốc của nó là nguyên tố lửa và có thể được diễn tả bằng màu đỏ. Nếu họ hiểu tham muốn hay kích động thần kinh, họ biết rằng nguồn gốc của nó là nguyên tố nước hay không khí và có thể được diễn tả bằng chuyển động. Nếu chuyển động này bị đè nén hay cản trở, bây giờ màu tương ứng là xanh hay lục; nếu nó phần chấn, màu của nó thì sáng và trong. Nếu họ hiểu tâm thức lãnh đạm hay mơ hồ, họ biết rằng nguồn gốc của nó là nguyên tố đất và có thể diễn tả những phẩm tính bình an, lờ đờ hay nặng nề trong một người bằng một màu vàng nhạt. Màu sắc của mỗi nguyên tố dựa vào sự quân bình của những nguyên tố khác hiện hữu trong nó một cách không rõ ràng. Chẳng hạn đất trồng gồm những nguyên tố bổ sung và nếu nó không dựa vào phân bón để tươi tốt thì thường có màu đỏ đậm.

Nếu những nghệ sĩ không nhận thức những âm thanh, những màu sắc, những chuyển động thanh tịnh của những nguyên tố vi tế thanh nhẹ ở trong những nguyên tố thô bên ngoài, họ không thể nắm bắt tinh túy của bất cứ cái gì họ muốn mô tả hay gợi gắm. Chỉ bằng cách tin vào cái hữu hình và chối bỏ cái vô hình, họ không thể diễn tả đời sống sinh động mà nguồn gốc của nó ở bên trong ánh sáng vô hình, và nghệ

thuật của họ sẽ trì đọng và không có sự sống.

Nghệ sĩ cao cả, giống như người quán tưởng cao cả, nhìn thấy những hiện tượng từ quan điểm cao cả của chân lý tương đối thực sự, chân lý này không chia tách cái thô với cái tế hay cái hữu hình với cái vô hình. Nghệ sĩ giống như người quán tưởng, nhưng nghệ sĩ dùng phương tiện chất thể để hiển lộ cái vô hình thành rõ ràng, trong khi người quán tưởng dùng những phương tiện vi tế để hiển bày cái vô hình thành rõ ràng. Mục tiêu của cả hai là đạt đến cái vô hình qua cái hữu hình.

Nếu những nghệ sĩ muốn mô tả người nào, trước hết họ phải khảo sát những nguyên tố hữu hình, thô đại của hình tượng để bày tỏ những nguyên tố vô hình vi tế của chủ đề. Với sự tin chắc đến từ kinh nghiệm về nguyên tố vi tế, những nghệ sĩ cao cả có thể hiểu biết những nguyên tố thô và biểu hiện một cách tự nhiên. Họ không cần phân xét giữa sự thực và tưởng tượng, bởi vì từ quan điểm cao cả của chân lý tương đối thực sự, tưởng tượng vi tế không chất thể và hiện thực thô có chất thể hiển hữu trong tâm thức mê lầm đều là không thật. Nếu họ chỉ mô tả mọi sự như là nghệ thuật, nó hẳn sẽ phù hợp dù ở đâu.

Trong truyền thống Phật giáo, nghệ thuật có thể được làm để diễn tả cái xấu hay cái đẹp, cái bình an hay cái náo động. Những nghệ sĩ cao cả nhận biết nhu cầu của người khác có thể phối hợp những nguyên tố bình an và náo động để hoàn thành một kết quả thích hợp với những hoàn cảnh. Nếu cần thiết thất vọng mà nguyên nhân là phần chần, nghệ sĩ cao

cả có thể tạo ra những sự vật buồn và xấu để làm thất vọng. Những hình ảnh diễn tả những phương diện xấu hay buồn của hiện hữu bày tỏ sự lao nhọc của sanh tử. Chúng có ý định như một sự cảnh cáo bi mẫn, giống như sự tức giận của cha mẹ, giúp chúng ta nhận biết và ghê sợ tái sanh. Nếu cần phần chấn mà nguyên nhân là thất vọng, nghệ sĩ cao cả có thể làm ra những sự vật đẹp để thích thú. Những hình ảnh đẹp để được làm để giúp đỡ với những thói quen tốt, để đưa người ta ra khỏi những ý định tiêu cực nhờ sự nhận biết cái hoàn thiện.

Theo hệ thống Mật thừa, có vô số biểu lộ gồm trong hai phương diện: hòa bình và hung dữ. Những biểu lộ đó phát sanh từ Pháp thân hay không gian trong sáng.

Theo Tâm Trí Huệ, phương diện hòa bình sanh khởi từ bản tánh vốn không bị che ám của tinh túy quang minh của những nguyên tố đất và nước, chúng không tách lìa nhau từ sơ thủy. Tinh túy trí huệ thanh tịnh này có phẩm tính trống trải vô biên không bị che ám.

Từ quan điểm của tâm bình thường, những nguyên tố đất và nước đều có những phẩm tính thấy được và sờ được, chúng là tượng trưng của hình tướng trong phương diện thô của tâm thức ấy. Dù vậy, đất và nước còn được những phẩm tính vô biên không bị che ám của không gian thấm nhuần. Bản chất của hình tướng bình thường là vô thường. Khi những nguyên tố thô tiêu giảm và hình tướng của chúng thoái hóa, luôn luôn có khổ đau. Bằng cách chuyển hóa những nguyên tố thô bên ngoài thành tinh túy quang minh thanh tịnh của chính chúng

vốn không thể hủy diệt được, khổ đau được gỡ bỏ. Điều này có thể học bằng cách thực hành nội hóa hình tướng quen thuộc của những hình ảnh thô bên ngoài do các giác quan tri giác và chỉ giữ lại tinh túy trong nhẹ của chúng trong tâm thức. Qua thực hành này, hình thức thô được chuyển hóa và tịnh hóa thành ánh sáng tăng trưởng giống như hiện tượng bốn tôn.

Hình tướng được nghệ sĩ Mật thừa diễn tả trong những phẩm tính đẹp đẽ của đối tượng tham muốn. Những phẩm tính ấy có hình thức tượng trưng của bốn tôn hòa bình và quyền rũ tiêu biểu điều mà chúng sanh mong muốn chạm đến bằng cách nắm lấy. Trong sanh tử, điều này có kết quả là lạc bình thường của tham muốn, nó luôn luôn là nguyên nhân của khổ đau bởi vì bản chất vô thường và dễ vỡ của nó. Nhưng khi đối tượng của tham muốn được tịnh hóa và chuyển hóa từ chất thô thành tinh túy thanh nhẹ và không thể chạm, đến được của những nguyên tố vi tế, tham muốn trở thành vô dục. Theo cách này, từ lòng bi, nghệ sĩ đã chỉ ra con đường đến lạc vô dục vượt khỏi hư hoại và khổ đau của sanh tử.

Theo Tâm Trí Huệ, phương diện hung dữ sanh khởi từ bản tánh vốn không bị che ám của tinh túy quang minh của những nguyên tố lửa và không khí thanh tịnh vốn không tách lìa nhau từ sơ thủy. Tinh túy trí huệ thanh tịnh này có phẩm tính của sự diễn tả trong sáng không bị che ám và không cần nỗ lực được tiêu biểu bằng âm thanh mà tinh túy là hài hòa và thanh nhẹ.

Từ quan điểm của tâm bình thường, cả hai nguyên tố lửa và

không khí đều có những phẩm tính tiêu biểu cho âm thanh trong dạng thô của nó. Dù vậy, chúng vẫn được những phẩm tính vô ngại và không thể chạm đến của âm thanh thanh tịnh thấm nhuần. Bản chất của âm thanh bình thường là vô thường, và vì vô thường, nó có khuynh hướng tiêu giảm đưa đến khổ đau.

Nói chung, cái đối trị của hung dữ là hòa bình như cái đối trị của lửa là nước. Nhưng có khi những người dữ dội không thể được tịnh hóa bằng những hình tướng hòa bình và cần những hình tướng hung dữ, như sắt chỉ bị bẻ vỡ bởi một kim loại cứng hơn như thép. Nghệ sĩ Mật thừa có thể cung cấp một đối trị cho những người ấy bằng cách diễn tả những phẩm tính vô ngại trong những hình ảnh, những âm thanh và hoạt động hung dữ. Giận dữ nương dựa vào ác cảm và tự động sanh khởi đáp ứng với những hình tướng khó chịu của nghệ thuật hung dữ. Hung dữ liên hệ với nguyên tố lửa mà tinh túy của nó là trong sáng. Sự trong sáng này có thể thiêu hủy những quan niệm bất tịnh nhiều loạn như rừng cháy thành những nguyên tố lửa và không khí thanh tịnh, những nguyên tố này không tách lìa nhau, hiển lộ sự trong sáng của trí huệ.

Theo giáo lý Đại thừa, nghệ thuật cao cả gỡ bỏ những chướng ngại bằng cách phá vỡ những truyền thống cũ xưa, chết cứng của sanh tử để làm ra không gian phi truyền thống của những bản tôn vô ngại bằng truyền thống thanh tịnh. Trong cách này nó sáng tạo vô số phẩm tính của hiện hữu phản ánh một cách trong sáng không gian bao la của Phật.

Những nghệ sĩ cao cả luôn luôn đem đến năng lượng cho

những người khác qua nghệ thuật của họ. Khi họ chết, họ không để lại nghệ thuật vật chất bất động bình thường như là một vật còn lại vô hồn, mà thần lực tâm linh thanh tịnh của họ vẫn sống trong nghệ thuật của họ cho lợi lạc của những người khác. Cho dù một chi tiết như nước hay một cái cây do một nghệ sĩ cao cả tạo ra cũng có thể giúp đỡ và ban phước cho những người nhìn thấy nó. Đó là điều Phật Thích Ca hàm ý khi ngài nói: “Ta lưu xuất vô số hình tướng khác nhau vì lợi lạc của tất cả chúng sanh.” Rất cuộc, chúng ta không thể phán xét ai là nghệ sĩ vĩ đại nhất. Bất cứ ai cho người khác năng lượng qua nghệ thuật của nó, ấy là một nghệ sĩ vĩ đại.

Một cách căn bản, cơ cấu hệ thống của nghệ sĩ là như nhau dù bình thường hay cao cả. Nghệ thuật đến từ những nguyên tố bên trong và được diễn tả ra bên ngoài cho mục đích là được hấp thu lại vào tâm thức bên trong để lại tăng thêm bên ngoài và như vậy trong một vòng tròn không dứt. Sự khác biệt giữa nghệ sĩ bình thường và cao cả nằm ở nơi quan điểm.

Đối với những người với một quan điểm bình thường, vòng tròn không dứt là vòng tròn của khổ đau trong sanh tử. Đối với những nghệ sĩ thấu hiểu quan điểm cao cả của trí huệ, năng lượng tâm linh thanh nhẹ chuyển động trong một vòng tròn không dứt của trí huệ, một mạn đà la của bốn tôn. Nó không cạn kiệt, không bao giờ vướng kẹt và không bao giờ bị che ám. Bởi vì năng lượng là thuần túy, bất cứ phương diện nào biểu lộ đều luôn luôn trong sáng. Nó là không dứt bởi vì sự sanh và chết của những chúng sanh không hề chấm dứt cho đến khi tất cả đều giác ngộ.

*Những sự vật kinh khủng không cùng của sanh tử*

*Những sự vật kỳ diệu của niết bàn*

*Đều do tâm vẽ ra.*

*Thế nên tâm là nghệ sĩ vĩ đại nhất*

*Vẽ nên những chân lý tương đối khác nhau*

*Với cây bút lông của quan niệm.*

*Nếu chúng ta không mê lầm*

*Bởi những màu sắc khác nhau của những nguyên tố tự nhiên khác nhau*

*Khi chúng xuất hiện trên tấm gương vô ngại của tâm,*

*Bấy giờ thiên nhiên luôn luôn là không gian trong sáng*

*Và không có mê mờ.*

*Những hiện tượng khác nhau, một hoàng tử trẻ*

*Được gả cho tánh không không thể sờ chạm,*

*Một công chúa uyển chuyển và bí mật,*

*Từ sự hợp nhất bất khả phân vui tươi*

*Nhiều thế hệ hiện tượng tăng trưởng*

*Trong một trò phô diễn liên tục*

*Cho sự nhẹ nhàng của những thân dân đáng thương của họ.*

**Người có thể ở lại một mình trong tâm vô nhiễm là Phật  
liên tục.**

**Nếu tôi cần một người bạn, bây giờ tôi phải tìm ra một  
người có thể thích hợp với tôi, có thể an ủi tôi, có thể là  
một chỗ nương tựa cho sự giác ngộ của tôi.**

**Nhưng chỉ một người khác thôi cũng có thể gây cho tôi  
bám luyến và ghét bỏ và giữa bám luyến và ghét bỏ luôn  
luôn có khổ đau.**

**Thế nên tốt hơn tôi cố gắng tự biệt lập như một con nai  
bị thương.**

**Hỡi đức Phật xin ngài luôn luôn ở trong lòng con.**



## BIỆT LẬP

Mọi chúng sanh đều có hạt giống biệt lập trong tâm họ. Dù chúng ta có thể không muốn đơn độc, từ ban đầu chúng ta sanh ra một mình và lúc cuối cùng chúng ta phải chết một mình, tách lìa với những người khác. Chúng ta trở nên biệt lập nếu những nguyên tố của những người quanh chúng ta không bổ sung cho những nguyên tố của chúng ta. Tâm thức chúng ta chứa cả những nguyên tố thanh tịnh và bất tịnh thường trực tăng hay giảm. Chúng ta trở nên biệt lập khi những nguyên tố vi tế thanh nhẹ thì dồi dào hơn những nguyên tố thô nặng bất tịnh, và những nguyên tố thô nặng bất tịnh không thể bổ sung năng lượng hay tìm được sự nương dựa vào những nguyên tố thô tương tự. Chúng ta trở nên biệt lập khi những nguyên tố thô nặng bất tịnh dồi dào hơn những nguyên tố vi tế thanh nhẹ, và những nguyên tố vi tế thanh nhẹ không thể bổ sung năng lượng hay tìm được sự nương dựa vào những nguyên tố vi tế tương tự.

Có sự biệt lập có chủ định và không có chủ định. Một số chúng sanh bình thường không có chủ định hung bạo trong đời này bị biệt lập mà không có chủ định đó bởi vì qua nghiệp quả của ý định hung bạo của những đời trước, họ sanh ra với những nguyên tố thô làm hại mà không bổ sung và năng lượng hung bạo khiến mọi người bỏ họ. Những con thú hoang dã giống như vậy. Những con thú khác bỏ chạy khỏi chúng hay nhóm họp lại để tiêu diệt chúng. Không có lợi ích gì đối với loại biệt lập này, nó vô nghĩa và rất buồn. Một cách tạm thời, nó chỉ đem lại khổ đau bởi vì năng lượng của những chúng sanh ấy không thể bổ túc cho những nguyên tố

của những chúng sanh khác, và một cách tối hậu nó chỉ đem lại khổ đau bởi vì không có chỗ nương dựa cho chúng để thay đổi và tiếp xúc với cái tích cực.

Những chúng sanh hung bạo chỉ có thể thay đổi bằng cách dựa vào sự giúp đỡ của những chúng sanh rất tốt và rất dịu dàng. Đôi khi, nếu chúng không đủ năng lực, những nguyên tố nhẹ của những chúng sanh hiền dịu có thể bị hại bởi những nguyên tố nặng nề của những chúng sanh hung bạo, theo cách một cây tươi non bị nước sôi đổ vào. Nhưng nếu nhờ kinh nghiệm trước kia, năng lượng nguyên tố thanh nhẹ của những chúng sanh hiền dịu mạnh hơn năng lượng hung bạo của nguyên tố nặng nề, chúng có thể nâng đỡ và làm ích lợi cho những chúng sanh hung bạo như da thuộc có thể làm mềm bằng bơ. Nếu chúng ta tiếp tục để lửa ở dưới nước, nó sôi lên và càng lúc càng hỗn loạn và khô đi, cuối cùng thì tan mất. Nhưng nếu chúng ta thêm nước lạnh vào, sự hỗn loạn lắng dần và nước không giảm mất. Thế thì rất cuộc, bất cứ phương pháp nào, những chúng sanh hung bạo phải chấp nhận năng lượng và sự giúp đỡ của những chúng sanh hiền dịu.

Một số chúng sanh bình thường bị biệt lập mà không có chủ định bởi vì những nguyên tố của họ không còn liên kết với những nguyên tố của người khác. Họ có thể bị tổn hại như một con vật bị thương và cần biệt lập để tự bảo vệ, hay họ đã già và không thể nối kết với những nguyên tố của những người khác bởi vì năng lượng của họ đã giảm sút và vĩ mệт mỗi, họ tự biệt lập để nghỉ ngơi.

Một số người biệt lập mà không có chủ định nhưng cao cả, như đức Phật. Bởi vì năng lượng của họ hoàn toàn thanh tịnh và trong nhẹ, những nguyên tố nặng nề bị ngăn ngại của những chúng sanh bình thường không thể bổ sung cho những phẩm tính bao la của họ. Họ biệt lập nói theo hiện tượng chung bình thường, nhưng theo hiện tượng cá nhân trí huệ của họ, thì không có quan niệm biệt lập hay không biệt lập. Vì lý do này Phật Thích Ca đã biệt lập với vương quốc của ngài bởi vì năng lượng bình thường của thần dân không thể bổ túc cho năng lượng cao cả của ngài.

Những người có trí huệ thường trở nên biệt lập kỳ dị bởi vì người thường không thể chấp nhận Tâm Trí Huệ của họ. Chỉ có những người tâm hồn cao cả mới có thể chấp nhận hiện tượng kỳ dị ấy mà đối với họ thì không kỳ dị. Chẳng hạn, trong khi người thông minh bình thường nói rằng chúng ta ăn ngũ cốc mọc trong đồng ruộng, thì người với trí huệ thông minh kỳ dị chỉ nói rằng chúng ta ăn đất. Những người kỳ dị có trí huệ sẽ mệt mỏi với những giải thích không cùng kiểu như, “Tôi cày ruộng, tôi gieo hạt, tôi chờ cây lớn lên, và khi chín tôi ăn.” Họ tổng hợp toàn thể tiến trình thành một tinh túy, “Tôi ăn đất.” Người bình thường thấy điều này có vẻ khờ dại bởi vì trí thông minh bình thường của họ không hiểu ngay tinh túy của sự vật được.

Nếu những người kỳ dị có trí huệ nói rằng cỏ là bơ, người bình thường trí hẹp nghĩ họ điên. Bởi vì những người kỳ dị có trí huệ thấy mọi nối kết giữa những nguyên tố có thể thấy và không thể thấy, họ muốn diễn tả cái đúng thật theo chân lý tương đối thật sự. Người với trí thông minh bình thường

cũng muốn nói điều đúng thật, nhưng họ không hiểu những nối kết này, thế nên đối với những người kỳ dị có trí huệ, họ chỉ chấp nhận chân lý tương đối đảo nghịch, nghĩ đó là chân lý tương đối thật sự. Bởi vì những người kỳ dị có trí huệ thấy rằng mọi chất thể thô đều hiện hữu nhờ sự liên kết của những nguyên tố bên ngoài và bên trong, họ biết rằng khi bò ăn cỏ nó sẽ cho sữa, và sữa làm thành bơ.

Một số người với trí thông minh bình thường cũng kỳ dị. Thường chúng ta không thích bày tỏ sự kỳ dị của chúng ta bởi vì chúng ta không muốn bị cô lập. Điều này không có nghĩa chúng ta muốn sống với người ta bởi vì chúng ta có lòng bi. Nó có nghĩa chúng ta sợ, chúng ta luôn luôn nương dựa vào những người khác và bởi vì chúng ta không có tự tin sống độc lập, chúng ta sợ tách riêng. Dù cho cái thấy của thiểu số là đúng, chúng ta vẫn bám giữ cái thấy của đa số vì sợ tách biệt.

Một lần nọ có một nhà vua hỏi chiêm tinh gia của ông tính cho tương lai của đất nước. Nhà chiêm tinh tiên đoán rằng trong một tuần nữa mưa sẽ rơi xuống làm nhiễm độc nước của toàn vùng, khiến ai uống cũng phát điên. Ông vua này là một người bình thường nên ông nghĩ trước hết và chỉ cho riêng mình. Để tự bảo vệ ông che cái giếng của ông lại nhưng không báo cho dân chúng biết. Một tuần sau mưa xuống và mọi người dân trở thành điên. Vì vua khác với mọi người nên họ bảo ông hoang tưởng. Dù những diễn tả của vua có đúng theo chân lý tương đối thật sự, nhưng vì dân chúng đã mê lầm, họ nghĩ rằng vua điên, mọi ý tưởng, hành động và lời nói của vua đều sai lầm. Bây giờ mọi thần dân điên của

ông cố gắng bỏ rơi ông, và nhà vua trở nên biệt lập và không có quyền lực. Nhưng ông quá sợ bị cô lập đến độ ông uống nước độc và kết hợp với tâm thức mê lầm điên cuồng của họ để theo chân lý tương đối đảo nghịch.

Người kỳ dị tin vào Tâm Trí Huệ của họ thì không sợ biệt lập và thường chủ động tự biệt lập mình. Nhiều người nghĩ rằng thực hành Pháp thì chúng ta phải được biệt lập. Dù nhiều vị thánh tạm thời sống đơn độc để thực hành Pháp, họ không làm như vậy để được đơn độc rốt ráo. Bên ngoài họ tự biệt lập với chủ định tăng thêm những nguyên tố thanh tịnh bao la đầy đủ ước nguyện ở bên trong của Tâm Trí Huệ với những phẩm tính không cùng nhưng chẳng bao giờ đơn độc.

*Biệt lập và mong manh như con giun đất, khi chúng ta sanh ra từ bụng mẹ, chúng ta không thể chuyển động tự do, chúng ta không thể hít thở tự do.*

*Biệt lập và đổ nát như một căn nhà lún sập, khi chúng ta thở hơi cuối cùng, chúng ta không thể chuyển động tự do, chúng ta không thể hít thở tự do.*

*Giữa sự sanh biệt lập và cái chết biệt lập, chúng ta cố gắng kết hợp với những người khác, nhưng luôn luôn chúng ta đơn độc lớn lao một cách vô nghĩa.*

*Khi còn trẻ nhỏ chúng ta biệt lập bởi vì chúng ta không thể nói với những người khác.*

*Khi bắt đầu nói, cha mẹ chúng ta dạy chúng ta nói “chào”, điều này cũng có nghĩa là họ đang dạy cho chúng ta nói*

“*tạm biệt*”.

*Khi chúng ta được dạy nói tạm biệt, điều này cũng có nghĩa là đi đến một nơi không chắc thực, nó có nghĩa là đơn độc.*

*Khi chúng ta gặp ai đó chúng ta nói “Anh thế nào”, điều này có nghĩa là một ngày nào chúng ta sẽ là người bệnh môi má tái xanh với nước mắt chảy trên khuôn mặt đáng thương, đơn độc trên giường.*

*Thật đáng buồn vì chúng ta còn chưa nhận biết rằng mọi sự tự nhiên đi đến biệt lập, đơn độc.*

*Khi chúng ta yêu chúng ta nói “Tôi yêu người”, điều này cũng có nghĩa là chúng ta sợ hãi, chúng ta không yêu.*

*Chúng ta đơn độc khi chúng ta nói “Tôi yêu người.” Chúng ta nói “Tôi yêu người” để trốn thoát sự đơn độc của chúng ta.*

*Khi chúng ta già với đôi mắt sưng và cái miệng phờ phạc, chúng ta biệt lập với người trẻ thờ ơ.*

*Từ vô thủy đến nay, mọi chúng sanh vô minh cố gắng đi tìm đồng bạn, nhưng chúng ta luôn luôn đơn độc một cách vô nghĩa bởi vì chúng ta không nghe theo lời khuyên của Bà Mẹ Cao Cả Tự Tánh Giác của chúng ta.*

*Dù chúng ta đơn độc, không có nghĩa gì cho sự đơn độc ấy, như một con nai bị thương tạm thời tách biệt với bầy đàn để tự bảo vệ đối với những thợ săn hung bạo và bởi vì*

*nó không biết cuối cùng phải đi đâu.*

*Từ cảm giác đơn độc, chúng ta càng tạo thêm đơn độc.*

*Nếu chúng ta sợ đơn độc, nếu chúng ta không muốn bị biệt lập, chúng ta phải đi vào đơn độc như những người xưa cao cả.*

*Phật Thích Ca đã bỏ vương quốc và những đồng bạn trẻ trung để đi vào đơn độc dưới gốc cây Bồ đề áo quần cũ nát. Nhưng đại định đơn độc của ngài là có ý nghĩa, bởi vì để an ủi chúng sanh từ đại định trí huệ của mình, ngài tìm thấy đồng bạn chư Phật toàn giác luôn luôn mỉm cười từ mười phương thế giới.*

*Padmasambhava đã ra khỏi cung điện Odiyana để đi vào đơn độc trong nhiều hang động. Những sự đơn độc chứng ngộ của ngài là ý nghĩa bởi vì để giúp đỡ chúng sanh từ trí huệ mình, ngài đã tìm thấy đồng bạn những Dakini Trí Huệ nhảy múa khắp vũ trụ.*

*Milarepa đã bị chú và cô phản bội, ghét bỏ và đi vào đơn độc trong một cái hang suốt cả cuộc đời. Nhưng sự đơn độc Đại Án của ngài là ý nghĩa, bởi vì để làm lợi lạc chúng sanh từ những bài ca chứng ngộ của mình, ngài tìm thấy khuôn mặt thật hữu của Pháp thân ở khắp mọi nơi.*

*Longchenpa đã bỏ sanh tử bất tịnh để đi vào đơn độc với một cái bao cũ nát trong núi tuyết để thấy niết bàn thanh tịnh. Nhưng sự đơn độc Đại Toàn Thiện này là ý nghĩa, bởi vì để ban cho chúng sanh giáo lý viên ngọc vô giá từ Tâm*

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

*Trí Huệ Trong Sáng Như Bầu Trời của mình, ngài tìm thấy  
trọn vẹn sự phô diễn bình thản của vô số vì sao vượt khỏi  
sự chấp nhận hay chối bỏ, tịnh hay bất tịnh.*



**Người ông chánh niệm của tôi phải canh chừng thường xuyên đứa con nít hư hỏng của tâm thức mê lầm để ngăn ngừa cho nó khỏi tai họa.**

Nhiều vị thánh đã nói, nếu bạn muốn thực hành thực hành, bạn phải luôn luôn ở trong một chỗ cho đến khi bạn đạt đến giác ngộ. Nhưng dù tôi có ở trong một chỗ như các ngài đã nói, thì tâm thức phóng dật vọng tưởng của tôi cũng bay khắp mười phương. Tôi nghĩ có thể những vị thánh phán xét từ kinh nghiệm riêng của các vị theo khả năng riêng của các vị, bởi vì đối với tôi không ăn nhằm gì nếu tôi không thể như con ó bản ngã của tôi vào cái bẫy chánh định qua tập trung. Thế nên tốt hơn tôi bay trong mười phương cho dù tôi mất tục lệ xã hội và người ta gọi tôi là không mục đích.

Nhiều vị thánh đã nói, nếu bạn thực sự muốn thực hành, bạn phải luôn luôn lang thang trong những nơi chốn không xác định. Nhưng dù tôi có lang thang như các ngài đã nói thì tâm thức phóng dật phóng tưởng của tôi cũng cạn kiệt trong mười phương. Tôi nghĩ có thể những vị thánh nói từ kinh nghiệm riêng của các vị theo khả năng riêng của các vị, bởi vì đối với tôi không ăn nhằm gì nếu tôi không thể thuần hóa con ngựa bản ngã của tôi vào trong chánh định kiên cố. Thế nên tốt hơn tôi ở yên trong một chỗ cho dù tôi mất tục lệ rong chơi và người ta gọi tôi là điên.

## THỰC HÀNH THIỀN ĐỊNH

Thay vì thực sự thực hành Pháp, chúng ta thường chỉ nói về thực hành Pháp. Chúng ta càng nói mà không thực hành, chúng ta càng mất năng lượng trong lời nói và thế nên quan điểm của chúng ta càng mất. Theo con đường Phật giáo, nếu chúng ta là những người thực hành chân thật, thì dù chúng ta cầu nguyện, cúng dường, thực hành yoga, thiền định hay quán tưởng, cốt lõi luôn luôn là quan điểm xác quyết và không che ám. Tốt nhất là nhớ rằng, đối với những người thực hành, quan điểm thì vượt khỏi diễn tả.

Một lần có một đàn sếu bay về nam. Con đầu đàn nói với chúng, “Chớ gây ra tiếng nếu không chúng ta sẽ bị người ta giết.” Thế rồi tất cả những con sếu bắt đầu nói, “Chớ gây ra tiếng! Chớ gây ra tiếng! Chớ gây ra tiếng!” cho đến khi bầu trời không còn im lặng nữa. Cho dù không cần dùng lời để diễn tả sự chúng ngộ của chúng ta, lời nói vẫn đến càng lúc càng nhiều để diễn tả tâm không thể diễn tả được của chúng ta.

Những thực tập thở của yoga bên trong sử dụng năm nguyên tố vốn ở trong không khí, bằng cách tịnh hóa những nguyên tố thô thành những nguyên tố vi tế tự nhiên và rồi thành tinh túy bí mật của những nguyên tố. Không khí đất, không khí nước, không khí lửa, không khí gió và không khí không gian có thể được những người thực hành yoga bên trong sử dụng khi họ không muốn dựa vào thuốc như là những đối trị cho bệnh của họ. Một yogi có thể tịnh hóa những nguyên tố không khí đất bất tịnh và hư cũ của mình bằng cách quán

tướng và hít vào không khí lửa thanh tịnh màu đỏ. Người ấy có thể tịnh hóa những nguyên tố không khí không trong sáng bằng cách quán tưởng và hít vào không khí gió thanh tịnh màu lục. Người ấy có thể tịnh hóa những nguyên tố không gian bất tịnh lơ lờ bằng cách quán tưởng và hít vào không khí không gian thanh tịnh trong sáng màu xanh.

Những thực tập yoga có thể ích lợi cho một người với một thân thể không cân đối và bất tiện. Bởi vì những nguyên tố thô nặng và thấy được có nguồn là những nguyên tố vi tế, nhẹ và không thể thấy, người tin và dựa vào những nguyên tố vi tế ấy có thể có được một thân thể cân đối, thuận tiện trong đời hiện tại này. Khi người thực hành yoga tịnh hóa những nguyên tố thô, những nguyên tố nhẹ trong thân thể y trở nên có thể thấy được. Nhưng nếu y chỉ tin vào những nguyên tố thô và tế của thân thể mình nhưng không tin vào tinh túy bí mật bao la tỏa thấm khắp nơi, quan điểm của y bị giới hạn, và bởi vì sự lợi ích của thực tập bị giới hạn nơi thân thể, y không bao giờ có thể đạt được Thân Trí Huệ Bốn Tôn.

Dù không tin tiềm năng trí huệ bí mật của những nguyên tố, bằng cách làm cho thân thể nhẹ hơn, một số những người tập yoga chứng tỏ rằng họ có thể tìm thấy những nguyên tố vi tế trong những nguyên tố thô. Bằng những hoạt động của mình, họ tự động phát lộ sức bền bỉ và những khả năng sinh khí ngủ ngầm bên trong, chúng sanh khởi từ bản tánh của những nguyên tố. Hoàn thiện thân thể bằng những nguyên tố thanh nhẹ, họ biểu diễn và đua tranh với những thân thể có nguyên tố thanh nhẹ khác trước những khán giả có những nguyên tố thô và được thưởng những huy chương nguyên tố thô với ý

nghĩa “cảm ơn rất nhiều đã để cho tôi thấy những nguyên tố thanh nhẹ của anh”.

Những người thực hành Phật giáo tin vào hiện tượng bốn tôn thì hiểu rằng bốn tôn không thể thấy được, thanh nhẹ, không bị ngăn ngại và có thể xuất hiện một cách thần diệu bất cứ đâu bởi vì bốn tôn tỏa thắm khắp nơi. Vì vậy, họ biết tiềm năng trí huệ bí mật của những nguyên tố trong chính thân thể họ và thực hành với quán tưởng, sadhana và ấn. Họ quán tưởng hiện tượng tinh túy thanh tịnh của bốn tôn để hàng phục những nguyên tố thô bất tịnh của họ và để cho phép tinh túy bí mật của những nguyên tố của họ biểu lộ. Như một kết quả, thân thể trong đời này của họ trở nên cân đối và tiện lợi, và thân thể đời sau trở thành Thân Thể Trí Huệ Bốn Tôn. Những người thực hành này không có huy chương nguyên tố thô do một nhóm khán giả nguyên tố thô trao cho. Phần thưởng duy nhất của họ là ngợi khen từ trí huệ và họ được rải hoa làm bằng ánh sáng từ chư Phật, chư Bồ tát, thánh hiền bởi vì hiện tượng Bốn Tôn Trí Huệ của họ đi đến khắp nơi không chướng ngại vì lợi lạc cho mọi người.

Dĩ nhiên, nếu chúng ta muốn, hợp với hiện tượng cá nhân và khả năng cá nhân của chúng ta, chúng ta có thể chọn bất kỳ hệ thống hay truyền thống thực hành nào đang có trong hiện tượng chung. Trong những hệ thống đó, một số truyền thống và bản văn có một quan điểm tượng trưng, dạy sự quán tưởng màu sắc, hình tướng, dấu hiệu và biểu tượng. Mục tiêu đích thực của quan điểm tượng trưng này là làm phát lộ qua phương tiện thiện xảo tinh túy trong sự phô diễn trí huệ của bốn tôn. Bây giờ cho dù chúng ta đang cầm cây gậy để bước

đi trong tay, thì nó có thể trở thành cây kiếm trí huệ. Cho dù chúng ta không cầm gì cả trong tay, vẫn có đó một cây kiếm trí huệ tự nhiên cắt đứt mạng lưới dư thừa của những quan niệm tâm thần mâu thuẫn của tâm thức nhị nguyên mê lầm.

Trong sanh tử, một dụng cụ không thể thâm nhập mọi chỗ. Những nguyên tố thô là những chướng ngại cho những dụng cụ khác nhau, thế nên đức Phật biểu lộ nhiều dụng cụ hay biểu tượng, không chỉ một cây kiếm hay một biểu tượng mà những cây kiếm không giới hạn. Chúng ta làm ra một giới hạn nếu chúng ta hoàn toàn tin vào một sadhana nào đó, một cây dao cầm được nào đó, một bình có thể vỡ nào đó. Nhưng trí huệ thì không bao giờ bị giới hạn. Chúng ta dùng một số sadhana và bản văn đặc biệt nào đó để chứng ngộ sự hiện bày phổ diễn không giới hạn và không chướng ngại của trí huệ. Nếu chúng ta không dùng những vũ khí trí huệ sẵn có của mình, chúng ta phải dựa vào những vũ khí tượng trưng để tiêu diệt những chướng ngại. Nhưng những vũ khí tượng trưng thì bị giới hạn. Nếu chúng ta chứng ngộ vũ khí trí huệ sẵn có của mình, chúng ta không cần dùng những phương tiện nguyên tố thô để thâm nhập vào mọi chỗ.

Tổng quát, người Phật giáo thực hành để hàng phục tâm thức họ. Họ thiền định để tịnh hóa những nguyên tố thô nặng thành những nguyên tố tế nhẹ và rồi thành tinh túy bí mật thanh tịnh của chúng, chứ không phải ở yên trong không gian trống rỗng vô ký. Qua thiền định, những người Phật giáo muốn biết Tâm Tánh Giác Trí Huệ, nó có những phẩm tính thanh tịnh, trong nhẹ và vô ngại.

Trên con đường thiền định chúng ta có thể kinh nghiệm lạc trong thân chúng ta. Kinh nghiệm lạc này chủ yếu là một sự hòa lẫn của lạc và tham dục có năng lượng tiềm năng của nguyên tố nước. Nếu chúng ta trở nên bám luyến vào kinh nghiệm lạc, chúng ta sẽ tái sinh vào cõi của chư thiên sắc tướng tham dục. Tuy nhiên, sự bám luyến vào sắc tướng này của tâm thức bị che ám thì có năng lượng cứng đặc tiềm ẩn trong nguyên tố đất. Nếu chúng ta không bám luyến vào kinh nghiệm lạc mà tiếp tục dùng nó như một nâng đỡ cho việc đạt đến Thân Trí Huệ Bất Hoại, những nguyên tố đất và nước trở nên càng lúc càng nhẹ và càng thanh tịnh và sắc tướng của chúng ta tạm thời nhẹ hơn, tượng trưng cho tiềm năng của lạc bên trong tăng thêm. Chúng ta kinh nghiệm thần lực thanh tịnh tự nhiên qua cái lạc này và bằng thần lực của sắc tướng thanh nhẹ của chúng ta, những nguyên tố tham dục bất tịnh xung đột của chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh cõi trời, được tịnh hóa và chúng được tự động đưa về một trạng thái của Quang Minh Tánh Không Phúc Lạc. Dần dần khi sự phân chia giữa những nguyên tố đất và nước biến mất, chúng ta có kinh nghiệm lạc không có bám luyến.

Trên con đường thiền định chúng ta có thể kinh nghiệm sáng tỏ trong ngữ chúng ta. Kinh nghiệm sáng tỏ này chủ yếu là một sự hòa lẫn của sáng tỏ và tức giận có năng lượng tiềm năng của nguyên tố lửa. Nếu chúng ta trở nên bám luyến vào kinh nghiệm sáng tỏ, chúng ta sẽ tái sinh trong cõi của chư thiên sắc tướng sáng tỏ. Sự bám luyến vào sáng tỏ của tâm bị che ám này có năng lực linh hoạt tiềm ẩn của nguyên tố không khí. Tuy nhiên, nếu chúng ta không bám luyến vào kinh nghiệm sáng tỏ, mà tiếp tục dùng nó như một nâng đỡ

cho việc đạt đến Ngũ Trí Huệ Vô Tham, những nguyên tố lửa và không khí trở nên càng lúc càng nhẹ và càng thanh tịnh và ngũ của chúng ta tạm thời du dương hơn, tượng trưng cho tiềm năng của sáng tỏ bên trong tăng thêm. Chúng ta kinh nghiệm thần lực thanh tịnh tự nhiên qua cái sáng tỏ này và bằng thần lực của ngũ du dương của chúng ta, những nguyên tố tức giận bất tịnh xung đột của chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh cõi trời, được tịnh hóa và chúng được tự động đưa về một trạng thái Quang Minh Tánh Không Vô Nhiễm. Dần dần khi sự phân chia giữa những nguyên tố lửa và không khí biến mất, chúng ta có kinh nghiệm sáng tỏ không có bám luyến.

Trên con đường thiền định chúng ta có thể kinh nghiệm cái không trong tâm chúng ta. Kinh nghiệm cái không này chủ yếu là một sự hòa lẫn của cái không và vô minh (si) có năng lượng tiềm năng của nguyên tố không gian. Nếu chúng ta trở nên bám luyến vào kinh nghiệm cái không này, chúng ta sẽ tái sanh vào cõi của chư thiên vô sắc. Tuy nhiên, nếu chúng ta không bám luyến vào kinh nghiệm cái không, mà tiếp tục dùng nó như một nâng đỡ cho việc đạt đến Tâm Trí Huệ Tự Giác, nguyên tố không gian trở nên càng lúc càng nhẹ và càng thanh tịnh và tâm chúng ta tạm thời trở nên cao cả, tượng trưng cho tiềm năng của cái không bên trong tăng thêm. Chúng ta kinh nghiệm thần lực thanh tịnh tự nhiên qua không gian cao cả này, và bằng thần lực của tâm vô sanh cao cả, những nguyên tố vô minh bất tịnh xung đột của chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh cõi trời, được tịnh hóa và chúng được tự động đưa về một trạng thái Tánh Không Tánh Giác Không Mê Lầm. Dần dần khi sự phân chia giữa những



nguyên tố không gian bên trong và bên ngoài biến mất, chúng ta có kinh nghiệm tánh Không không có bám luyến.

Trong năng lượng của những nguyên tố, có những quan niệm thô và tế. Những quan niệm thô liên hệ với những nguyên tố thô, nặng và những quan niệm tế liên hệ với những nguyên tố tế, nhẹ. Nói chung, khi thiền định, chúng ta trông coi tâm thức của chúng ta và có thể trực tiếp nhận biết những quan niệm thô qua những cảm nhận hay phiền não ngay khi chúng sanh khởi. Bằng cách nhận biết những quan niệm thô này, chúng ta có thể giải thoát khỏi chúng. Trong thiền định khi chúng ta nghĩ chúng ta ít những quan niệm hơn thì đó thường là những quan niệm thô đang giảm bớt trong khi dòng ngầm những cái tế tiếp tục chuyển động mà không nhận ra, giống như hoạt động vi tế của những dòng nước dưới mặt nước phẳng lặng của một hồ đầy bèo. Bởi vì rất khó nhận biết, hoạt động vi tế của tâm thức luôn luôn là nguy hiểm và hạt giống của những phiền não sẽ sanh ra những hiện tượng thô. Để tịnh hóa những quan niệm nguyên tố vi tế này, những người bắt đầu thực hành phải dựa vào tâm ghi nhớ hay chánh niệm.

Theo những giáo lý khác nhau, mọi loại chánh niệm có thể được gồm trong chánh niệm của tri giác và chánh niệm của pháp tánh. Chúng ta dựa vào chánh niệm của tri giác cho đến khi chúng ta đạt đến chánh niệm của pháp tánh. Pháp tánh là tính cách căn bản, tự nhiên của những hiện tượng, cội nguồn của thanh tịnh trong những nguyên tố, tự tánh không bị điều kiện hóa của tâm. Chánh niệm của pháp tánh là không cố gắng và không dựa vào tập trung bởi vì nó hoàn toàn tự nhiên. Chánh niệm của tri giác dựa trên sự trông coi tâm với

tập trung trong khi thiền định.

Loại tri giác này không giống tri giác bình thường vẫn tập trung vào những đối tượng bên ngoài và bám vào chúng; thay vào đó, nó tập trung vào chủ thể qua những giác quan hay những tình huống. Tập trung hay tri giác với chánh niệm có lợi lạc tạm thời là duy trì một tâm bình an và ổn định, không dễ dàng bị cuốn vào một cách ngu xuẩn bởi những đối tượng.

Lợi lạc tối hậu của chánh niệm là nối kết những nguyên tố bất tịnh, bị điều kiện hóa của tâm với chánh niệm không bị điều kiện hóa của pháp tánh và chưa từng tách lìa với tánh giác tinh túy bí mật tự nhiên. Thế nên, cho đến khi chúng ta có xác tín về chánh niệm của pháp tánh, chúng ta phải luôn luôn nương dựa vào chánh niệm của tri giác.

Dĩ nhiên chánh niệm là quan trọng nhất trong thực hành, nhưng nó cũng cần thiết trong công việc thế gian. Không có chánh niệm thì không có gì có thể hoàn thành; chúng ta sai thời, mất ý nghĩa của lời nói, tính sai mọi thứ và luôn luôn trượt mục tiêu.

Theo những bản văn khác nhau, đối với những khả năng khác nhau, có nhiều phương pháp để giải thoát những quan niệm bằng chánh niệm. Thường thường thiền giả trông coi những quan niệm, khảo sát chúng đến từ đâu, đi đâu và dừng ở đâu. Điều này tốt cho thiền giả sơ cơ, nhưng không tốt nếu luôn luôn khảo sát. Bởi vì tâm thì vô ngại, những quan niệm cứ sanh khởi liên tục. Do thường xuyên khảo sát chúng, chúng ta không hề thư giãn và chỉ tạo ra những quan niệm mới. Sau khi làm tan biến những quan niệm qua khảo sát chúng, chúng

lại sanh khởi, làm cho tiến trình khảo sát phải kiệt lực. Giữa quan niệm đối trị của khảo sát và đối tượng của quan niệm đối trị, tâm không bao giờ an bình, cho dù tư thế của thân có vẻ ngồi nghỉ.

Nếu tâm bình thường không bao giờ an, chúng ta không thể thấy chân tâm tự nhiên của chúng ta. Một số tâm có hoạt động vi tế hơn những người khác, dù trên bề mặt chúng có vẻ an bình. Để làm an sự hoạt động vi tế này, điều quan trọng nhất khi thiền định là cố gắng thư giãn tâm. Nhưng khi thiền giả sơ cơ cố gắng thư giãn, thì nhiều quan niệm hơn hình như sanh khởi lên. Chúng ta hy vọng tâm được an bình hơn, thế nên khi nhiều quan niệm sanh khởi, chúng ta trở nên nản lòng với thiền định.

Loại thiền giả sơ cơ này nản lòng do tham hay si (vô minh) đã thành thói quen chất thể trong hệ thống nghiệp. Tham đến từ việc luôn luôn liên hệ với chất thể nguyên tố thô sờ nắm được, nên khi chúng ta thiền định, chúng ta theo thói quen này bằng cách muốn sờ chạm và dùng những quan niệm một cách dễ dàng. Những tính toán của chúng ta đặt nền trên những thói quen máy móc. Điều này đặc biệt đúng trong một xứ sở mạnh mẽ giàu có về vật chất và người dân có một đời sống kỹ thuật dễ dàng từ nhỏ. Với những người trong chúng ta lớn lên với thói quen máy móc này, khó mà làm cho tâm chúng ta an bình tức khắc. Bởi vì chúng ta cố gắng hiểu những nguyên tố thanh nhẹ không chất thể bằng những quan niệm thuộc về chất thể, chúng ta không thể giải phóng những quan niệm này và chúng ta sớm từ bỏ thiền định. Hệ thống nghiệp giải thích rằng trải qua vô số đời trong sanh tử chúng

ta đã tạo ra vô số thói quen và quan niệm, chúng đã che ám Tâm Trí Huệ bí mật tự nhiên của chúng ta. Thế nên trong đời này, dù nếu chúng ta cố gắng thiền định, vô số quan niệm từ vô số đời trước ngủ yên nay sanh khởi và nhiễu loạn sự thiền định. Bây giờ chúng ta rất chán nản bởi vì trong chốc lát chúng ta không xua tan những quan niệm của vô số đời trước được.

Chúng ta cần thiền định liên tục mà không sót ruột và không đần độn bướng bỉnh, với sự hướng dẫn của một vị thầy trí tuệ hay một bạn đạo bi mẫn có năng lực trí tuệ tự nhiên và kinh nghiệm về những phẩm tính tâm linh cao cả. Chúng ta phải thiền định với phương tiện thiện xảo bằng cách không hy vọng giải thoát những quan niệm của chúng ta ngay tức khắc hay đạt đến giác ngộ ngay tức khắc. Cũng không cần hy vọng một ngày xa xôi nào trong tương lai, nhờ kiên nhẫn hay thông minh trong thiền định, chúng ta đạt được giác ngộ. Chúng ta phải không tính toán tương lai hay thời gian tức thời trong thiền định của chúng ta. Mong mỏi này chỉ làm chúng ta cuồng loạn. Nếu chúng ta mong mỏi giác ngộ ngay bây giờ, bây giờ giác ngộ càng lúc càng xa hơn. Những tính toán này tạo ra khoảng cách, thời gian và những biên giới.

Nếu chúng ta thực muốn là những thiền giả cao cả, chúng ta không nên đặt định một thời gian cho thiền định của mình như cách những thiền giả đời nay. Chúng ta không nên tính giờ hay phút vì thời gian giới hạn sẽ làm ra thiền định giới hạn. Cái tâm tính toán bằng những nguyên tố thô và tế không thể giải phóng chính nó vào tinh túy bí mật, cao cả, vô hạn của những nguyên tố nếu chúng ta bị hạn cuộc bởi thời gian

chính xác. Nếu tâm chúng ta bị hạn cuộc bởi cái gì, nó không bao giờ có thể bao la. Nếu chúng ta luôn luôn bị mắc bẫy và giới hạn bởi thời gian, nơi chốn và phương hướng, làm thế nào chúng ta có sự xác tín vào Tâm Trí Huệ? Làm thế nào chúng ta hiểu những khả năng của người khác và làm lợi lạc cho họ? Làm sao chúng ta có thể giúp đỡ tâm giới hạn với một tâm thiên định giới hạn?

Một dòng sông chảy mãi không bao giờ giảm sút bất kể nó được dùng bao nhiêu bởi vì nó luôn luôn được làm đầy lại bằng nguồn sâu thẳm của nó. Dù có vẻ giống như dòng sông bất tận, một dòng sông chảy từ một nguồn chứa nhân tạo không có nguồn sâu xa và có lúc bị cạn kiệt. Nếu chúng ta nương dựa vào tinh túy bí mật của những nguyên tố của chúng ta, năng lượng của chúng ta sẽ chảy không dứt như dòng sông bất tận. Nếu chúng ta nương dựa vào những nguyên tố thô và tế mà không nhận biết tinh túy bí mật của chúng, năng lượng của chúng ta sẽ cạn và nhanh chóng hết như nguồn chứa nhân tạo. Dù chúng ta nghĩ chúng ta đang giúp đỡ những người khác bằng trí thông minh nguyên tố thô, nếu chúng ta không có xác tín trí huệ, sự giúp đỡ của chúng ta chỉ cạn cợt và tạm thời.

Thiên định cần thiết để mở những kinh mạch cho sự lưu thông của không khí. Tâm thức nương dựa vào điều này. Nếu thiên giả sơ cơ có tư thế cân bằng, bây giờ những kinh mạch và dây thần kinh thẳng và mở, khí lưu thông không bị trở ngại, và tâm trở nên quân bình. Nếu chúng ta muốn tư thế có lợi ích, chúng ta phải không chỉ tập trung vào tư thế của thân, mà còn vào tư thế của tâm. Tâm là một tâm. Khi thiên

định chúng ta phải không tập trung vào một đối tượng hay tìm kiếm một chủ đề. Chúng ta cần không có tâm thói quen trí óc hiện đại và chúng ta cần không có một tâm thói quen tầm lòng cổ điển. Chúng ta chỉ cần thư giãn và tách mình khỏi năm uẩn và ở lại trong tâm bất nhị.

Tính cách căn bản của thiên định là tự do khỏi những tính cách căn bản của mỗi một cái trong năm uẩn. Tính hủy hoại hay tính tiếp nhận là tính cách căn bản của sắc uẩn mà nguyên tố rõ ràng và thô của nó là đất. Gom góp, trải nghiệm hay chuyển động của tham là tính cách căn bản của thọ uẩn mà nguyên tố rõ ràng và thô của nó là nước. Chín muối, hiểu hay theo đuổi theo đối tượng là tính cách căn bản của tưởng uẩn mà nguyên tố rõ ràng và thô của nó là lửa. Những hoạt động tăng lên và những khuynh hướng tích tập là tính cách căn bản của hành uẩn mà nguyên tố rõ ràng và thô của nó là không khí. Tri giác và tạo nên đối tượng là tính cách căn bản của thức uẩn mà nguyên tố rõ ràng và thô của nó là không gian.

Theo hệ thống Đại thừa, đặc biệt là thiên định của Trung Đạo, những thực hành cố gắng thiên định chủ yếu về tánh không vốn thoát khỏi mọi hoạt động tâm thức. Mọi hoạt động tâm thức có thể gồm trong năm uẩn. Khi nào chúng ta thoát khỏi năm uẩn, chúng ta nhận nhận biết Tâm Trong Sáng Như Hư Không của chúng ta.

Từ sơ thủy, tánh không vô hạn vĩ đại vốn có sẵn trong tánh không hữu hạn của con đường của người thực hành. Nếu trong đời này chúng ta thiên định vào tánh không vĩ đại (đại không), dần dần cả hiện tượng ban ngày và hiện tượng giấc

mộng của chúng ta biến mất và trở thành một, thế nên không còn khoảng giữa (tức trung âm) nữa. Thế rồi vào lúc chết khi chúng ta tách lìa khỏi thân nghiệp báo của chúng ta, hiện tượng quan niệm của đời kế tiếp không có nữa, chỉ có không gian trong sáng. Cùng cách như vậy, không gian bên trong một cái bình không khác với không gian bên ngoài cái bình. Khi chúng ta phá vỡ bình, không gian của bình không mất bởi vì không gian của bình là một với tất cả không gian. Chỉ những nguyên tố chất thể của cái bình làm cho nó có hình tướng khác biệt. Nếu chúng ta có sự xác tín, thì không có nữa tánh không của con đường, mà chỉ có kết quả của nó là tánh không vĩ đại vô nhiễm, không tách biệt khỏi tánh không nền tảng.

Theo hệ thống Mật Thừa Tổng Quát, những người thực hành cố gắng chủ yếu thiền định về quang minh (tịnh quang). Dựa vào sadhana hay sự thực hành về bốn tôn, qua quán tưởng họ cố gắng chuyển hóa năm uẩn thô và bất tịnh thành năm uẩn trí huệ thanh tịnh, năm bộ Phật hay Bốn tôn. Tinh túy của quang minh là không gian trong sáng, thế nên bốn tôn và phối ngẫu không gian trong sáng của ngài luôn luôn không thể tách lìa.

Từ sơ thủy, tâm quang minh nền tảng vô hạn vốn có sẵn trong quang minh hữu hạn của con đường của người thực hành. Nếu trong đời này sự thực hành thiền định của chúng ta mạnh và liên tục, bấy giờ quang minh của hiện tượng mộng của chúng ta và quang minh của hiện tượng thức của chúng ta thì liên tục như mặt trời lặn thì mặt trăng lên. Khi chúng ta tách lìa khỏi thân nghiệp báo hiện thời, quang minh của con

đường của chúng ta giống như một đứa con nhận biết bà mẹ quang minh nền tảng vô hạn của nó và nối kết với bà. Nếu chúng ta có xác tín vào lúc chết, thói quen thời gian đi mất, thói quen nơi chốn đi mất, thói quen phân chia đi mất và thói quen con đường đi mất. Bây giờ không còn quang minh con đường nữa, chỉ có kết quả của nó là quang minh không gian trong sáng, thanh tịnh, vô ngại, không tách biệt với quang minh nền tảng.

Theo hệ thống Đại Toàn Thiện, từ sơ thủy tâm chúng ta vốn thanh tịnh, tự do và quang minh, thế nên không có sự phân chia giữa những nguyên tố thô bên ngoài của năm uẩn và những nguyên tố tế bên trong của năm uẩn. Người thực hành chỉ cần nghỉ ngơi trong sự thanh tịnh tự-bí mật, tỏa thắm khắp, sâu thẳm và tươi mới, vượt khỏi những ngôn ngữ và quan niệm che ám, sử dụng Tâm Trí Huệ là không gian quang minh trong sáng vô nhiễm.

Thường thường, khi chúng ta kinh nghiệm không gian trong sáng trong thiền định của chúng ta, chúng ta bám vào nó hơn nữa. Bây giờ không gian trong sáng biến mất. Nếu chúng ta thấy không gian trong sáng vượt khỏi lờ mờ vô ký khi chúng ta thiền định, chúng ta phải chớ bám vào cái trong sáng ấy, cho là thiền định của chúng ta rất tốt đẹp. Chúng ta phải chỉ thư giãn và nghỉ ngơi với tâm không gian trong sáng này để vào lần tới khi thiền định chúng ta nối kết dễ dàng với tánh trong sáng. Nếu chúng ta ngưng thiền định giữa những tư tưởng náo loạn nắm bắt, thì khi chúng ta bắt đầu lại, chúng ta kết nối lại với bám nắm và náo loạn và không thể thư giãn. Thực hành quan trọng nhất là thư giãn, buông thả trong thiền



định mà không bám nắm. Nếu những quan niệm nguyên tố thô sanh khởi, chúng ta chớ đuổi theo những quan niệm này để khảo sát chúng.

Nếu chúng ta là những thiền giả kinh nghiệm, khi tâm chánh niệm nhận biết những quan niệm nguyên tố thô, chúng ta chỉ phải ở trong chánh niệm. Theo bản văn Đại Toàn Thiện, nếu chúng ta đuổi theo những quan niệm, thì sự nhiều quan niệm hơn sẽ sanh khởi tạo ra thêm nhiều rối rắm và phức tạp, và chúng ta giống như con chó khờ khạo đuổi theo mỗi cục đá thay vì tập trung vào người liệng đá. Nếu chúng ta chỉ ở trong chánh niệm, chúng ta giống như con sư tử vồ người liệng đá thay vì chạy theo hòn đá.

Khi chúng ta trở nên kinh nghiệm hơn nữa, chúng ta có thể nhận biết những quan niệm của mình ngay khi chúng sanh khởi như thể chúng ta nhận biết một người quen ngoài đường phố mà không cần giới thiệu. Bằng sự nhận biết này, chúng ta có thể giải thoát những quan niệm của chúng ta vào tánh trong sáng. Nếu chúng ta thiền định liên tục, tâm chánh niệm của chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn tâm của thiền giả sơ cơ và không phải dựa vào một phương pháp hay một đối trị đặc biệt nào để giải thoát những quan niệm của chúng ta. Giống như một con rắn mà những nút của nó tự mở ra không cố gắng, hay giống như viết trên nước bằng ngón tay của bạn. Khi bạn viết, chữ viết sẽ tan biến ngay.

Nếu qua kinh nghiệm của chúng ta, chúng ta có thể thiền định liên tục, mọi quan niệm chỉ sanh khởi như trò chơi phô diễn. Chúng ta không có quan niệm rằng cái sanh khởi có

phải là hay không là một quan niệm. Chúng ta không sợ mất cái gì cả. Mọi sự là thiên định không có chủ ý. Bất cứ quan niệm nào sanh khởi, không còn quan niệm từ chối hay chấp nhận nữa. Không còn mong lợi lạc. Đó giống như một tên trộm vào một căn nhà trống.

Tất cả thiên định Phật giáo có thể gồm trong hai phạm trù: Samatha (thiền định) và Vipasyana (thiền quán). Theo hệ thống Tiểu thừa, trước hết, với sự chán nản mệt mỏi sanh tử, tâm thiền giả trở nên rất an bình. Đây là thiền Samatha, khi tâm không hề chao đảo vì những phiền não, như một đại dương yên tĩnh không sóng. Từ tâm yên lặng này, thiền giả có thể dần dần thấy bản chất vô ngã, đây là thiền Vipasyana, để đạt đến cấp độ A La Hán, bậc tận diệt những phiền não kẻ thù.

Theo hệ thống Đại thừa, khi thiền giả chứng ngộ tính không chất thể (vô tự tánh) của mọi hiện tượng, Tâm Trí Huệ vô ngã của họ, tự động tâm họ trở nên bình lặng; đây là thiền Samatha. Khi họ chứng ngộ tâm họ thì vượt khỏi hai cực đoạn có và không, đây là thiền Vipasyana, họ đạt đến cấp độ Phật quả của giác ngộ.

Theo hệ thống Kim Cương thừa Bên Ngoài tổng quát, khi thiền giả có đức tin nhất tâm đối với đối tượng của chánh định của bốn tôn, tâm họ trở nên rất bình lặng, không thể để cho những phiền não bình thường xâm nhập. Đây là thiền Samatha. Dần dần qua chánh định này, thân, ngữ, tâm bình thường của họ được chuyển hóa thành Thân, Ngữ, Tâm Trí Huệ của bốn tôn, đó là thiền Vipasyana.

Theo hệ thống Kim Cương thừa Bên Trong tổng quát, trong sanh tử tất cả vô số hiện tượng được gồm trong năm uẩn và tất cả vô số chư Phật được gồm trong năm bộ Phật. Những phiền não của sanh tử không thể xâm nhập tâm người thực hành khi, bằng quán tưởng, năm uẩn chuyển hóa thành năm bộ Phật, năm bộ Phật này là tình túy bí mật thanh tịnh của những hiện tượng hữu hình không tách lìa với những phẩm tính vô hình của năm phối ngẫu trí huệ của tánh không vĩ đại. Đây là thiền Samatha. Dần dần, khi không có sự phân biệt giữa những hiện tượng bất tịnh của sanh tử và những hiện tượng thanh tịnh của niết bàn, cái này trở thành thiền Vipasyana, bánh xe (luân xa) không chiều hướng của Bốn Tôn Trí Huệ.

Theo hệ thống Đại thừa, nghỉ ngơi trong tánh không vĩ đại vô nhiễm thì gọi là Nyamshag, “Ở lại trong Thiền định Bình thản”. Bất cứ khi nào chúng ta ở lại trong bình thản chúng ta sẽ không ham muốn tích tập công đức theo sắc tướng bên ngoài bởi vì bình thản là sự tích tập công đức lớn nhất. Như Milarepa nói, “Khi bạn ở trong thiền định Đại Ấn, nếu bạn quan tâm đến tích tập công đức của thân và ngữ, Tâm Trí Huệ của bạn sẽ biến mất.” Khi nào tâm chuyển khỏi đại bình thản vô nhiễm này và nghỉ ngơi trong ánh sáng tịch lặng trong đó mọi thứ sanh khởi thì xuất hiện như trò phô diễn huyền hóa, nó được gọi là Jethob, “Sau khi Kinh nghiệm Thiền định Bình thản”.

Năng lực thanh tịnh của những hiện tượng như huyền đến từ không gian tánh không vô nhiễm. Năng lượng hư không không này xuyên thấm năng lượng thô của những hiện tượng

đến độ mọi sự có vẻ vi tế, thanh nhẹ và như huyễn. Lợi lạc của Jethob là người nào thấy mọi hiện tượng là sự phô diễn thì không bám níu hay từ chối những đối tượng như huyễn và như thế là tích tập công đức. Như Tilopa nói với Naropa, “Trừ phi chúng ta chứng ngộ rằng mọi hiện tượng là vô sanh, còn không chúng ta cứ phải liên tục quay bánh xe tích tập công đức và trí huệ.”

Với nhiều người thực hành không kinh nghiệm thì Nyamshag có nghĩa là ở yên trong một tư thế ngồi và Jethob là chuyển khỏi một thế ngồi. Bất cứ ai ở trong tâm bình thản với chánh niệm pháp tánh đều đang thực hành thiền định Nyamshag cho dù thân họ có chuyển động và ngữ họ có phát âm. Người nào chuyển khỏi tâm bình thản vào ánh sáng tịch lặng sau kinh nghiệm ấy với chánh niệm tri giác đều đang thực hành thiền định Jethob cho dù thân họ bất động và ngữ họ im lặng.

Theo hệ thống Kim Cương thừa Bên Trong, nghỉ ngơi trong tánh không vĩ đại vô nhiễm cũng được gọi là Nyamshag. Bất cứ khi nào tâm chuyển khỏi đại bình thản vô nhiễm này và nghỉ ngơi trong ánh sáng tịch lặng của nó trong đó mọi sự sanh khởi xuất hiện như bản tôn, khi mọi sắc tướng là thân của Bản Tôn, mọi tư tưởng là Tâm Trí Huệ vô nhiễm của Bản Tôn, đây gọi là Jethob.

Thần lực thanh tịnh của Bản Tôn Trí Huệ đến từ quang minh trí huệ vô nhiễm vô ngại. Năng lượng quang minh này, nó là tinh túy của bản tôn, xuyên thấm năng lượng vi tế bình thường và như huyễn của những nguyên tố đến độ chúng xuất hiện là những hiện tượng của Bản Tôn Trí Huệ. Sự lợi lạc là

tất cả những hiện tượng bất tịnh, gồm cả những hiện tượng như huyền bình thường, đều được tịnh hóa thành những hiện tượng của bốn tôn mà không bám níu hay chối bỏ.

Nếu chúng ta thực hành liên tục, khi sự phân chia giữa Tâm Bình Thản Như Hư Không Vô Nhiễm và những hiện tượng của bốn tôn được giảm thiểu và chúng càng trở nên không thể tách biệt, chúng ta đến gần giác ngộ trong đó không có Nyamshag hay Jethob, không có trong không có ngoài, chỉ có cảnh giới vô lượng của một mạn đà la. Nếu chúng ta phân biệt giữa Samatha và Vipasyana, hay giữa Nyamshag và Jethob, bèn có một con đường và những cấp bậc khác nhau, tùy theo những khả năng khác nhau. Nhưng người nào nghiêm túc muốn đạt đến giác ngộ không có những quan niệm chi li thì không cần lo toan về việc di động qua những cấp bậc khác nhau như leo một cầu thang lầu. Những phạm trù chi li ấy đến từ sự phân biệt giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Đối với người thực hành có thể thiền định một cách tự nhiên, không có sự khác biệt giữa người tri giác, cái được tri giác và sự tri giác, giữa thiền ngồi và thiền di động, hay giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Với người thực hành có thể thiền định một cách tự nhiên, không có cái giữa nữa. Phật Thích Ca nói, “Chân lý thật sự là vô sanh nhưng những trẻ con bám vào Bốn Chân Lý khản cả tiếng. Với những người đi vào tinh túy của niết bàn, không có dù chỉ cái tên của một chân lý. Bấy giờ Bốn Chân Lý ở đâu? Không đâu cả.”

Theo quan điểm của bộ Tâm của Đại Toàn Thiện, từ ban đầu, không phân biệt giữa thiền Samatha và thiền Vipasyana, hay giữa Nyamshag và Jethob, chúng ta thiết lập bốn Đại Sama-

## SỰ NHẢY MÚA ẢO DIỆU

ya (Samaya; thệ nguyện, cam kết, giới) như sau :

Samaya không hiện hữu: chúng ta không thể tìm thấy những phẩm tính tiêu cực của sanh tử hay những phẩm tính tích cực của niết bàn ở đâu cả, bởi vì từ vô thủy, tâm không hề hiện hữu một cách có chất thể; nó chưa từng hiện hữu, bây giờ không hiện hữu, sẽ không bao giờ hiện hữu ở tương lai. Dù những đám mây trắng hay đen xuất hiện, chúng không hiện hữu bởi vì không gian luôn luôn vốn trống không.

Samaya duy nhất: tâm chúng ta luôn luôn là một, là nguồn gốc duy nhất của bất cứ hiện tượng bất tịnh nào của sanh tử hay bất cứ hiện tượng thanh tịnh nào của niết bàn. Vô số sao, hành tinh, mặt trăng và mặt trời đều phản chiếu trong một đại dương.

Samaya tự do: những hiện tượng của sanh tử không thể làm nhiễm ô và những hiện tượng của niết bàn không thể làm lợi lạc bởi vì tâm thì tự do khỏi mọi cực đoan và giới hạn. Trong bầu trời, không có phương hướng hay mặt này mặt nọ.

Samaya tự phát: vô số phẩm tính ham muốn của sanh tử và vô số phẩm tính vô dục vô lượng của niết bàn luôn luôn sanh khởi không chướng ngại. Đây là tinh túy và trò phô diễn của sự nhảy múa ảo diệu của Bốn Tôn Trí Huệ tự nhiên. So sánh với vô số ngọc quý bình thường, tâm là vô giá bởi vì mọi hiện tượng sinh sôi từ tâm một cách tự phát.

Người nào thực hành bốn Đại Giới (Đại Samaya) này thì đã giác ngộ, cho dù thân thể họ, nó là kết quả của nghiệp trước kia đã chín, có vẻ là một hình tướng bình thường. Vào lúc

chấm dứt cuộc đời, nhiều người thực hành bình thường mong có một cái chết tốt lành, gia đình, đệ tử bao quanh, khóc lóc, cầu nguyện và thờ phụng tôn kính. Nhưng khi những người thực hành cao cả chết, họ không quan tâm thân xác họ được đặt trên một ngai vàng, trang hoàng với một vương miện nam ngọc, ca tụng và thờ phụng, hay nó bị vứt trong bùn của một nghĩa trang đổ nát và bị lãng mạ.

Như Longchenpa, “Vị Thầy Trí Huệ Như Hư Không Bao La Vĩ Đại Toàn Trí” nói, “Khi người thực hành chân thật chết, nó giống như một người ăn xin trong đường phố, một mình không hy vọng và không có ai chăm sóc, như một đứa trẻ không có thậm chí những quan niệm về sanh và chết.”

Như Longchenpa dạy, bất cứ người nào thực hành một cách liên tục và thanh tịnh với sự thấu hiểu quan điểm Đại Toàn Thiện lại được giác ngộ cái vốn đã giác ngộ. Người thực hành an trụ một cách xác tín trong không gian sâu thẳm của bình thản bao la vượt khỏi những quan niệm chứng ngộ hay không chứng ngộ, giải thoát hay không giải thoát, thì có thể có hình tướng của cuộc đời này, nhưng nó đã giống như chim kim xí điều đã có xác tín và khả năng bay khi còn trong vỏ trứng, để rồi khi vỏ trứng vỡ, nó có thể tức khắc bay vào bầu trời. Nếu chúng ta có thể hiểu ngộ quan điểm Đại Toàn Thiện trong đời này, chúng ta sẽ hiểu ngộ rằng từ vô thủy con chim kim xí điều tánh giác toàn triệt vô ở trong thân nghiệp báo nào của chúng ta. Bây giờ khi chúng ta bỏ thân nghiệp báo, kim xí điều trí huệ nội tại của chúng ta bay bổng trong bầu trời Pháp thân.

## LỜI CUỐI

Khi nào chúng ta nghe từ những vị thầy hay đọc trong những bản văn rằng Tâm Trí Huệ là vô thủy, chúng ta nghĩ điều này có nghĩa thời gian nào đó trước lúc bắt đầu, rất xa khoảnh khắc hiện tại. Chúng ta phải nhận biết rằng nếu từ lúc bắt đầu Tâm Trí Huệ của chúng ta là vô thủy, nó không có bắt đầu, không có chấm dứt và không có ở giữa, thế thì nó liên tục và luôn luôn hiện tại. Quan niệm nền tảng vô thủy bản nguyên này được nối kết với quan niệm con đường vô thủy. Nếu qua con đường vô thủy của thực hành chúng ta có thể nhận biết nền tảng vô thủy, bây giờ không còn thời gian nữa, chỉ có một cái bây giờ bắt đầu mà không có chỗ bắt đầu trong tâm chúng ta.

Cuốn sách này đến từ nơi bắt đầu không có chỗ bắt đầu. Bởi vì không có bắt đầu, thì không có chấm dứt. Bây giờ cuốn sách này được chấm dứt trong không gian trí huệ bất tận mà trong đó mọi nguyên tố trở thành một tinh túy bí mật thanh tịnh bất tận.





*Chương trình ấn tống sách điện tử do quỹ Liên Hoa Quang (lienhoaquang.org) với sự trợ giúp của NXB Thiện Tri Thức. Xin tùy hỉ công đức tất cả bè bạn gần xa ủng hộ, đóng góp cho chương trình này.*

*Nguyện đem công đức này xin hồi hướng cho tất cả hữu tình chúng sinh trọn viên thành Phật Đạo.*



